BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

SÁCH GIÁO KHOA ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
BỞI HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5

(Theo Quyết định số 1963/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 7 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SÁCH GIÁO KHOA ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
BỞI HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA CẤP TIỂU HỌC

(Theo Quyết định số 466/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 3 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử)
NGHIÊM ĐÌNH VỲ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử)
NGUYỄN THỊ THU THUỶ (Chủ biên phần Lịch sử)
ĐÀO THỊ HỒNG – LÊ THỊ THU HƯƠNG

ĐÀO NGỌC HÙNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
TRẦN THỊ HÀ GIANG (Chủ biên phần Địa lí)
ĐẶNG TIÊN DUNG – DƯƠNG THỊ OANH

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5

(Tái bản lần thứ hai, có chỉnh lí, bổ sung)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mỗi hoạt động học tập trong sách **Lịch sử và Địa lí 5** đều được chỉ dẫn bằng một kí hiệu nhất định. Thầy, cô giáo sẽ hướng dẫn các em học theo các chỉ dẫn này. Các em cũng có thể làm theo các chỉ dẫn để tự học.

MỤC TIÊU BÀI HỌC

Nhấn mạnh những yêu cầu học sinh cần đạt được sau khi học xong bài học.

KHỞI ĐỘNG

Xác định nhiệm vụ học tập của học sinh; nêu vấn đề kích thích tư duy, tạo hứng thú để dẫn vào bài mới.

KHÁM PHÁ

Kênh chữ, kênh hình và các hoạt động giúp học sinh hình thành năng lực và phẩm chất.

Câu chuyện lịch sử: cung cấp thông tin về nhân vật hoặc sự kiện lịch sử dưới dạng câu chuyện nhằm làm cho tri thức lịch sử trở nên hấp dẫn, sinh động.

Em có biết: kiến thức mở rộng, nâng cao hoặc có tính liên môn, nhằm bổ sung cho nội dung chính.

LUYỆN TẬP

Củng cố tri thức, rèn luyện các kĩ năng gắn với kiến thức vừa được học.

VẬN DỤNG

Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

Chủ đề 1
ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM
BÀI 1 VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, QUỐC KÍ, QUỐC HUY, QUỐC CA
KHỞI ĐỘNG
KHÁM PHÁ
1. Vị trí địa lí

TRẠNG LƯỠNG LƯỢNG THẾ VINH

Em có biết?

LUYỆN TẬP
Hoàn thành bảng thông tin về vai trò của thiên nhiên Việt Nam đối với đời sống và hoạt động sản xuất của con người theo mẫu sau vào vở.

Thành phần thiên nhiên	Vai trò
Địa hình và khoáng sản	?
Khí hậu	?
Sông, hồ	?
Đất và rừng	?

VẬN DỤNG
Tìm hiểu và chia sẻ về đặc điểm của một thành phần thiên nhiên tại địa phương nơi em đang sống.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa
để dành tặng các em học sinh lớp sau!

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Tiếp nối những nội dung về lịch sử và địa lí đã được làm quen từ lớp 4, cuốn sách giáo khoa **Lịch sử và Địa lí 5** sẽ cùng các em tiếp tục tìm hiểu về những vấn đề nổi bật của lịch sử và địa lí Việt Nam: vị trí địa lí, thiên nhiên, dân cư, quá trình dựng nước và giữ nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ thời các Vua Hùng dựng nước đến hiện nay.

Bên cạnh đó, những chủ đề "Các nước láng giềng", "Tìm hiểu thế giới", "Chung tay xây dựng thế giới" sẽ giúp các em khám phá về thiên nhiên, con người, lịch sử – văn hoá của các nước láng giềng và một số khu vực trên thế giới, bảo vệ môi trường và xây dựng hoà bình thế giới.

Qua những bài học, các em sẽ tiếp tục hình thành, phát triển các năng lực lịch sử và địa lí; đồng thời, bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; ý thức bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc.

Chúc các em luôn hứng thú và say mê học tập!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

TRANG

LỜI NÓI ĐẦU 3

CHỦ ĐỀ 1. ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM 5

Bài 1. Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca 5

Bài 2. Thiên nhiên Việt Nam 9

Bài 3. Biển, đảo Việt Nam 16

Bài 4. Dân cư và dân tộc ở Việt Nam 20

CHỦ ĐỀ 2. NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM 25

Bài 5. Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc 25

Bài 6. Vương quốc Phù Nam 29

Bài 7. Vương quốc Chăm-pa 32

CHỦ ĐỀ 3. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM 36

Bài 8. Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc 36

Bài 9. Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long 40

Bài 10. Triều Trần xây dựng đất nước và kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược 44

Bài 11. Ôn tập 50

Bài 12. Khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê 51

Bài 13. Triều Nguyễn 56

Bài 14. Cách mạng tháng Tám năm 1945 61

Bài 15. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 65

Bài 16. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 69

Bài 17. Đất nước Đổi mới 72

CHỦ ĐỀ 4. CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG 76

Bài 18. Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa 76

Bài 19. Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào 82

Bài 20. Vương quốc Cam-pu-chia 86

Bài 21. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á 90

CHỦ ĐỀ 5. TÌM HIỂU THẾ GIỚI 93

Bài 22. Các châu lục và đại dương trên thế giới 93

Bài 23. Dân số và các chủng tộc chính trên thế giới 98

Bài 24. Văn minh Ai Cập 101

Bài 25. Văn minh Hy Lạp 105

CHỦ ĐỀ 6. CHUNG TAY XÂY DỰNG THẾ GIỚI 109

Bài 26. Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp 109

Bài 27. Xây dựng thế giới hoà bình 112

Bài 28. Ôn tập 116

Giải thích khái niệm, thuật ngữ 118

Chủ đề 1
ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

BÀI 1 VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LÃNH THỔ, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, QUỐC KÌ, QUỐC HUY, QUỐC CA

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất.
- Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
- Nêu được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam, kể được tên một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.
- Nêu được ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam.

KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình 1, 2, hãy chia sẻ những điều em biết về các địa danh này.

▲ **Hình 1.** Cột cờ Lũng Cú (tỉnh Tuyên Quang)

▲ **Hình 2.** Mũi Cà Mau (tỉnh Cà Mau)

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy:

– Xác định vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ.

– Trình bày ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất ở nước ta.

Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, thuộc châu Á. Trên đất liền, nước ta có chung đường biên giới với Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia (Cambodia) và tiếp giáp với biển. Vùng biển nước ta thuộc Biển Đông, giáp với vùng biển của nhiều quốc gia.

▲ **Hình 3.** Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025

Vị trí địa lí có ảnh hưởng lớn đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất ở nước ta.

▲ **Hình 4.** Một số ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất ở nước ta

2. Lãnh thổ và đơn vị hành chính

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:
– Mô tả hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam.
– Nêu số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh và kể tên một số tỉnh, thành phố của nước ta.

Lãnh thổ Việt Nam gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời. Vùng đất của nước ta gồm toàn bộ phần đất liền và các đảo, quần đảo của Việt Nam trên Biển Đông. Phần đất liền của nước ta có dạng hình chữ S, hẹp ngang và trải dài theo chiều bắc – nam.

Tính đến năm 2025, Việt Nam có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh. Trong đó, có 6 thành phố (Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ) và 28 tỉnh. Hà Nội là Thủ đô của Việt Nam.

3. Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy nêu ý nghĩa của Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

a) Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh. Trong đó, nền đỏ tượng trưng cho cách mạng, màu vàng tượng trưng cho dân tộc Việt Nam. Năm cánh sao tượng trưng cho năm tầng lớp: trí thức, nông dân, công nhân, thương nhân, binh sĩ cùng đoàn kết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

▲ **Hình 5.** Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Quốc kì thể hiện cho sự thống nhất, độc lập, tự chủ và hoà bình của dân tộc Việt Nam.

b) Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng và dòng chữ "Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Trong đó, hình ảnh bông lúa vàng bao quanh tượng trưng cho nông nghiệp, bánh xe tượng trưng cho công nghiệp.

Quốc huy thể hiện khát vọng về một nền hoà bình, độc lập, tự do và về một nước Việt Nam phát triển thịnh vượng, sánh vai cùng các quốc gia trên thế giới.

▲ **Hình 6.** Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

c) Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài *Tiến quân ca*.

Quốc ca thể hiện sự hi sinh to lớn, chiến thắng vinh quang của thế hệ đi trước, đồng thời cũng thể hiện khát vọng độc lập, tự do và phát triển của Việt Nam.

Em có biết?

Bài hát "Tiến quân ca" do nhạc sĩ Văn Cao sáng tác vào năm 1944, để cổ vũ tinh thần đấu tranh cách mạng của dân tộc. Năm 1946, Quốc hội khoá I đã quyết định chọn "Tiến quân ca" làm Quốc ca của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca là biểu tượng của đất nước và con người Việt Nam, thể hiện ý chí, truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

LUYỆN TẬP

Xác định trên bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025 sáu thành phố, quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa.

VẬN DỤNG

Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về việc sử dụng Quốc kì, Quốc huy và Quốc ca nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường học hoặc tại nơi em sống.

BÀI 2 THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

Sau bài học này, em sẽ:

- Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng,...).
- Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính.
- Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.
- Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

KHỞI ĐỘNG

Em hãy chỉ ra các từ ngữ thể hiện thiên nhiên của Việt Nam trong những câu hát sau:

"Bạn ơi hãy đến quê hương chúng tôi
Ngắm mặt biển xanh xa tít chân trời
Nghe sóng vỗ dạt dào biển cả
Vút phi lao gió thổi trên bờ."

(*Việt Nam quê hương tôi*, Đỗ Nhuận)

Chia sẻ thêm những điều em biết về thiên nhiên Việt Nam.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

KHÁM PHÁ

1. Địa hình và khoáng sản

a) Địa hình

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:
– Chỉ trên bản đồ các khu vực đồi núi và các khu vực đồng bằng ở nước ta.
– Trình bày đặc điểm chính của địa hình nước ta.

Trên phần đất liền của nước ta, đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ, chủ yếu là đồi núi thấp. Các dãy núi có hai hướng chính là tây bắc – đông nam và vòng cung. Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích lãnh thổ, địa hình thấp và tương đối bằng phẳng.

▲ **Hình 1.** Bản đồ tự nhiên Việt Nam

Vùng đồi núi có nhiều thuận lợi để phát triển khai thác khoáng sản, thuỷ điện, chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò), trồng cây công nghiệp,... Tuy nhiên, địa hình hiểm trở nên giao thông khó khăn, dân cư thưa thớt. Đồng bằng là nơi thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế, dân cư đông đúc. Bên cạnh đó, vùng đồng bằng cũng chịu ảnh hưởng của một số thiên tai như bão, ngập lụt, xâm nhập mặn,...

b) Khoáng sản

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy:
– Kể tên và xác định trên bản đồ một số khoáng sản ở nước ta.
– Nêu vai trò của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế.

Việt Nam có tài nguyên khoáng sản phong phú với nhiều loại khác nhau. Khoáng sản được khai thác làm nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp (nhiệt điện, sản xuất kim loại, hoá chất,...) và một phần để xuất khẩu.

▲ **Hình 2.** Giàn khoan dầu khí ở mỏ Bạch Hổ (Thành phố Hồ Chí Minh)

Em có biết?

Một số khoáng sản có trữ lượng lớn ở nước ta là dầu mỏ và khí tự nhiên, bô-xít (bauxite), đá vôi, than đá, a-pa-tít (apatite), sắt, ti-tan (titanium),...

2. Khí hậu và sông, hồ

a) Khí hậu

Đọc thông tin, bảng nhiệt độ trung bình của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, quan sát các hình 3, 4, em hãy:
– Trình bày đặc điểm chính của khí hậu nước ta.
– Nêu những thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với đời sống và hoạt động sản xuất.

Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước đều lớn hơn 20°C (trừ vùng núi cao). Lượng mưa lớn, trung bình năm từ 1 500 đến 2 000 mm. Một năm có hai mùa gió chính: gió mùa đông chủ yếu có hướng đông bắc và gió mùa hạ chủ yếu có hướng tây nam, đông nam.

Khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam (ranh giới là dãy núi Bạch Mã) có sự khác nhau. Ở miền Bắc có hai mùa chính: mùa hạ nóng, mưa nhiều và mùa đông lạnh, mưa ít. Ở miền Nam nóng quanh năm, có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.

Khí hậu nước ta còn có sự phân hoá theo độ cao. Ở khu vực núi cao, khí hậu mát mẻ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BẢNG NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CỦA HÀ NỘI VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình (°C)		
	Cả năm	Tháng 1	Tháng 7
Hà Nội	24	17	29
Thành phố Hồ Chí Minh	28	27	28

(Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thuỷ văn)

Việt Nam có nguồn nhiệt, ẩm dồi dào nên cây trồng phát triển quanh năm và cho năng suất cao. Khí hậu thay đổi theo mùa và vùng, miền nên sản phẩm nông nghiệp đa dạng. Tuy nhiên, nước ta cũng chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán,... gây khó khăn cho đời sống và hoạt động sản xuất.

▲ **Hình 3.** Rau vụ đông ở tỉnh Hưng Yên

▲ **Hình 4.** Ngập lụt do mưa lớn ở tỉnh Quảng Trị năm 2020

b) Sông, hồ

Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy:

– Trình bày đặc điểm của sông, hồ ở nước ta.

– Nêu vai trò của sông, hồ đối với đời sống và hoạt động sản xuất.

Việt Nam có rất nhiều sông, chủ yếu là sông nhỏ, tuy nhiên cũng có một số sông lớn như sông Hồng, sông Cửu Long,... Lượng nước sông thay đổi theo mùa. Mùa lũ, mực nước sông dâng cao, có thể gây lũ lụt, ngập úng. Mùa cạn, mực nước sông hạ thấp, có tình trạng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất ở một số khu vực.

Nước ta có nhiều hồ tự nhiên, như hồ Ba Bể (tỉnh Thái Nguyên), hồ Tơ Nưng (tỉnh Gia Lai),... Ngoài ra, nước ta còn có nhiều hồ nhân tạo, như hồ Hoà Bình (tỉnh Phú Thọ), hồ Dầu Tiếng (tỉnh Tây Ninh),...

Sông, hồ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, tạo điều kiện phát triển đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, du lịch, giao thông đường thuỷ, thuỷ điện,...

▲ **Hình 5.** Sông Tiền đoạn chảy qua tỉnh Đồng Tháp

▲ **Hình 6.** Hồ Ba Bể ở tỉnh Thái Nguyên

3. Đất và rừng

a) Đất

Đọc thông tin và quan sát các hình 7, 8, em hãy:

– Trình bày đặc điểm của các loại đất ở nước ta.

– Nêu vai trò của đất đối với sản xuất nông nghiệp.

Việt Nam có hai nhóm đất chính là nhóm đất phe-ra-lít (feralit) và nhóm đất phù sa.

Nhóm đất phe-ra-lít phân bố ở vùng đồi núi, với đặc điểm chua và nghèo mùn, thích hợp trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu. Nhóm đất phù sa phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng, nhìn chung tơi xốp, màu mỡ, thuận lợi trồng cây lương thực (đặc biệt là lúa nước), rau đậu, cây ăn quả,...

▲ **Hình 7.** Vườn cam ở vùng đồi núi phía Bắc (tỉnh Phú Thọ)

▲ **Hình 8.** Cánh đồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long (tỉnh An Giang)

b) Rừng

Đọc thông tin và quan sát các hình 9, 10, em hãy:

– Trình bày đặc điểm của rừng ở nước ta.

– Nêu vai trò của rừng đối với đời sống và hoạt động sản xuất.

Trên lãnh thổ Việt Nam, rừng nhiệt đới và rừng ngập mặn chiếm diện tích lớn.

Rừng có vai trò quan trọng: cung cấp gỗ và nhiều sản vật phục vụ cho sản xuất, đời sống của con người (thực phẩm, dược liệu,…); hạn chế xói mòn đất, lũ lụt,…

Hiện nay, mặc dù diện tích rừng nước ta tăng lên do có nhiều rừng trồng mới, nhưng một số khu rừng tự nhiên vẫn bị khai thác quá mức. Vì vậy, mỗi người cần phải có ý thức bảo vệ rừng.

▲ **Hình 9.** Rừng nhiệt đới ở tỉnh Nghệ An

▲ **Hình 10.** Rừng ngập mặn ở tỉnh Cà Mau

4. Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai

Đọc thông tin, quan sát hình 11 và dựa vào hiểu biết của bản thân, em hãy nêu một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

Thiên nhiên đem đến cho con người nguồn tài nguyên đa dạng, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế. Tuy nhiên, các loại tài nguyên đang bị suy giảm do khai thác chưa hợp lí. Nước ta chịu ảnh hưởng của một số thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán,…), gây khó khăn cho hoạt động sản xuất và đời sống. Vì vậy, cần thực hiện đồng thời nhiều biện pháp để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

▲ **Hình 11.** Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai

LUYỆN TẬP

Hoàn thành bảng thông tin về vai trò của thiên nhiên Việt Nam đối với đời sống và hoạt động sản xuất của con người theo gợi ý dưới đây vào vở.

Thành phần thiên nhiên	Vai trò
Địa hình và khoáng sản	?
Khí hậu	?
Sông, hồ	?
Đất và rừng	?

VẬN DỤNG

Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về đặc điểm của một thành phần thiên nhiên tại địa phương nơi em đang sống.

BÀI 3 BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh, câu chuyện liên quan (đội Hoàng Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa,...).
- Sưu tầm, đọc và kể lại được một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.

KHỞI ĐỘNG

Hình 1 là một đảo thuộc quần đảo Trường Sa của nước ta. Hãy kể tên một số đảo, quần đảo khác của Việt Nam mà em biết.

▲ **Hình 1.** Đảo Trường Sa Lớn thuộc quần đảo Trường Sa (tỉnh Khánh Hoà)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 3 (trang 6), em hãy xác định vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam.

Vùng biển Việt Nam là một phần của Biển Đông. Trong vùng biển có hàng nghìn đảo, tiêu biểu như các đảo: Bạch Long Vĩ, Cát Bà (thành phố Hải Phòng); Cồn Cỏ (tỉnh Quảng Trị); Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi); Côn Sơn (Thành phố Hồ Chí Minh); Phú Quốc (tỉnh An Giang);... Nhiều đảo tập hợp thành các quần đảo, trong đó lớn nhất là quần đảo Hoàng Sa (thành phố Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (tỉnh Khánh Hoà).

▲ **Hình 2.** Một phần vịnh Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh)

Em có biết?

Vịnh Hạ Long có gần 2 000 hòn đảo lớn, nhỏ với nhiều đảo đá, hang động và bãi tắm đẹp. Vịnh Hạ Long được UNESCO ghi danh là Di sản thiên nhiên thế giới.

▲ **Hình 3.** Đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi)

▲ **Hình 4.** Một góc đảo Phú Quốc (tỉnh An Giang)

2. Công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 5 đến 8, em hãy:

– Trình bày những nét chính về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

– Kể lại một câu chuyện về biển, đảo Việt Nam.

Từ xưa đến nay, các thế hệ người Việt Nam đã dành nhiều công sức để khai phá, xác lập và bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Thế kỉ XVII, các chúa Nguyễn đã cho lập đội Hoàng Sa và sau đó là đội Bắc Hải để thu lượm sản vật, đánh bắt hải sản,... đồng thời từng bước thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Câu chuyện Lịch sử

ĐỘI HOÀNG SA

Chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã lập ra đội Hoàng Sa, gồm 70 người từ xã An Vĩnh (nay thuộc đặc khu Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi). Đội có nhiệm vụ ra quần đảo Hoàng Sa để thu lượm, khai thác sản vật,...

Hằng năm, cứ từ tháng 3 đến tháng 8, họ giong buồm vượt biển ra quần đảo Hoàng Sa, mang lương thực đủ ăn trong sáu tháng, đi ba ngày ba đêm thì đến. Trong điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, chỉ với những chiếc thuyền câu nhỏ bé và các vật dụng thô sơ nên nhiều người đã không thể trở về.

▲ **Hình 5.** Tem về đội Hoàng Sa (phát hành năm 1988)

Để cầu bình an cho những người đi làm nhiệm vụ, đồng thời tri ân những người có công trong việc bảo vệ biển, đảo quê hương, người dân ở đảo Lý Sơn đã tổ chức lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa.

(Theo Nguyễn Hữu Tâm, *Những mẩu chuyện bảo vệ biên cương trong lịch sử*, NXB Chính trị quốc gia, 2016)

Các vua Triều Nguyễn tiếp tục xác lập và thực thi chủ quyền bằng việc cắm cờ, dựng cột mốc,... trên quần đảo Hoàng Sa. Vua Minh Mạng cho vẽ *Đại Nam nhất thống toàn đồ*, trong đó thể hiện rõ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.

TƯ LIỆU. Năm 1836, vua Minh Mạng cử Phạm Hữu Nhật chỉ huy đội binh thuyền ra quần đảo Hoàng Sa, mang theo 10 cái bài gỗ (cột mốc). Mặt bài khắc những chữ: "Minh Mệnh thứ 17, năm Bính Thân... Phạm Hữu Nhật vâng mệnh đi Hoàng Sa trông nom, đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ".

(Theo Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập bốn, NXB Giáo dục, 2007, tr. 867)

Thời Pháp thuộc, người Pháp cho dựng bia chủ quyền, lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa,...

▲ **Hình 6.** Bia chủ quyền của Việt Nam trên đảo Hoàng Sa được xây dựng năm 1938

Đến nay, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp tục có nhiều hoạt động bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông như:

thành lập các đơn vị hành chính ở quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa; ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền biển đảo; tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982;... đồng thời thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng, góp phần bảo vệ biển, đảo quê hương.

▲ **Hình 7.** Thầy và trò Trường Tiểu học xã Sinh Tồn (nay thuộc đặc khu Trường Sa, tỉnh Khánh Hoà)

▲ **Hình 8.** Bộ đội hải quân tuần tra bảo vệ biển, đảo

LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về những hoạt động chính trong công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Thời kì	Hoạt động
Các chúa Nguyễn	Lập đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải
Triều Nguyễn	?
Thời Pháp thuộc	?
Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	?

2. Giới thiệu với bạn, thầy cô bài hát, bài thơ hoặc câu chuyện về biển, đảo mà em sưu tầm được.

VẬN DỤNG

Tìm hiểu và chia sẻ với bạn về một số hoạt động góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của địa phương em (tỉnh hoặc thành phố) hoặc địa phương khác mà em biết.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 4 DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

Sau bài học này, em sẽ:

- Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.
- Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam; nêu được một số tác động của gia tăng dân số đến phát triển kinh tế – xã hội ở Việt Nam.
- Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

KHỞI ĐỘNG

Theo Cục Thống kê, giữa tháng 4 – 2023, số dân Việt Nam đạt mốc 100 triệu người, xếp thứ 8 châu Á và thứ 15 trong số các quốc gia đông dân nhất thế giới. Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về những thông tin trên.

KHÁM PHÁ

1. Quy mô dân số

Đọc thông tin và bảng số dân các nước Đông Nam Á năm 2024, em hãy:

– Cho biết số dân của nước ta năm 2024.

– So sánh số dân nước ta với các nước trong khu vực Đông Nam Á.

BẢNG SỐ DÂN CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á NĂM 2024

Tên nước	Số dân *(triệu người)*	Tên nước	Số dân *(triệu người)*
In-đô-nê-xi-a (Indonesia)	281,6	Cam-pu-chia	16,6
Phi-líp-pin (Philippines)	114,4	Lào	7,7
Việt Nam	101,3	Xin-ga-po (Singapore)	6,2
Thái Lan	71,7	Ti-mo Lét-xtê (Timor-Leste)	1,4
Mi-an-ma (Myanmar)	57,5	Bru-nây (Brunei)	0,5
Ma-lai-xi-a (Malaysia)	34,2		

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2024, Cục thống kê năm 2025)

Việt Nam là nước đông dân trên thế giới. Năm 2024, số dân nước ta là hơn 101,3 triệu người (đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á).

2. Gia tăng dân số

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

– Cho biết số dân của nước ta năm 2024 tăng khoảng bao nhiêu triệu người so với năm 1999.

– Nêu một số tác động của gia tăng dân số đến phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta.

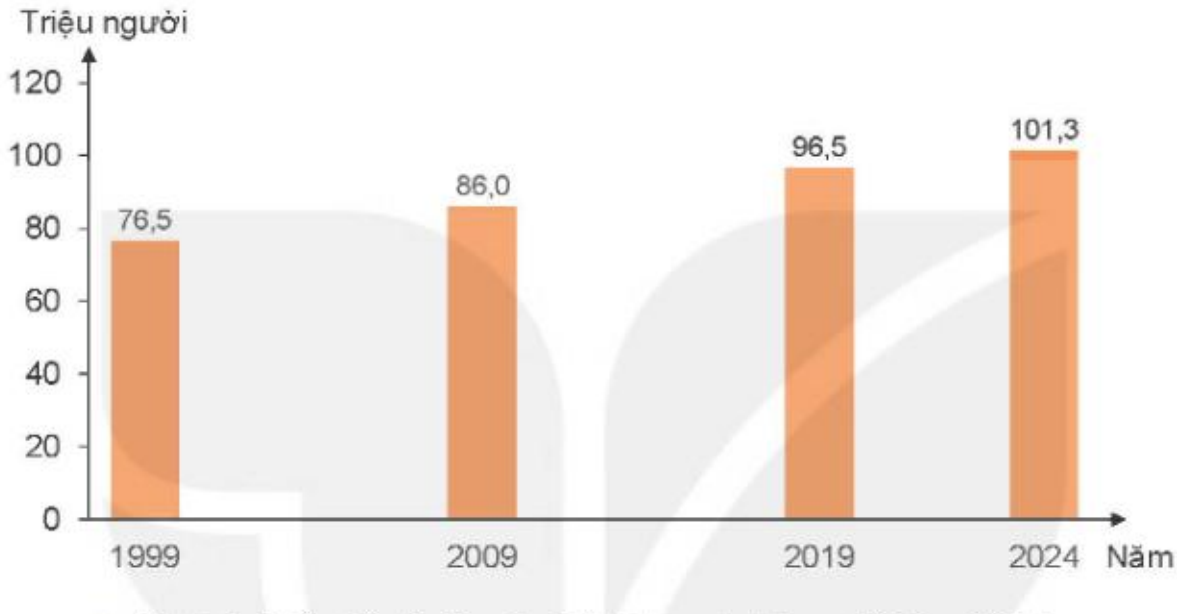

▲ **Hình 1.** Biểu đồ số dân của Việt Nam giai đoạn 1999 – 2024

(Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam các năm)

Số dân nước ta tăng khá nhanh, bình quân mỗi năm tăng thêm khoảng một triệu người. Trong thời gian gần đây, tốc độ gia tăng dân số có xu hướng giảm.

Dân số đông và tăng lên hằng năm tạo cho nước ta nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn; đây là điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế. Tuy nhiên, dân số đông cũng gây ra một số khó khăn trong giải quyết việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục,...; đồng thời dẫn đến nguy cơ suy thoái tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.

3. Phân bố dân cư

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định các khu vực đông dân, khu vực thưa dân ở nước ta. Rút ra nhận xét.

Nước ta có mật độ dân số cao. Dân cư phân bố có sự khác nhau giữa đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn. Vùng đồng bằng, ven biển dân cư tập trung đông đúc với mật độ dân số cao. Vùng đồi núi có dân cư thưa thớt, mật độ dân số thấp. Thành thị có mật độ dân số cao.

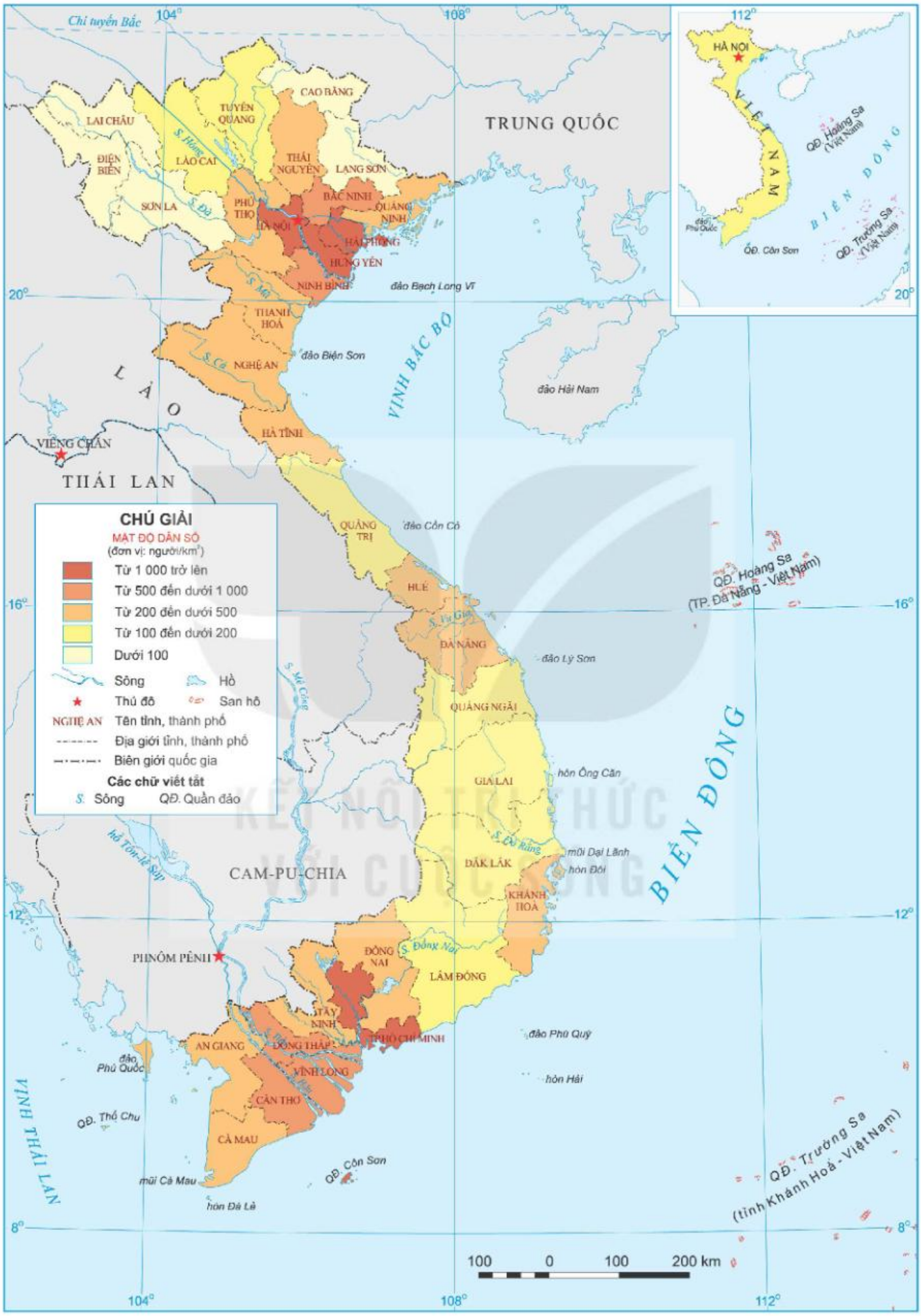

▲ **Hình 2.** Bản đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2024

Dân cư phân bố không đồng đều dẫn đến nơi thừa, nơi thiếu lao động; gây khó khăn cho việc khai thác tài nguyên thiên nhiên và sử dụng hợp lí nguồn lao động.

4. Dân tộc

Đọc thông tin, em hãy:

– Kể tên một số dân tộc sinh sống ở nước ta.

– Kể lại một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Việt Nam có 54 dân tộc cùng sinh sống. Trong đó, dân tộc Kinh có số dân đông nhất.

Các dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước, đoàn kết trong quá trình bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng thể hiện qua ngôn ngữ, trang phục, ẩm thực, lễ hội,...

Em có biết?

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Việt Nam, 10 dân tộc có số dân đông nhất ở nước ta lần lượt là Kinh, Tày, Thái, Hoa, Kho-me (Khmer), Mường, Nùng, Mông, Dao, Gia Rai.

Câu chuyện Lịch sử

ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

Cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, Triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng nhưng nhân dân ta vẫn không chịu khuất phục. Năm 1885, vua Hàm Nghi ban *Dụ Cần vương*, kêu gọi nhân dân giúp vua cứu nước. Đồng bào các dân tộc đã hưởng ứng phong trào này.

Trong những ngày ở núi rừng Tân Sở, vua Hàm Nghi đã được đồng bào các dân tộc nơi đây tận tình giúp đỡ. Đồng bào Bru – Vân Kiều, Tà Ôi, Cơ Tu,... đã cung cấp lương thực, đốn gỗ, xây dựng doanh trại cho nghĩa quân. Đồng bào còn giữ bí mật về hành trình của vua Hàm Nghi và tuỳ tùng, làm cho giặc Pháp nhiều lần không tìm thấy tung tích, đành phải trở về. Đây là một minh chứng về tinh thần yêu nước, nối tiếp truyền thống đoàn kết của các dân tộc Việt Nam từ nghìn xưa.

(Theo Lã Văn Lô, *Bước đầu tìm hiểu các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước*, NXB Khoa học xã hội, 1973)

Câu chuyện Lịch sử

TÌNH CẢM YÊU THƯƠNG CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC Ở TÂN TRÀO ĐỐI VỚI BÁC HỒ

Tân Trào là căn cứ địa cách mạng của cả nước, ghi dấu những năm tháng Bác Hồ ở và làm việc, những ân tình sâu nặng, son sắt của đồng bào dân tộc đối với Bác. Đây cũng là nơi sinh sống lâu đời của các dân tộc như Tày, Nùng, Dao, Cao Lan,...

Những ngày đầu Bác mới chuyển về Tân Trào, điều kiện sinh hoạt còn thiếu thốn. Bác và cán bộ cách mạng đều được đồng bào dân tộc tại địa phương giúp đỡ. Bác làm việc, sinh hoạt trong lán. Bác đi tới đâu cũng nhận được tình cảm của đồng bào. Chỉ một thời gian ngắn ở Tân Trào mà từ cụ già đến em nhỏ ai cũng hết sức kính trọng, thương yêu Bác như người ruột thịt của mình. Đồng bào gọi Bác là Ông Ké vì thấy Bác giản dị, gần gũi và nhân từ.

Trong thời gian hoạt động cách mạng ở Tân Trào, Bác Hồ và các đồng chí cán bộ cách mạng luôn được đồng bào tin tưởng, ủng hộ và giữ gìn bí mật các hoạt động để lãnh đạo cách mạng giành được thắng lợi.

(Theo *Bác Hồ ở Việt Bắc*, NXB Chính trị quốc gia, 2011)

LUYỆN TẬP

Dựa vào bản đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2024, hãy kể tên 3 tỉnh, thành phố có mật độ dân số cao nhất và 3 tỉnh, thành phố có mật độ dân số thấp nhất.

VẬN DỤNG

Tìm hiểu và viết đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) về một dân tộc ở nước ta (tên, nơi sinh sống, trang phục, lễ hội,...) và chia sẻ với các bạn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 2
NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

BÀI 5 NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC

Sau bài học này, em sẽ:

- Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.
- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (*Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*; *Thánh Gióng*; *Sự tích nỏ thần*;...), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

KHỞI ĐỘNG

Năm 1954, trong lần về thăm Đền Hùng, Bác Hồ đã căn dặn cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên phong: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Câu nói của Bác không chỉ là lời nhắc nhở mà còn thể hiện lòng biết ơn đối với các Vua Hùng đã có công dựng nên Nhà nước Văn Lang. Hãy chia sẻ với bạn những điều em biết về nhà nước này.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

KHÁM PHÁ

1. Sự ra đời của Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc

Thông qua tìm hiểu truyền thuyết, đọc thông tin và quan sát các hình từ 1 đến 3, em hãy:

– Trình bày sự ra đời của Nhà nước Văn Lang.

– Trình bày sự thành lập Nhà nước Âu Lạc.

a) Nhà nước Văn Lang

Khoảng thế kỉ VII trước Công nguyên (TCN), ở lưu vực các dòng sông thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay, Nhà nước Văn Lang đã ra đời. Sự ra đời của nhà nước này được phản ánh thông qua truyền thuyết *Con Rồng cháu Tiên* và nhiều bằng chứng khảo cổ học thuộc nền văn hoá Đông Sơn. Các hiện vật đã được tìm thấy gồm có: lưỡi cày, rìu, đồ gốm, trống đồng,...

a. Rìu đồng b. Trống đồng

▲ **Hình 1.** Một số hiện vật thuộc văn hoá Đông Sơn

Nhà nước Văn Lang được chia thành 15 bộ, đứng đầu là Hùng Vương, tương truyền trải qua 18 đời vua theo hình thức "cha truyền con nối". Kinh đô đặt ở Phong Châu (tỉnh Phú Thọ).

b) Nhà nước Âu Lạc

Năm 208 TCN, sau khi lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống quân Tần thắng lợi, Thục Phán lên làm vua, xưng là An Dương Vương, lập ra Nhà nước Âu Lạc. Kinh đô được dời xuống Cổ Loa (nay thuộc xã Đông Anh, thành phố Hà Nội).

▲ **Hình 2.** Lẫy nỏ và mũi tên đồng được tìm thấy ở Cổ Loa

▲ **Hình 3.** Đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa

2. Đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 4 đến 6, em hãy:

– Mô tả một số nét chính về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

– Cho biết truyền thuyết *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* phản ánh điều gì.

Nghề chính của cư dân Văn Lang, Âu Lạc là làm ruộng. Họ trồng lúa, khoai, đỗ, cây ăn quả,... Ngoài ra, họ còn biết trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải,...

Cư dân Văn Lang, Âu Lạc biết đúc đồng để làm công cụ lao động, vũ khí và đồ trang sức. Họ cũng biết làm đồ gốm, đan lát, đóng thuyền,...

▲ **Hình 4.** Nồi gốm

▲ **Hình 5.** Lưỡi cày đồng

▲ **Hình 6.** Vòng tay bằng đồng

Câu chuyện Lịch sử

TRUYỀN THUYẾT SƠN TINH, THUỶ TINH

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mỵ Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua muốn kén cho con gái một người chồng thật xứng đáng.

Một hôm, có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên, gọi là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, gọi là Thuỷ Tinh. Hai người đều có tài khiến Vua Hùng băn khoăn không biết chọn ai. Nhà vua bèn ra điều kiện: Ai mang lễ vật đến trước thì sẽ gả con gái cho. Lễ vật gồm: một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi.

Hôm sau, Sơn Tinh đem đầy đủ lễ vật đến trước nên được rước Mỵ Nương về. Thuỷ Tinh đến sau, nổi giận hô mưa gọi gió và dâng nước sông lên cao. Sơn Tinh không hề nao núng dùng phép thuật bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi chặn dòng nước lũ. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời. Cuối cùng, Thuỷ Tinh kiệt sức đành rút quân. Tuy nhiên, hằng năm, Thuỷ Tinh vẫn dâng nước lũ đánh Sơn Tinh và lần nào cũng thua trận.

(Theo Nguyễn Đổng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, NXB Giáo dục, 2000)

3. Công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc

Đọc thông tin, em hãy:

– Mô tả một số nét chính về công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.

– Kể lại một câu chuyện chống ngoại xâm, bảo vệ Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.

Từ rất sớm, cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã phải đấu tranh chống ngoại xâm.

Cuối thế kỉ III TCN, vua Tần cho quân sang xâm lược Văn Lang. Người Việt đã tôn Thục Phán lên làm tướng, lãnh đạo nhân dân kháng chiến. Cuộc chiến đấu kiên cường, quyết liệt của người Việt đã buộc quân Tần phải rút về nước. Cuộc kháng chiến chống quân Tần thắng lợi.

Công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc còn được phản ánh sinh động qua một số truyền thuyết như: *Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần,...*

Câu chuyện Lịch sử

SỰ TÍCH NỎ THẦN

Sau khi lập ra Nhà nước Âu Lạc, An Dương Vương cho xây thành Cổ Loa, nhưng xây đến đâu thì đổ đến đó. Về sau, nhờ sự giúp đỡ của thần Kim Quy, thành đã xây xong. Thần Kim Quy còn cho nhà vua một cái móng vuốt để làm nỏ thần. Khi Triệu Đà đưa quân sang xâm lược Âu Lạc, An Dương Vương đã dùng nỏ thần đánh bại. Triệu Đà bèn dùng kế xin hoãn binh, cho con trai là Trọng Thuỷ kết hôn với con gái An Dương Vương là Mỵ Châu và ở rể tại Âu Lạc. Khi lấy được lòng tin của Mỵ Châu, Trọng Thuỷ đánh cắp nỏ thần rồi lấy cớ về thăm cha. Có nỏ thần trong tay, Triệu Đà đem quân đánh Âu Lạc. An Dương Vương ỷ thế có nỏ thần nên không tổ chức phòng bị dẫn đến thua trận.

Cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của An Dương Vương thất bại. Từ đây, đất nước rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.

(Theo Nguyễn Đổng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, Sđd)

LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.

Nội dung	Nhà nước Văn Lang	Nhà nước Âu Lạc
Thời gian ra đời	?	?
Kinh đô	?	?
Người đứng đầu nhà nước	?	?

2. Kể một truyền thuyết khác liên quan đến Nhà nước Văn Lang hoặc Nhà nước Âu Lạc.

VẬN DỤNG

Chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Tìm hiểu từ sách, báo, internet,... hãy kể tên một số di tích lịch sử liên quan đến thời Văn Lang – Âu Lạc.

2. Kể tên một số hoạt động kinh tế có từ thời Văn Lang – Âu Lạc còn đến ngày nay.

BÀI 6 VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

Sau bài học này, em sẽ:

- Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học.
- Mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.

KHỞI ĐỘNG

Hình 1 là một trong những hiện vật tiêu biểu của Vương quốc Phù Nam. Hãy chia sẻ điều em biết về vương quốc này.

Hình 1. Bình gốm Nhơn Thành (thành phố Cần Thơ)

KHÁM PHÁ

1. Sự thành lập Vương quốc Phù Nam

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy:

– Cho biết thời gian và địa điểm thành lập Vương quốc Phù Nam.

– Kể lại truyền thuyết về Hỗn Điền – Liễu Diệp.

Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, gắn với truyền thuyết về Hỗn Điền – Liễu Diệp cùng một số bằng chứng khảo cổ học. Địa bàn cư trú của cư dân Phù Nam chủ yếu ở khu vực Nam Bộ Việt Nam hiện nay.

Câu chuyện Lịch sử

TRUYỀN THUYẾT VỀ HỖN ĐIỀN – LIỄU DIỆP

Theo truyền thuyết, Liễu Diệp là Nữ vương của Phù Nam. Phía nam nước này có một vương quốc đặt dưới sự cai quản của Hỗn Điền. Một đêm, Hỗn Điền được thần báo mộng sẽ trở thành vua của Phù Nam và ban cho một cây cung. Theo chỉ dẫn của các vị thần, Hỗn Điền đi thuyền ra biển, hướng về phía Phù Nam.

Thấy thuyền lạ xâm phạm lãnh thổ, Liễu Diệp mang quân chặn đánh. Từ xa, Hỗn Điền giương cung bắn, mũi tên xuyên qua mạn thuyền của Liễu Diệp. Nữ vương buộc phải xin hàng. Sau đó, Hỗn Điền và Liễu Diệp nên duyên vợ chồng, cùng nhau cai quản Phù Nam.

(Theo Lương Ninh, *Vương quốc Phù Nam – Lịch sử và văn hoá*, NXB Văn hoá Thông tin, 2005)

Những di tích và hiện vật khảo cổ học tìm thấy ở vùng Nam Bộ là bằng chứng quan trọng góp phần làm sáng tỏ hơn lịch sử ra đời và phát triển của Vương quốc Phù Nam.

▲ **Hình 2.** Dấu tích kiến trúc ở di tích Gò Cây Thị (tỉnh An Giang)

▲ **Hình 3.** Dấu tích cọc gỗ nhà sàn của cư dân Phù Nam ở di tích Nền Chùa (tỉnh An Giang)

2. Một số hiện vật khảo cổ học của Vương quốc Phù Nam

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 4 đến 7, hãy kể tên và mô tả một số hiện vật khảo cổ học của Vương quốc Phù Nam.

Nhiều dấu tích, hiện vật khác nhau của Vương quốc Phù Nam như: nền móng kiến trúc, bếp đun, đồ gốm, tiền kim loại,... mà các nhà khảo cổ học tìm thấy đã chứng tỏ đời sống kinh tế, vật chất của cư dân Phù Nam khá phát triển.

▲ **Hình 4.** Đồng tiền kim loại thời Vương quốc Phù Nam được phát hiện ở tỉnh An Giang

Cà ràng (bếp đun) được làm bằng đất nung, có thành che gió, đáy giữ tro, đun bằng củi hoặc than, thuận tiện khi sử dụng ở nhà sàn hoặc trên thuyền, ghe. Ngày nay, cà ràng vẫn được người dân vùng Tây Nam Bộ sử dụng khá phổ biến.

▲ **Hình 5.** Nồi và cà ràng được phát hiện ở Thành phố Hồ Chí Minh

Các hiện vật khác được tìm thấy như đồ trang sức, tượng thần, tượng Phật,... cho thấy đời sống tinh thần khá phong phú của cư dân Phù Nam.

▲ **Hình 6.** Khuyên tai bằng vàng của cư dân Phù Nam được phát hiện ở tỉnh An Giang

▲ **Hình 7.** Tượng Phật Bình Hoà (tỉnh Tây Ninh)

Em có biết?

Tượng Phật Bình Hoà được làm bằng gỗ bằng lăng, tạc hình đức Phật đứng trên toà sen với mái tóc xoăn. Thân tượng khoác áo choàng phủ vai trái, hai tay để ngang ngực. Bức tượng là tác phẩm tiêu biểu cho nghệ thuật tạc tượng của cư dân Phù Nam.

LUYỆN TẬP

1. Trình bày sự thành lập Vương quốc Phù Nam.

2. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số hiện vật khảo cổ học của Vương quốc Phù Nam.

Lĩnh vực	Hiện vật
Đời sống vật chất	?
Đời sống tinh thần	?

VẬN DỤNG

Vẽ và trang trí một hiện vật khảo cổ học của Vương quốc Phù Nam mà em ấn tượng.

BÀI 7 VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn lại cho đến ngày nay.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...) mô tả được một đền tháp Chăm-pa.
- Tìm hiểu và kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.

KHỞI ĐỘNG

Hình 1 là một tháp Chăm tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa. Hãy chia sẻ điều em biết về các đền tháp Chăm.

▲ **Hình 1.** Tháp Nhạn (tỉnh Đắk Lắk)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

KHÁM PHÁ

1. Giới thiệu về đền tháp Chăm-pa

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy:

– Kể tên và xác định vị trí của một số đền tháp Chăm.

– Mô tả nét chính của một đền tháp Chăm.

Cuối thế kỉ II, Vương quốc Chăm-pa được thành lập. Địa bàn chủ yếu của vương quốc này thuộc một số tỉnh ở Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ Việt Nam ngày nay.

Đền tháp là di sản văn hoá tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa. Hiện nay, ở khu vực Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ còn nhiều di tích đền tháp Chăm, trong đó nổi bật nhất là Thánh địa Mỹ Sơn (thành phố Đà Nẵng).

▲ **Hình 2.** Bản đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay

Thánh địa Mỹ Sơn là một quần thể kiến trúc với khoảng hơn 70 đền tháp, nằm trong một thung lũng được bao quanh bởi đồi, núi. Đây là nơi thờ phụng và tổ chức lễ tế của Vương quốc Chăm-pa.

Đền tháp ở đây phần lớn được xây dựng bằng gạch kết hợp với đá sa thạch, cửa quay về phía đông. Tháp chính có kiến trúc thân vuông, ở giữa rộng tạo thành điện thờ. Bao quanh

▲ **Hình 3.** Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn (thành phố Đà Nẵng)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

tháp chính là những ngôi tháp nhỏ. Tường bên ngoài tháp được trang trí các hoạ tiết hoa văn hình hoa lá (hoa cúc, hoa sen,...), hình động vật (voi, sư tử,...),...

▲ **Hình 4.** Tháp Bánh Ít (tỉnh Gia Lai)

Em có biết?

Tháp Bánh Ít còn gọi là Tháp Bạc, gồm bốn ngọn tháp đứng gần nhau, một tháp chính ở giữa đỉnh đồi và ba tháp nhỏ thấp hơn. Bên trong tháp chính đặt tượng thần Si-va (Shiva) toạ trên đài sen. Đỉnh mỗi tháp đều có gắn tượng thần Si-va bằng đá.

2. Kể chuyện về đền tháp Chăm

Đọc thông tin, em hãy kể một câu chuyện về đền tháp Chăm.

Câu chuyện Lịch sử

THÁP PÔ KLONG GA-RAI

Truyền thuyết kể rằng, có một cậu bé tên là Po Ong, sinh ra với hình hài xấu xí, thân mình bị đầy ghẻ chốc. Một lần, trên đường đi làm, vì quá mệt, Po Ong đã ngủ thiếp bên tảng đá ven đường và có một đôi rồng trắng đã quấn quanh người cậu. Kì lạ thay, các vết ghẻ chốc trên người Po Ong biến mất.

▲ **Hình 5.** Tháp Pô Klong Ga-rai (tỉnh Khánh Hoà)

Bấy giờ, nhà vua băng hà mà không có người nối dõi, con voi trắng từ trong triều chạy ra ngoài, tới quỳ trước Po Ong và rước ông về. Từ đó, Po Ong được tôn lên làm vua, gọi là vua Pô Klong Ga-rai. Trong thời gian trị vì, nhà vua đã cho xây dựng nhiều công trình thuỷ lợi, dạy dân cày cấy,... làm cho mùa màng bội thu, đời sống nhân dân hưng thịnh.

Sau này, tháp Pô Klong Ga-rai được xây dựng để tỏ lòng tôn kính đối với vua Pô Klong Ga-rai.

(Theo In-ra-gia-ka (Inrajaka), *Hành trình văn hoá Chăm*, NXB Văn hoá dân tộc, 2017)

Câu chuyện Lịch sử

SỰ TÍCH THÁP BÀ PÔ NA-GA

Thuở xưa, trên núi Đại An (tỉnh Khánh Hoà) có một thiếu nữ vốn là tiên nữ giáng trần làm con nuôi trong một gia đình tiều phu. Một ngày nọ, bị cha nặng tiếng rầy la, nàng đã biến thân vào khúc kì nam và theo dòng nước trôi ra biển, dạt đến vùng biển phía Bắc. Thấy khúc gỗ có mùi hương ngào ngạt, người dân đến xem rất đông. Thái tử nước đó cũng tìm đến, rồi đem khúc gỗ về cung và quý như báu vật.

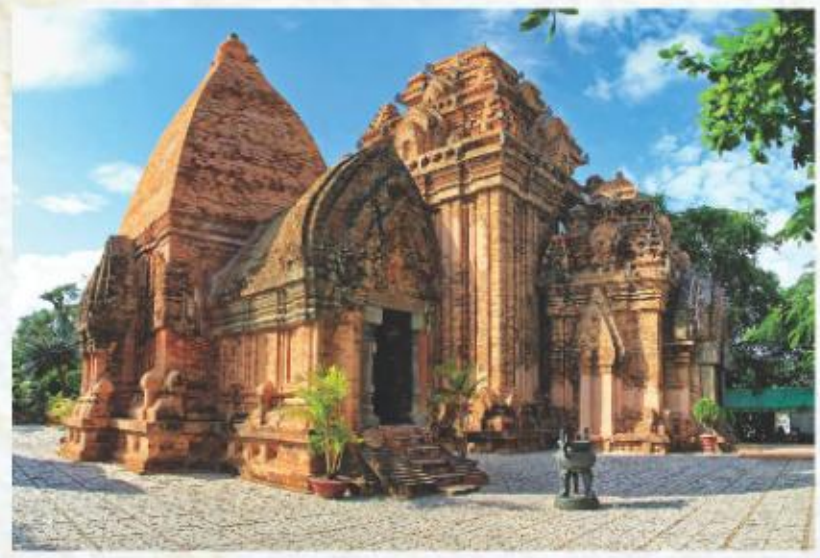

▲ **Hình 6.** Tháp Bà Pô Na-ga (tỉnh Khánh Hoà)

Một đêm nọ, có cô gái xinh đẹp, hương thơm ngào ngạt từ trong khúc kì nam bước ra và bị Thái tử bắt gặp. Nàng xưng là Thiên Y A Na, sau đó kết hôn cùng Thái tử.

Thời gian trôi qua, do nhớ nhà, Thiên Y A Na lại nhập vào khúc kì nam trở về làng cũ. Bà đã dạy dân cày cấy, ươm tơ, dệt vải,... Nhờ thế, đời sống nhân dân thêm sung túc. Một ngày kia, có con chim hạc từ trên trời bay xuống, bà lên lưng hạc bay về trời. Nhân dân địa phương nhớ ơn của bà nên đã xây tháp Bà Pô Na-ga để phụng thờ.

(Theo văn bia về Thiên Y A Na tại tháp Bà Pô Na-ga, tỉnh Khánh Hoà)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về các đền tháp Chăm ở Việt Nam.

STT	Tên đền tháp	Địa điểm (tỉnh hoặc thành phố)
1	Thánh địa Mỹ Sơn	Đà Nẵng
?	?	?

2. Làm thẻ ghi nhớ giới thiệu về một đền tháp Chăm theo gợi ý: tên gọi, địa điểm, một số nét chính về kiến trúc.

VẬN DỤNG

Sưu tầm tranh ảnh về một đền tháp Chăm ở Việt Nam và giới thiệu với bạn, người thân.

Chủ đề 3
XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

BÀI 8 ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP THỜI KÌ BẮC THUỘC

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên và vẽ được trục thời gian thể hiện một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc (ví dụ: 179 TCN, 40, 248, 542, 938,...).
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Ngô Quyền,...

KHỞI ĐỘNG

Đọc và cho biết những câu thơ dưới đây nhắc đến sự kiện lịch sử nào?

Hai Bà Trưng có đại tài,
Phất cờ khởi nghĩa giết người tà gian,
Ra tay khôi phục giang san,
Tiếng thơm dài tạc đá vàng nước ta.

(Hồ Chí Minh, *Lịch sử nước ta*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2018)

KHÁM PHÁ

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Đọc thông tin, em hãy:

– Kể tên một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.

– Cho biết việc nhân dân ta liên tục đứng lên đấu tranh giành độc lập thể hiện điều gì?

Sau khi Triệu Đà thôn tính nước Âu Lạc (179 TCN), các triều đại phong kiến phương Bắc nối tiếp nhau đô hộ nước ta trong hơn 1 000 năm.

Dưới ách thống trị của phong kiến phương Bắc, nhân dân ta liên tục đứng lên đấu tranh giành độc lập. Trong đó, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa của

Em có biết?

Chính quyền đô hộ phong kiến phương Bắc sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc, chia thành các đơn vị hành chính như: châu – quận, huyện. Chúng bắt nhân dân ta phải cống nạp sản vật quý (ngà voi, tê giác, ngọc trai, đồi mồi,...), phải theo phong tục của người Hán, học chữ Hán,...

Hai Bà Trưng (40 – 43), Bà Triệu (248), Lý Bí – Triệu Quang Phục (542 – 602), Mai Thúc Loan (713 – 722), Phùng Hưng (766 – 779), Khúc Thừa Dụ (905). Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền (938) đã kết thúc thời kì Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc.

2. Kể chuyện về một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 1 đến 3, em hãy:
– Kể câu chuyện về một nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.
– Chia sẻ điều em biết được qua câu chuyện đó.

Trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc của nhân dân ta xuất hiện nhiều tấm gương anh dũng, tiêu biểu như: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Ngô Quyền,...

Câu chuyện Lịch sử

TRƯNG VƯƠNG TRỪ GIẶC HÁN

Thuở xưa, nước ta bị nhà Hán đô hộ. Chúng ra sức vơ vét của cải, bóc lột nhân dân ta. Bấy giờ, ở huyện Mê Linh (nay thuộc thành phố Hà Nội) có hai chị em gái tên là Trưng Trắc và Trưng Nhị rất giỏi võ nghệ, sớm nuôi chí giành lại non sông. Chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách bị Thái thú Tô Định giết hại. Trưng Trắc đã cùng với em gái phất cờ khởi nghĩa để "đền nợ nước, trả thù nhà".

Cuộc khởi nghĩa được nhân dân nhiều nơi hưởng ứng. Nghĩa quân làm chủ Mê Linh, rồi tiến xuống Cổ Loa (nay thuộc xã Đông Anh, thành phố Hà Nội), tấn công Luy Lâu (nay thuộc phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh). Cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi, Trưng Trắc được tôn làm vua, gọi là Trưng Vương. Đất nước được độc lập trong hơn ba năm (40 – 43).

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã chứng tỏ tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân ta, tạo tiền đề cho việc khôi phục nền độc lập, tự chủ của nước nhà sau này.

(Theo Nguyễn Thi, Thành Nam, Lương Duyên, *Hai Bà Trưng và cuộc khởi nghĩa chống quân đô hộ nhà Hán*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

▲ **Hình 1.** Trưng Vương trừ giặc Hán (tranh dân gian Đông Hồ)

Câu chuyện Lịch sử

LÝ BÍ VÀ NHÀ NƯỚC VẠN XUÂN

Vào thế kỉ VI, dưới ách đô hộ tàn bạo của nhà Lương, Lý Bí – một hào trưởng quê ở phường Vạn Xuân (tỉnh Thái Nguyên) đã phất cờ khởi nghĩa. Hào kiệt và nhân dân khắp nơi kéo về hưởng ứng. Nghĩa quân đã chiếm được hầu hết các quận, huyện. Viên quan cai trị hoảng sợ vội bỏ thành Long Biên chạy về Trung Quốc. Mùa xuân năm 544, Lý Bí lên ngôi vua, tự xưng là Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân, dựng kinh đô ở vùng cửa sông Tô Lịch (thành phố Hà Nội). Ông còn lập triều đình, gồm hai ban Văn, Võ; mở chùa Khai Quốc,...

Cuộc khởi nghĩa Lý Bí thể hiện lòng yêu nước, khẳng định sự trưởng thành về ý thức đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta.

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2005)

▲ **Hình 2.** Đền thờ Lý Nam Đế (tỉnh Phú Thọ)

Câu chuyện Lịch sử

NGÔ QUYỀN ĐẠI PHÁ QUÂN NAM HÁN

Năm 937, sau khi Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn sát hại, Ngô Quyền – một vị tướng tài, con rể của Dương Đình Nghệ đã đưa quân từ Ái Châu (tỉnh Thanh Hoá) ra Bắc để trị tội kẻ phản nghịch. Kiều Công Tiễn hoảng sợ, cầu cứu vua Nam Hán. Nhân cơ hội đó, năm 938, vua Nam Hán sai con là Hoằng Tháo đem quân sang xâm lược nước ta theo đường biển tiến vào cửa sông Bạch Đằng (địa phận giữa tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng).

Nghe tin Hoằng Tháo sắp đến, Ngô Quyền cho người đem cọc lớn vạt nhọn, đầu bịt sắt đóng ngầm trên sông Bạch Đằng. Khi thuỷ triều lên, Ngô Quyền cho thuyền ra khiêu chiến rồi giả vờ thua và rút chạy để dụ quân giặc vào trận địa. Đợi lúc thuỷ triều xuống, ông tổ chức cho quân phản công, khiến chiến thuyền của giặc va vào bãi cọc, bị vỡ và đắm rất nhiều. Hoằng Tháo tử trận, quân ta đại thắng.

Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền đã chấm dứt hoàn toàn ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc.

(Theo Đăng Khoa, Hoài Thu, *Ngô Quyền và trận chiến trên sông Bạch Đằng*, NXB Văn hoá Thông tin, 2014)

▲ **Hình 3.** Tượng đài Ngô Quyền (thành phố Hải Phòng)

LUYỆN TẬP

1. Hãy vẽ và hoàn thiện trục thời gian (theo gợi ý dưới đây vào vở) thể hiện một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.

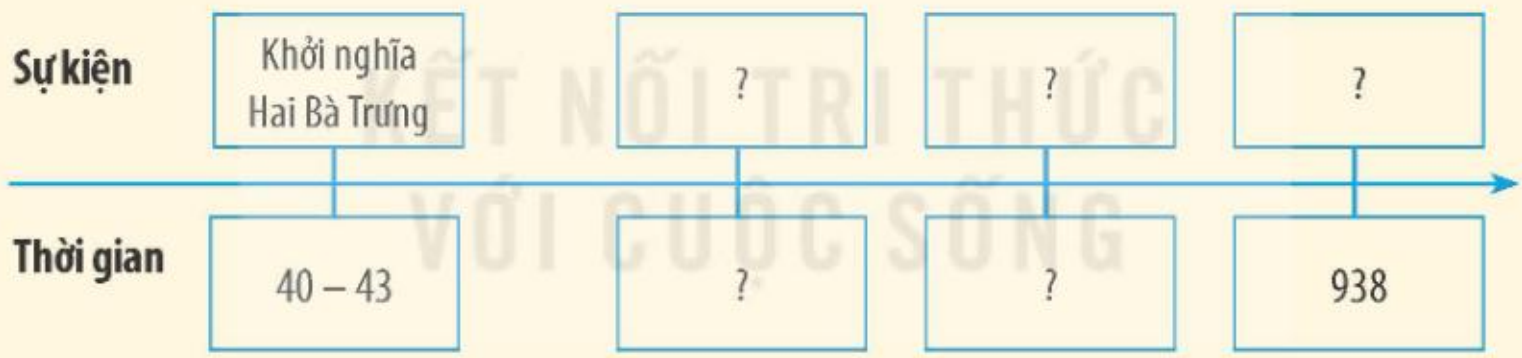

2. Kể lại câu chuyện về một nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc mà em sưu tầm được.

VẬN DỤNG

Tìm hiểu và kể tên một số di tích lịch sử, đường phố, trường học,... liên quan đến những nhân vật tiêu biểu trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 9 TRIỀU LÝ VÀ VIỆC ĐỊNH ĐÔ Ở THĂNG LONG

Sau bài học này, em sẽ:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Lý.
- Trình bày được một số nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Lý thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử, như: Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt, Nguyên phi Ỷ Lan, Từ Đạo Hạnh,...
- Đọc và nêu nhận xét về nội dung, ý nghĩa của *Chiếu dời đô*.

KHỞI ĐỘNG

Hình 1 là công trình kiến trúc tiêu biểu của Triều Lý. Hãy chia sẻ điều em biết về triều đại này.

▲ **Hình 1.** Chùa Một Cột (thành phố Hà Nội)

KHÁM PHÁ

1. Triều Lý định đô ở Thăng Long

Đọc thông tin và khai thác tư liệu, em hãy:

– Nêu nội dung và ý nghĩa của *Chiếu dời đô*.

– Cho biết những đóng góp của Lý Công Uẩn đối với dân tộc.

Năm 1009, vua Lê Long Đĩnh mất, các quan trong Triều Tiền Lê đã tôn Lý Công Uẩn lên làm vua (tức vua Lý Thái Tổ), lập ra Triều Lý. Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư (tỉnh Ninh Bình) ra thành Đại La (thành phố Hà Nội) và đổi tên là Thăng Long.

TƯ LIỆU. Trong *Chiếu dời đô* có đoạn: "... làm như thế cốt để mưu nghiệp lớn, chọn ở chỗ giữa, làm kế cho con cháu muôn vạn đời, trên kính mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu có chỗ tiện thì dời đổi, cho nên vận nước lâu dài, phong tục giàu thịnh".

... Thành Đại La "ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ hội tụ quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời."

(Theo Ngô Sỹ Liên và các sử thần Triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, NXB Khoa học xã hội, 1998, tr. 241)

▲ **Hình 2.** Bản *Chiếu dời đô* trên bức bình phong tại Đền Đô (tỉnh Bắc Ninh)

Chiếu dời đô thể hiện tầm nhìn sáng suốt của vua Lý Thái Tổ, đồng thời mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

Câu chuyện Lịch sử

VỊ VUA SÁNG LẬP TRIỀU LÝ

Vào thời Tiền Lê, ở châu Cổ Pháp (nay thuộc phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) có đôi vợ chồng sinh được một cậu bé, đặt tên là Lý Công Uẩn. Lớn lên, Lý Công Uẩn được gửi theo học nhà sư Vạn Hạnh. Vừa nhìn thấy Lý Công Uẩn, nhà sư đã đoán ngay: "Đứa bé này không phải là người thường, sau này lớn lên ắt có thể giải nguy, gỡ rối, làm bậc minh chủ trong thiên hạ".

Lý Công Uẩn làm quan đến chức Điện tiền Chỉ huy sứ trong Triều Tiền Lê. Khi vua Lê Long Đĩnh mất mà không có người nối dõi, ông được các quan tôn lên làm vua, lập ra Triều Lý. Tương truyền, khi dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, lúc đoàn thuyền của vua đỗ dưới thành thì có rồng vàng hiện lên. Vì thế, nhà vua đã đặt tên cho kinh đô mới là Thăng Long.

▲ **Hình 3.** Tượng đài vua Lý Thái Tổ (thành phố Hà Nội)

Vua Lý Thái Tổ được ca ngợi là "người khoan từ nhân thứ, tính ôn nhã, có lượng đế vương".

(Theo Ngô Sỹ Liên và các sử thần Triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sđd)

2. Triều Lý xây dựng và bảo vệ đất nước

Đọc thông tin, em hãy:

– Nêu một số nét chính về công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của Triều Lý.

– Cho biết đóng góp của Lý Thường Kiệt đối với dân tộc.

Trải qua hơn 200 năm, Triều Lý đã đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Bộ máy nhà nước được hoàn thiện, thống nhất từ trung ương đến địa phương. Nhà nước có nhiều biện pháp khuyến khích sản xuất nông nghiệp, nhờ đó, nhiều năm mùa màng bội thu.

Dưới thời nhà Lý, trong việc trị nước nổi bật lên vai trò của một người phụ nữ, đó là Nguyên phi Ỷ Lan.

Câu chuyện Lịch sử

NGUYÊN PHI Ỷ LAN GIÚP VUA TRỊ NƯỚC

Vào thời nhà Lý, ở làng Thổ Lỗi (nay thuộc xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội) có một cô gái nổi tiếng xinh đẹp. Một lần, vua Lý Thánh Tông về chùa Dâu (tỉnh Bắc Ninh) để cầu "quốc thái dân an". Khi kiệu vua đi qua cánh đồng, thấy một người con gái hái dâu xinh đẹp, đứng nép trong bụi cỏ lan, bèn cho vời tới rồi đưa về cung, phong làm Ỷ Lan phu nhân. Khi Ỷ Lan hạ sinh được Hoàng tử Càn Đức thì được vua phong là Nguyên phi.

Bà là người hiểu biết, ham học hỏi,... từng được vua Lý Thánh Tông giao trông coi việc nước khi nhà vua đưa quân đi đánh giặc. Năm 1076, quân Tống xâm lược nước ta. Vì vua Lý Nhân Tông còn nhỏ tuổi nên bà đã cùng với Lý Thường Kiệt, Lý Đạo Thành bàn kế sách và lãnh đạo nhân dân kháng chiến. Bà được sử sách ghi nhận là người phụ nữ có nhiều đóng góp dưới Triều Lý.

(Theo Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại*, Tập 2, NXB Giáo dục, 2003)

Trong thời kì này, Phật giáo phát triển thịnh đạt. Các vua Triều Lý như: Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Nhân Tông đều theo đạo Phật. Nhiều nhà sư được giữ chức vụ quan trọng trong triều đình, tiêu biểu như Từ Đạo Hạnh.

Trong những năm 1075 – 1077, Triều Lý đã lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống quân Tống giành thắng lợi. Cuộc kháng chiến này có đóng góp rất quan trọng của Lý Thường Kiệt.

Em có biết?

Từ Đạo Hạnh quê ở Hà Nội, là một thiền sư am tường Phật giáo, thông hiểu Nho giáo, Đạo giáo. Ông là người đặt nền móng cho Phật giáo mang bản sắc dân tộc và cũng là nhà thơ nổi tiếng.

Câu chuyện Lịch sử

LÝ THƯỜNG KIỆT VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG

Khi quân Tống chuẩn bị xâm lược nước ta, Triều đình đã cử Lý Thường Kiệt làm Tổng chỉ huy cuộc kháng chiến. Với chủ trương "ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn mũi nhọn của giặc". Lý Thường Kiệt đã cho quân tập kích, phá tan các căn cứ của nhà Tống ở gần biên giới Đại Việt để giành thế chủ động.

Năm 1076, quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy tiến đánh nước ta. Lý Thường Kiệt cho xây dựng phòng tuyến bên bờ bắc sông Như Nguyệt (tỉnh Bắc Ninh) để chặn thế giặc. Quách Quỳ cho quân tấn công nhiều lần nhưng chúng không thể phá được phòng tuyến của ta.

Mùa xuân năm 1077, Lý Thường Kiệt cho quân đánh thẳng vào doanh trại quân Tống. Tương truyền, để khích lệ tinh thần quân sĩ, ông cho người vào đền thờ bên bờ sông, ngâm vang bài thơ *Nam quốc sơn hà*. Quân sĩ hăng hái xông thẳng vào doanh trại địch. Quân Tống khiếp đảm, giẫm đạp lên nhau mà chạy, chết đến quá nửa. Ngay lúc ấy, Lý Thường Kiệt chủ động giảng hoà. Quách Quỳ mừng rỡ, liền đồng ý và vội vàng hạ lệnh rút quân về nước.

Cuộc kháng chiến chống quân Tống kết thúc thắng lợi, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

(Theo Đỗ Đức Hùng, *Danh tướng Việt Nam trong lịch sử*, NXB Thanh niên, 2010)

▲ **Hình 4.** Tượng đài Lý Thường Kiệt tại đền thờ Lý Thường Kiệt (tỉnh Bắc Ninh)

LUYỆN TẬP

1. Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính của lịch sử Việt Nam dưới Triều Lý.

2. Kể chuyện về một nhân vật lịch sử thời Lý mà em yêu thích.

VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...) về một di tích hoặc nhân vật lịch sử thời nhà Lý và chia sẻ với bạn.

BÀI 10 TRIỀU TRẦN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MÔNG – NGUYÊN XÂM LƯỢC

Sau bài học này, em sẽ:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Trần và cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên.
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Trần thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản, Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An,...).
- Kể lại được chiến thắng Bạch Đằng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về Trần Quốc Tuấn đánh giặc trên sông Bạch Đằng,...).

KHỞI ĐỘNG

Trong tác phẩm *Lịch sử nước ta* (năm 1942), Bác Hồ viết:

Nhà Trần thống trị giang san
Trị yên trong nước, đánh tan giặc ngoài
... Đời Trần văn giỏi võ nhiều,
Ngoài dân thịnh vượng, trong triều hiền minh.

Theo em, các câu thơ trên nói đến những đóng góp nào của Triều Trần đối với lịch sử dân tộc?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

KHÁM PHÁ

1. Triều Trần và công cuộc xây dựng đất nước

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy:

– Nêu những nét chính về tình hình đất nước dưới thời Trần.

– Kể câu chuyện về một nhân vật lịch sử của Triều Trần và đóng góp của nhân vật đó đối với lịch sử dân tộc.

Năm 1226, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, Triều Trần được thành lập.

Thời nhà Trần, bộ máy nhà nước được tổ chức chặt chẽ. Các vua Triều Trần thường nhường ngôi sớm cho con và xưng là Thượng hoàng, cùng vua quản lí đất nước.

Câu chuyện Lịch sử

THƯỢNG HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG DẠY VUA

Sau một thời gian làm vua, Trần Nhân Tông truyền ngôi cho con là Trần Anh Tông và lui về phủ Thiên Trường (nay thuộc tỉnh Ninh Bình). Một lần, Thượng hoàng đến kinh thành nhưng vua Anh Tông uống say, quần thần đánh thức mãi mà vẫn không được. Tức giận, Thượng hoàng quay về và lệnh cho các quan ngày mai phải tề tựu ở Thiên Trường để nghe chỉ dụ, ai vắng mặt sẽ bị trị tội nặng.

Nhà vua sau khi tỉnh dậy biết chuyện thì rất lo lắng, bèn về Thiên Trường dâng biểu tạ tội. Thượng hoàng cho gọi nhà vua vào răn dạy: "Trẫm còn có con khác có thể nối ngôi. Trẫm còn sống mà ngươi còn dám như thế, huống chi sau này...". Từ đó, vua Trần Anh Tông chăm chú hơn vào việc quản lí đất nước.

(Theo Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại*, Tập 3, NXB Giáo dục, 1997)

Quân đội thời nhà Trần được tổ chức quy củ, chặt chẽ. Triều Trần tiếp tục thực hiện chính sách "ngụ binh ư nông". Nhiều tướng giỏi như: Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư,... đã có công lớn trong kháng chiến chống ngoại xâm.

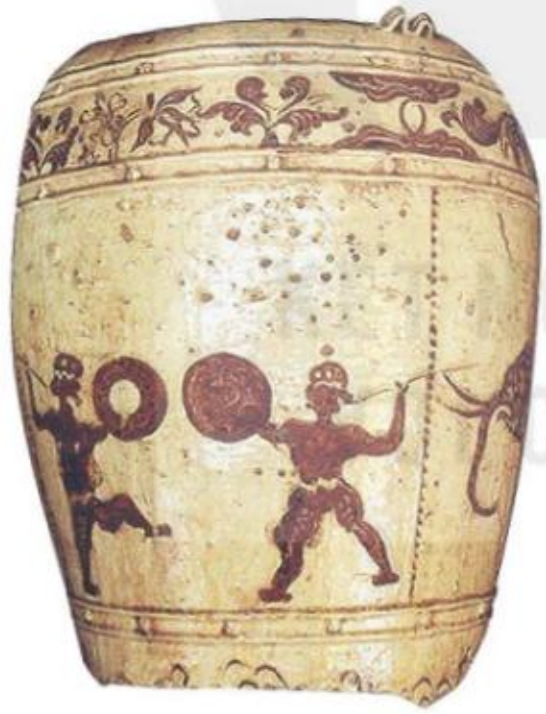

▲ **Hình 1.** Thạp gốm thời Trần trang trí cảnh chiến binh luyện tập võ nghệ

Em có biết?

Yết Kiêu và Dã Tượng là hai gia nô tài giỏi, có đóng góp lớn trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Yết Kiêu có tài về thuỷ chiến, còn Dã Tượng có tài thuần phục voi và là chỉ huy đội tượng binh.

Giáo dục, khoa cử thời nhà Trần được chú trọng. Ngoài Quốc Tử Giám ở kinh đô Thăng Long, trường học được mở nhiều tại địa phương. Triều đình tổ chức kì thi Thái học sinh, đặt danh hiệu "Tam khôi" (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa), tôn vinh ba người xuất sắc nhất. Dưới thời nhà Trần, giáo dục, khoa cử đã đào tạo được nhiều nhân tài cho đất nước như: Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An,...

Câu chuyện Lịch sử

TRẠNG NGUYÊN TRẺ TUỔI NHẤT VIỆT NAM

Thời Trần, ở phủ Thiên Trường (nay thuộc tỉnh Ninh Bình) có một cậu bé tên là Nguyễn Hiền nổi tiếng thông minh và hiếu học, được mệnh danh là thần đồng. Năm 13 tuổi, Nguyễn Hiền đã thi đỗ Trạng nguyên.

Chuyện kể rằng, khi sứ thần nhà Nguyên sang nước ta, để thử tài người Việt, sứ thần đưa ra một con ốc xoắn nhờ xâu qua ruột nó bằng một sợi chỉ mảnh. Nhà vua truyền cho các quan xâu thử nhưng không được, bèn cho hỏi Nguyễn Hiền. Ông lập tức có câu trả lời:

Tích tịch tình tang!
Bắt con kiến vàng buộc chỉ ngang lưng
Bên thì lấy giấy mà bưng,
Bên thì bôi mỡ kiến mừng kiến sang.

Sau đó, Nguyễn Hiền được vua trao giữ chức Thượng thư Bộ Công. Những năm làm quan trong triều, Nguyễn Hiền có nhiều kế sách hay giúp vua trị nước.

(Theo Mai Hồng, *Các trạng nguyên nước ta*, NXB Giáo dục, 1989)

Câu chuyện Lịch sử

NGƯỜI THẦY LƯU DANH MUÔN ĐỜI

Chu Văn An sinh ra trong một gia đình nông dân ở Thanh Đàm (nay thuộc phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội). Ông là người có tính cương trực, học vấn tinh thông nổi tiếng gần xa. Đời vua Trần Minh Tông, Chu Văn An thi đỗ Thái học sinh và được mời ra làm quan nhưng ông từ chối. Ông về quê mở trường dạy học, học trò theo học rất đông. Nhiều học trò của ông đỗ đạt cao, có công giúp nước như: Phạm Sư Mạnh, Lê Quát,... Nhờ thế, danh tiếng của Chu Văn An được cả nước biết đến. Ông được vua Trần mời làm Tư nghiệp (người đứng đầu) Quốc Tử Giám và trực tiếp dạy học cho các hoàng tử, trong đó có hai vị vua là Trần Hiến Tông và Trần Dụ Tông sau này.

▲ **Hình 2.** Tượng thờ Chu Văn An tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám

Dưới thời vua Trần Dụ Tông, triều chính rối ren, quan lại lộng hành, nhân dân cực khổ,... Bất bình, Chu Văn An dâng *Thất trảm sớ*, đòi chém bảy viên quan nịnh thần, nhưng nhà vua không nghe. Ông liền từ quan và về vùng đất Chí Linh (nay thuộc thành phố Hải Phòng) tiếp tục dạy học, viết sách. Sau khi mất, ông được thờ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội).

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Sđd)

2. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 5, em hãy:

– Kể tóm tắt về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

– Kể câu chuyện về một nhân vật có đóng góp trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

Thời Trần, quân Mông – Nguyên ba lần xâm lược Đại Việt vào các năm 1258, 1285, 1287 – 1288. Triều đình cùng quân dân nhà Trần đã chủ động bàn kế sách đánh giặc và tích cực chuẩn bị kháng chiến.

Em có biết?

Năm 1258, khi quân Mông Cổ xâm lược Đại Việt, vua Trần Thái Tông hỏi ý kiến Thái sư Trần Thủ Độ. Quan Thái sư trả lời: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo". Lời nói của quan Thái sư đã củng cố quyết tâm kháng chiến cho vua Trần Thái Tông.

Câu chuyện Lịch sử

LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG

Thất bại trong cuộc xâm lược lần thứ nhất, giặc Nguyên ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta lần nữa. Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, nhà vua mở Hội nghị Bình Than (tỉnh Bắc Ninh) bàn kế sách đánh giặc. Biết tin, Trần Quốc Toản đến xin dự họp. Thấy Quốc Toản còn nhỏ tuổi nhưng có chí khí, vua khen và ban thưởng cho quả cam. Căm giận quân xâm lược, lại vì không được dự họp, Quốc Toản đã bóp nát quả cam trong tay lúc nào mà không biết.

Trở về, Quốc Toản tập hợp gia nô và người nhà, ngày đêm luyện tập, rèn đúc vũ khí, thêu lên lá cờ sáu chữ: "Phá cường địch, báo hoàng ân" (Phá giặc mạnh, báo ơn vua). Đội quân của Quốc Toản đã tham gia nhiều trận đánh lớn. Trong một trận chiến đấu, Quốc Toản đã hi sinh khi mới 18 tuổi.

(Theo Nguyễn Huy Tưởng, *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*, NXB Kim Đồng, 2017)

Em có biết?

Đầu năm 1285, Thượng hoàng triệu tập các vị bô lão trong nước họp ở điện Diên Hồng (kinh đô Thăng Long). Khi được hỏi về chủ trương nên hoà hay đánh quân Mông – Nguyên, muôn người như một đều đồng thanh hô: "Đánh!".

Hình 3. Các bô lão trong Hội nghị Diên Hồng (tranh vẽ)

Với tinh thần quyết tâm tiêu diệt giặc, quân dân nhà Trần đã đánh bại quân Mông – Nguyên bằng các chiến thắng quan trọng như Đông Bộ Đầu, Chương Dương (thành phố Hà Nội), Tây Kết, Hàm Tử (tỉnh Hưng Yên),... và đặc biệt là chiến thắng Bạch Đằng (tỉnh Quảng Ninh – thành phố Hải Phòng).

Câu chuyện Lịch sử

TRẬN THUỶ CHIẾN TRÊN SÔNG BẠCH ĐẰNG NĂM 1288

Năm 1287 – 1288, vua Nguyên tiếp tục cho quân xâm lược Đại Việt. Dù chiếm được Thăng Long nhưng quân giặc vẫn lâm vào tình thế khó khăn và cuối cùng buộc phải rút quân về nước theo hai đường thuỷ, bộ. Cánh quân thuỷ rút theo đường sông Bạch Đằng. Nhân đó, quân dân nhà Trần dưới sự chỉ huy của Trần Quốc Tuấn đã bố trí trận địa cọc ở cửa sông Bạch Đằng để chặn giặc.

Khi đoàn thuyền giặc rút gần đến cửa sông thì bị quân Trần bất ngờ tấn công, buộc chúng phải rút lui theo đường dẫn đến bãi cọc. Nhân lúc thuỷ triều lên, Trần Quốc Tuấn cho quân đưa thuyền ra khiêu chiến rồi giả thua bỏ chạy. Quân giặc mải đuổi theo và đã lọt vào trận địa mai phục của quân ta đúng lúc thuỷ triều rút nhanh. Lúc này, quân mai phục ở hai bên bờ đổ ra tấn công quyết liệt. Thuyền giặc vướng vào cọc, bị vỡ, đắm rất nhiều, làm tắc cả một khúc sông. Tướng giặc là Ô Mã Nhi bị bắt sống. Quân Nguyên chết nhiều không kể xiết.

▲ **Hình 4.** Cọc gỗ Bạch Đằng (1288) trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia

(Theo Ngô Sỹ Liên và các sử thần Triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Sđd)

Chiến thắng Bạch Đằng (1288) đã kết thúc hoàn toàn cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên của quân dân Đại Việt. Sự kiện này cũng chứng tỏ tài năng quân sự xuất sắc của Trần Quốc Tuấn.

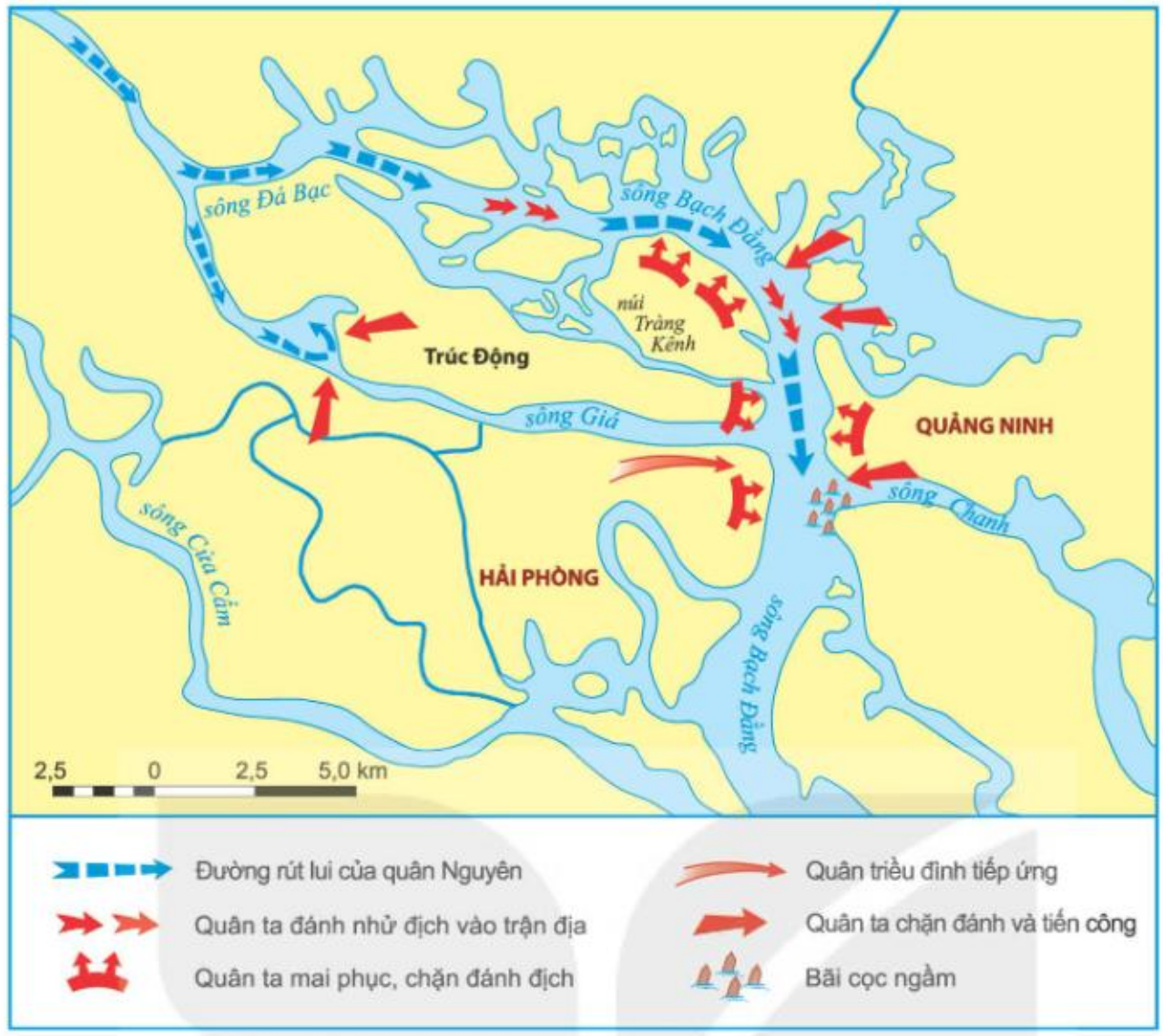

▲ **Hình 5.** Lược đồ chiến thắng Bạch Đằng (1288)

LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số nét chính của lịch sử Việt Nam dưới Triều Trần.

Lĩnh vực	Nét chính	Nhân vật lịch sử tiêu biểu
Chính trị	– Thực hiện chế độ Thượng hoàng. – ...	Trần Nhân Tông,...
Quân đội	?	?
Giáo dục, khoa cử	?	?
Kháng chiến	?	?

2. Giới thiệu về một nhân vật thời nhà Trần và đóng góp của nhân vật đó đối với lịch sử dân tộc thông qua tư liệu mà em sưu tầm được.

VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...) về một di tích lịch sử liên quan đến Triều Trần còn lại đến ngày nay và chia sẻ với bạn.

BÀI 11 ÔN TẬP

Câu 1. Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các nội dung sau vào vở: vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và đơn vị hành chính, đặc điểm địa hình, đặc điểm khí hậu của Việt Nam.

Câu 2. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam.

STT	Tên nhà nước	Địa bàn chủ yếu	Hiện vật/công trình tiêu biểu
1	Văn Lang	Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	Trống đồng Đông Sơn
?	?	?	?

Câu 3. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về các cuộc đấu tranh tiêu biểu thời kì Bắc thuộc.

STT	Thời gian	Tên cuộc đấu tranh	Ý nghĩa
1	40 – 43	Hai Bà Trưng	?
?	?	?	?

Câu 4. Lựa chọn thông tin cho phù hợp với *Triều Lý* và *Triều Trần*, sau đó ghi kết quả vào vở.

1. Định đô ở Thăng Long	2. Kháng chiến chống quân Mông – Nguyên
3. Kháng chiến chống quân Tống	4. Chiến thắng Bạch Đằng
5. Trần Quốc Tuấn	6. Lập Văn Miếu – Quốc Tử Giám
7. Lý Thường Kiệt	8. Vua Trần Nhân Tông
9. Nguyên phi Ỷ Lan	10. Vua Lý Thái Tổ
11. Nguyễn Hiền	12. Chu Văn An

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 12 KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ TRIỀU HẬU LÊ

Sau bài học này, em sẽ:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.
- Kể lại được một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích,...).
- Kể lại được chiến thắng Chi Lăng có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh, câu chuyện về ải Chi Lăng, về Liễu Thăng,...).
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: vua Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh, Ngô Sỹ Liên,...).

KHỞI ĐỘNG

Hình 1 là tượng đài anh hùng dân tộc Lê Lợi tại Quảng trường Lam Sơn (tỉnh Thanh Hoá). Ông là người đã lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa chống quân Minh giành thắng lợi, lập ra Triều Hậu Lê. Hãy chia sẻ điều em biết về Lê Lợi và triều đại do ông sáng lập.

▲ **Hình 1.** Tượng đài anh hùng dân tộc Lê Lợi

KHÁM PHÁ

1. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)

a) Khái quát về khởi nghĩa Lam Sơn

Đọc thông tin, em hãy:

– Nêu một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn.

– Kể câu chuyện về một nhân vật trong khởi nghĩa Lam Sơn.

Năm 1418, khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo nổ ra tại vùng rừng núi Lam Sơn (tỉnh Thanh Hoá). Trải qua 10 năm (1418 – 1427) chiến đấu gian khổ với nhiều trận đánh ác liệt, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã giành được thắng lợi hoàn toàn.

Câu chuyện Lịch sử

LÊ LỢI DỰNG CỜ KHỞI NGHĨA

Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Minh, nhân dân phải chịu cảnh lầm than, cơ cực. Lê Lợi – một hào trưởng ở vùng Lam Sơn (tỉnh Thanh Hoá) sớm nuôi chí lớn đánh đuổi giặc ngoại xâm.

Năm 1416, Lê Lợi cùng 18 anh hùng hào kiệt tổ chức Hội thề Lũng Nhai, nguyện chung sức đồng lòng đánh đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi. Năm 1418, Lê Lợi xưng là Bình Định Vương, dựng cờ khởi nghĩa ở vùng rừng núi Lam Sơn. Ông khẳng định: "Ta cất quân đánh giặc không phải là có lòng ham muốn phú quý, mà chính vì muốn để ngàn năm về sau, người đời biết ta không chịu làm tôi tớ cho bọn giặc tàn ngược". Cuộc khởi nghĩa đã thu hút nhiều người yêu nước và trở thành phong trào dân tộc rộng lớn.

(Theo Vũ Ngọc Khánh, *Lê Lợi, Nguyễn Trãi và đất Lam Sơn*, NXB Văn hoá dân tộc, 2018)

▲ **Hình 2.** Lê Lợi và Nguyễn Trãi ở căn cứ Lam Sơn (tranh sơn dầu của hoạ sĩ Hoàng Mai Hoa)

Thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn còn gắn với vai trò và đóng góp quan trọng của nhiều nhân vật tiêu biểu khác như: Nguyễn Trãi, Lê Lai, Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Chích,...

Em có biết?

Trong khởi nghĩa Lam Sơn, Nguyễn Trãi đã dâng lên Lê Lợi bản "Bình Ngô sách" với phương châm chủ yếu là thu phục lòng người. Ông cũng viết nhiều văn thư dụ hàng quân Minh. Đặc biệt, Nguyễn Trãi đã thay mặt Lê Lợi viết bảy bức thư gửi cho Vương Thông ở thành Đông Quan, thậm chí sẵn sàng vào thành để trao đổi con tin.

Câu chuyện Lịch sử

LÊ LAI QUÊN MÌNH CỨU CHÚA

Năm 1418, giặc Minh vây kín núi Chí Linh (thuộc vùng Lam Kinh, tỉnh Thanh Hoá). Lê Lợi hỏi các tướng: "Ai có thể thay ta mặc áo hoàng bào, xông ra giết giặc để quân tướng có đường thoát?". Khi các tướng còn yên lặng, Lê Lai đã bước lên nói: "Thần nguyện làm điều đó".

Lê Lai mặc áo bào, cưỡi ngựa xông trận. Giặc tưởng Lê Lai là Lê Lợi vội dồn hết quân vây bắt. Lê Lợi cùng nghĩa quân nhân đó rút khỏi vòng vây, sau đó từng bước khôi phục lực lượng, tiếp tục khởi nghĩa.

Nhớ ơn Lê Lai, Lê Lợi đã căn dặn: "Nếu ta chết ngày nào thì trước một ngày là ngày giỗ Lê Lai". Ngày 22 – 8 (âm lịch), Lê Lợi băng hà. Nhớ lời căn dặn, hằng năm nhân dân ta tổ chức giỗ Lê Lai vào ngày 21 – 8 (âm lịch). Vì thế mới có câu: "Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi".

(Theo Lê Đình Hà, *Những mẩu chuyện lịch sử*, NXB Giáo dục, 2008)

b) Chiến thắng Chi Lăng

Đọc câu chuyện và quan sát hình 3, hãy kể lại chiến thắng Chi Lăng.

Trận Chi Lăng là một trong những trận đánh tiêu biểu và quyết định của khởi nghĩa Lam Sơn.

Câu chuyện Lịch sử

TRẬN CHI LĂNG

Ải Chi Lăng thuộc địa phận xã Chi Lăng (tỉnh Lạng Sơn), là một thung lũng nhỏ, dài khoảng hơn 4 km, hai bên là các dãy núi đá rất hiểm trở.

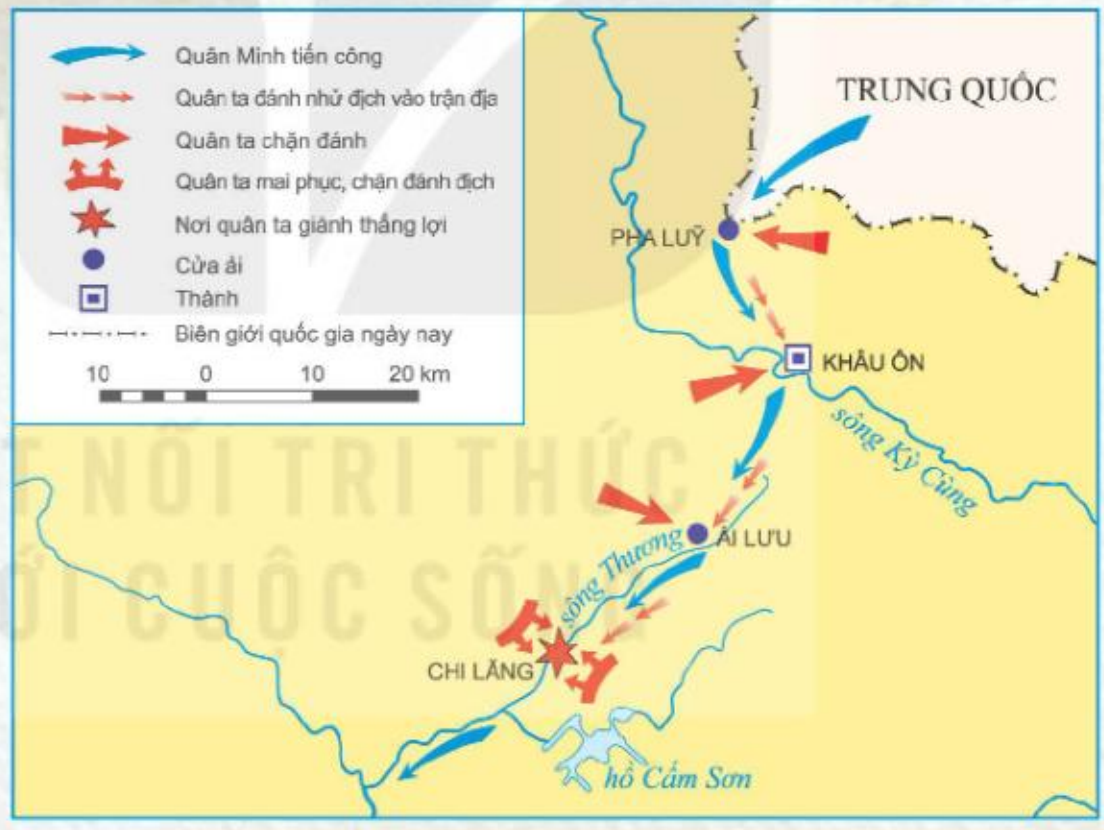

▲ **Hình 3.** Lược đồ trận Chi Lăng

Khi Lê Lợi kéo quân ra Bắc, bao vây thành Đông Quan (thành phố Hà Nội), nhà Minh lo sợ cử hai đạo viện binh kéo sang phá vây. Liễu Thăng cầm đầu một đạo quân đánh vào Lạng Sơn. Mờ sáng, quân Minh đến cửa ải Chi Lăng. Kị binh nghĩa quân ra nghênh chiến, rồi giả thua để nhử quân Minh vào trận địa. Khi ngựa của chúng đang vượt qua cánh đồng lầy, bỗng nhiên một loạt pháo hiệu nổ vang như sấm. Lập tức, từ hai bên sườn núi, những chùm tên, mũi lao vun vút phóng xuống. Đội kị binh giặc tối tăm mặt mũi. Liễu Thăng bị trúng một mũi lao, chết bên sườn núi Mã Yên. Hơn một vạn viện binh tinh nhuệ của giặc bị tiêu diệt. Nghe tin chủ tướng tử trận, quân Minh vô cùng hoảng loạn tháo chạy. Mưu đồ cứu viện thành Đông Quan của nhà Minh thất bại.

(Theo *Chiến thắng Chi Lăng*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1987)

2. Triều Hậu Lê và công cuộc xây dựng đất nước

Đọc thông tin, em hãy:

– Nêu một số nét chính về lịch sử Việt Nam Triều Hậu Lê.

– Kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử tiêu biểu Triều Hậu Lê.

Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua, lập ra Triều Hậu Lê, khôi phục Quốc hiệu Đại Việt, đóng đô ở Đông Kinh (Thăng Long).

Dưới Triều Hậu Lê, bộ máy nhà nước được tổ chức quy củ, chặt chẽ. Nhà nước đặc biệt coi trọng và khuyến khích phát triển nông nghiệp. Nhờ đó, sản xuất nông nghiệp được phục hồi và phát triển, đời sống nhân dân ổn định. Đất nước thịnh đạt, nhất là dưới thời trị vì của vua Lê Thánh Tông (1460 – 1497).

LÊ THÁNH TÔNG – NHÀ CHÍNH TRỊ TÀI BA

Vua Lê Thánh Tông là con của vua Lê Thái Tông và bà phi Ngô Thị Ngọc Dao, là vị vua trị vì lâu nhất của Triều Hậu Lê. Trong thời kì trị vì của mình, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành cải cách trên nhiều lĩnh vực, chú trọng bảo vệ biên cương, mở mang bờ cõi. Ông cho vẽ *Hồng Đức bản đồ*, ban hành bộ *Quốc triều hình luật*,... Vua còn cho tổ chức đều đặn các khoa thi Tiến sĩ để tuyển chọn quan lại, lập bia đá ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám để vinh danh những người đỗ đạt.

Nhà vua cũng kiên quyết ngăn chặn những hành động xâm phạm biên giới của nhà Minh, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ đất nước. Ông từng nói với quan phụ trách việc bảo vệ biên cương Lê Cảnh Huy rằng: "Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại tự tiện vứt bỏ đi được... Nếu ngươi dám đem một thước một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc thì tội phải tru di".

Lê Thánh Tông được đánh giá là vị vua "anh minh quyết đoán, có hùng tài đại lược, võ giỏi... Các sách kinh sử, các sách lịch toán,... cái gì cũng tinh thông".

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Sđd)

Văn học và khoa học dưới Triều Hậu Lê cũng đạt được nhiều thành tựu với các tác gia tiêu biểu như: Nguyễn Trãi, Ngô Sỹ Liên, Lương Thế Vinh,...

Em có biết?

Ngô Sỹ Liên là một nhà sử học tiêu biểu với tác phẩm "Đại Việt sử ký toàn thư", ghi lại lịch sử nước ta từ thời Hùng Vương đến Triều Hậu Lê.

Câu chuyện Lịch sử

TRẠNG LƯỜNG LƯƠNG THẾ VINH

Ở làng Cao Hương (nay thuộc xã Thành Lợi, tỉnh Ninh Bình) có một cậu học trò tên là Lương Thế Vinh, nổi tiếng thông minh, nhanh trí, giỏi tính toán. Ông đỗ Trạng nguyên và được bổ làm quan dưới Triều Hậu Lê.

Một lần, sứ thần nhà Minh (Trung Quốc) sang nước ta, vua cử Lương Thế Vinh ra tiếp đón. Trong một buổi đi chơi thuyền, sứ thần đố Lương Thế Vinh cân thử một con voi. Ông nhận lời rồi sai người dắt voi xuống thuyền, đánh dấu mép nước bên mạn thuyền, sau đó dắt voi lên. Tiếp theo, ông ra lệnh đổ đá xuống thuyền, đến khi thuyền chìm xuống đúng dấu cũ. Việc còn lại là đưa đá lên cân. Sứ thần nhà Minh hết sức thán phục.

Lương Thế Vinh đã soạn cuốn *Đại thành toán pháp* tổng kết những kiến thức toán học đương thời và cả những phát minh của ông. Với tài năng toán học xuất sắc, ông được dân gian gọi là Trạng Lường.

(Theo Anh Chi, Lê Minh Hải, *Truyện tranh Lịch sử Việt Nam: Lương Thế Vinh*, NXB Kim Đồng, 2023)

LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.

STT	Nhân vật lịch sử	Đóng góp
1	Lê Lợi	?
?	?	?

2. Kể lại câu chuyện về một nhân vật liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn hoặc Triều Hậu Lê mà em sưu tầm được.

VẬN DỤNG

Dựa vào thông tin trong sách, báo, internet,... hãy kể tên một số địa danh (di tích lịch sử, đường phố, trường học,...) liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn và Triều Hậu Lê.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 13 TRIỀU NGUYỄN

Sau bài học này, em sẽ:

- Sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) liên quan đến Triều Nguyễn.
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: vua Gia Long, vua Minh Mạng, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Hàm Nghi, Phan Đình Phùng,...).

KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình 1 và cho biết loại hình nghệ thuật được giới thiệu liên quan đến triều đại nào trong lịch sử dân tộc.

▲ **Hình 1.** Biểu diễn Nhã nhạc cung đình Huế

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

KHÁM PHÁ

1. Triều Nguyễn và công cuộc xây dựng đất nước

a) Triều Nguyễn buổi đầu xây dựng đất nước

Đọc thông tin, em hãy:
– Nêu sự thành lập Triều Nguyễn.
– Trình bày một số việc làm của Triều Nguyễn để xây dựng đất nước.

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi Hoàng đế lập ra Triều Nguyễn, định đô ở Phú Xuân (thành phố Huế), lấy niên hiệu là Gia Long. Các vua Triều Nguyễn đã từng bước củng cố bộ máy nhà nước, cải cách hành chính, thống nhất đất nước,...

Vua Gia Long ban hành bộ *Hoàng Việt luật lệ* nhằm củng cố trật tự xã hội. Trong những năm 1831 – 1832, vua Minh Mạng tiến hành cải cách hành chính, chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ.

Các vị vua Triều Nguyễn tiếp tục các hoạt động thực thi chủ quyền biển, đảo, đặc biệt là đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Câu chuyện Lịch sử

MINH MẠNG VỚI SỰ NGHIỆP TRỊ NƯỚC AN DÂN

Minh Mạng là vị vua thứ hai của Triều Nguyễn. Trong thời trị vì của mình, vua Minh Mạng đã đề xuất nhiều biện pháp cải cách như chia cả nước thành các tỉnh và phủ, cử quan chỉ đạo khai hoang ở vùng ven biển, cho mở lại các kì thi Hội, thi Đình,...

Nhà vua đặc biệt đề cao sự nghiêm minh của pháp luật. Chuyện kể rằng, vào năm 1823, quan Lý Hữu Diệm lấy trộm hơn một lạng vàng và bị phát hiện. Theo luật vua ban, tội ăn trộm tiền của nhà nước dù là ít hay nhiều đều bị xử tội chết. Tuy nhiên, khi xét xử, Bộ Hình thấy Lý Hữu Diệm có nhiều công trạng nên đã tha tội chết, chỉ bắt đi đày. Khi án được tâu lên, vua Minh Mạng không đồng ý, ban lệnh cho Bộ Hình phải xử Lý Hữu Diệm theo đúng quy định để mọi người trông theo đó mà sửa mình.

▲ **Hình 2.** Vua Minh Mạng (tranh vẽ)

Minh Mạng được đánh giá là vị vua tinh thông Nho học và là nhà cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam.

(Theo Lê Thái Dũng, *Những câu chuyện lí thú về hoàng đế Minh Mạng*, NXB Lao động, 2018)

b) Công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

– Nêu kết quả của công cuộc khai hoang dưới Triều Nguyễn.

– Kể chuyện về Nguyễn Công Trứ và nêu đóng góp của ông.

Nhiều vua Triều Nguyễn đã nỗ lực tổ chức khai hoang, mở rộng diện tích canh tác ở vùng ven biển Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ để ổn định đời sống nhân dân. Một số quan lại đã có những đóng góp tích cực trong công cuộc khai hoang là: Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Tri Phương,...

Câu chuyện Lịch sử

NGUYỄN CÔNG TRỨ VÀ CÔNG CUỘC KHAI HOANG LẤN BIỂN

Đầu thế kỉ XIX, nhiều nông dân không có ruộng đất cày cấy, phải bỏ làng đi phiêu tán và nổi dậy chống triều đình. Trước tình hình đó, Nguyễn Công Trứ đã tâu lên vua Minh Mạng cho khai hoang để yên nghiệp dân nghèo. Nhà vua đồng ý và cử ông làm Doanh điền sứ chuyên coi việc khai phá đất hoang. Nhận thấy vùng duyên hải Bắc Bộ còn nhiều đất đai chưa được khai phá, ông đã chiêu tập dân chúng khai hoang lấn biển, lập nên huyện Tiền Hải (nay thuộc tỉnh Hưng Yên) và huyện Kim Sơn (nay thuộc tỉnh Ninh Bình),...

Công cuộc khai hoang lấn biển của Nguyễn Công Trứ đã góp phần mở rộng diện tích canh tác, ổn định xã hội và thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

Với lòng thành kính và biết ơn, nhân dân các vùng khai hoang đã lập đền thờ Nguyễn Công Trứ ngay khi ông còn sống. Hậu thế gọi ông với cái tên trìu mến "Ông Tổ mở đất".

(Theo Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, NXB Thuận Hoá, 1993)

▲ **Hình 3.** Đền thờ Nguyễn Công Trứ (xã Quang Thiện, tỉnh Ninh Bình)

c) Những đề nghị canh tân đất nước cuối thế kỉ XIX

Đọc thông tin, em hãy nêu những đóng góp của Nguyễn Trường Tộ đối với lịch sử dân tộc.

Nửa cuối thế kỉ XIX, trong bối cảnh đất nước ngày càng khó khăn và đứng trước nguy cơ mất nước, một số quan lại và trí thức yêu nước như: Phạm Phú Thứ,

Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch,... đã đề xuất một số biện pháp cải cách. Họ gửi lên vua Tự Đức các đề xuất chấn chỉnh bộ máy quan lại, mở mang thương nghiệp, củng cố quốc phòng,... Tuy nhiên, hầu hết những đề nghị đó không được thực hiện.

Câu chuyện Lịch sử

KHÁT VỌNG CANH TÂN ĐẤT NƯỚC

Nguyễn Trường Tộ quê ở xã Yên Trung (tỉnh Nghệ An). Từ nhỏ, ông sớm bộc lộ tư chất thông minh, học một biết mười, được ca ngợi là "Trạng Tộ". Thuở thiếu thời, Nguyễn Trường Tộ được theo học các thầy giáo ở quê nhà. Sau đó, ông được học thêm tiếng Pháp và các môn khoa học khác. Ông may mắn được tiếp xúc trực tiếp với nhiều thành tựu, kĩ nghệ phương Tây nên sớm có hoài bão canh tân đất nước.

▲ **Hình 4.** Nguyễn Trường Tộ (tranh vẽ)

Sau chuyến đi Pháp và một số nước khác ở châu Âu, châu Á trở về, Nguyễn Trường Tộ đã đệ trình lên vua Tự Đức nhiều bản điều trần, bày tỏ mong muốn làm cho đất nước giàu mạnh. Ông đề nghị mở rộng quan hệ với nước ngoài, mở các trường dạy đóng tàu, đúc súng,...

Trước những đề nghị của Nguyễn Trường Tộ, các quan trong triều có nhiều ý kiến trái ngược nhau, do đó những đề nghị của ông không được thực hiện. Dù vậy, ông vẫn được coi là một đại diện tiêu biểu cho trào lưu canh tân đất nước cuối thế kỉ XIX.

(Theo Nguyễn Đình Đầu, *Nguyễn Trường Tộ với Triều đình Tự Đức*, NXB Trẻ, 2013)

2. Phong trào Cần vương chống Pháp

Đọc thông tin, em hãy:

– Cho biết những nét chính về phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX.

– Kể câu chuyện về Phan Đình Phùng và cuộc khởi nghĩa Hương Khê.

Năm 1884, Triều đình nhà Nguyễn kí hiệp ước công nhận quyền đô hộ của thực dân Pháp trên toàn bộ đất nước Việt Nam. Tuy nhiên, một bộ phận quan lại thuộc phái chủ chiến, đứng đầu là vua Hàm Nghi, vẫn nêu cao tinh thần chống Pháp, mong muốn khôi phục độc lập dân tộc. Năm 1885, lấy danh nghĩa vua

▲ **Hình 5.** Vua Hàm Nghi (tranh vẽ)

▲ **Hình 6.** Tôn Thất Thuyết (tranh vẽ)

Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết ban bố *Dụ Cần vương*, kêu gọi nhân dân đồng lòng giúp vua cứu nước. Phong trào Cần vương bùng nổ và phát triển mạnh mẽ, gắn với tên tuổi của một số nhân vật tiêu biểu như: Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng,...

Câu chuyện Lịch sử

PHAN ĐÌNH PHÙNG VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA HƯƠNG KHÊ

Cuối thế kỉ XIX, hưởng ứng lời kêu gọi cứu nước của vua Hàm Nghi, Phan Đình Phùng – một sĩ phu yêu nước quê ở xã Đức Thọ (tỉnh Hà Tĩnh) đã đứng ra chiêu tập lực lượng chống Pháp.

▲ **Hình 7.** Phan Đình Phùng (tranh vẽ)

Nghĩa quân đã xây dựng căn cứ chính tại vùng rừng núi Hương Khê (nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh). Các anh hùng, hào kiệt khắp bốn tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị tự nguyện liên kết lực lượng dưới quyền chỉ huy của Phan Đình Phùng. Cuộc khởi nghĩa kéo dài hơn mười năm, gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại. Cuối năm 1895, Phan Đình Phùng hi sinh trong một trận chiến đấu chống quân Pháp. Cuộc khởi nghĩa suy yếu dần rồi tan rã.

Tuy thất bại nhưng khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương.

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Sđd)

LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ tư duy những nét chính về lịch sử Việt Nam dưới Triều Nguyễn.

2. Kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử dưới thời nhà Nguyễn mà em sưu tầm được. Câu chuyện đó giúp em biết được thông tin gì về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn?

VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh và giới thiệu về một di sản văn hoá của Triều Nguyễn.

BÀI 14 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Sau bài học này, em sẽ:

- Sưu tầm một số tư liệu (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,...) kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn,... trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Kể lại được một số câu chuyện về Hồ Chí Minh khi hoạt động ở Pác Bó, Tân Trào, khi viết và đọc *Tuyên ngôn Độc lập*; chuyện về Kim Đồng, Võ Nguyên Giáp.

KHỞI ĐỘNG

Hình 1 gắn liền với hoạt động của Bác Hồ trong những năm 1941 – 1945. Hãy chia sẻ những điều em biết về địa danh này và một số hoạt động của Bác Hồ trong thời gian ở Pác Bó (tỉnh Cao Bằng).

Hình 1. Bàn đá bên bờ suối Lê-nin – nơi Bác Hồ ngồi làm việc trong thời gian ở Pác Bó

KHÁM PHÁ

1. Một số thắng lợi tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

– Kể tên một số thắng lợi tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Kể lại một sự kiện diễn ra trong Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội, Huế hoặc Sài Gòn.

Sau khi Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh, Đảng và Bác Hồ đã kêu gọi toàn dân đứng lên Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước.

Sáng 19 – 8 – 1945, nhân dân Hà Nội và các tỉnh lân cận đổ về quảng trường Nhà hát Lớn dự cuộc mít tinh do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Sau đó, quần chúng cách mạng, có sự hỗ trợ của lực lượng tự vệ vũ trang lần lượt chiếm các cơ quan đầu não của

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

địch như: Phủ Khâm sai, Toà Thị chính và các công sở khác,... Tối cùng ngày, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội kết thúc thắng lợi.

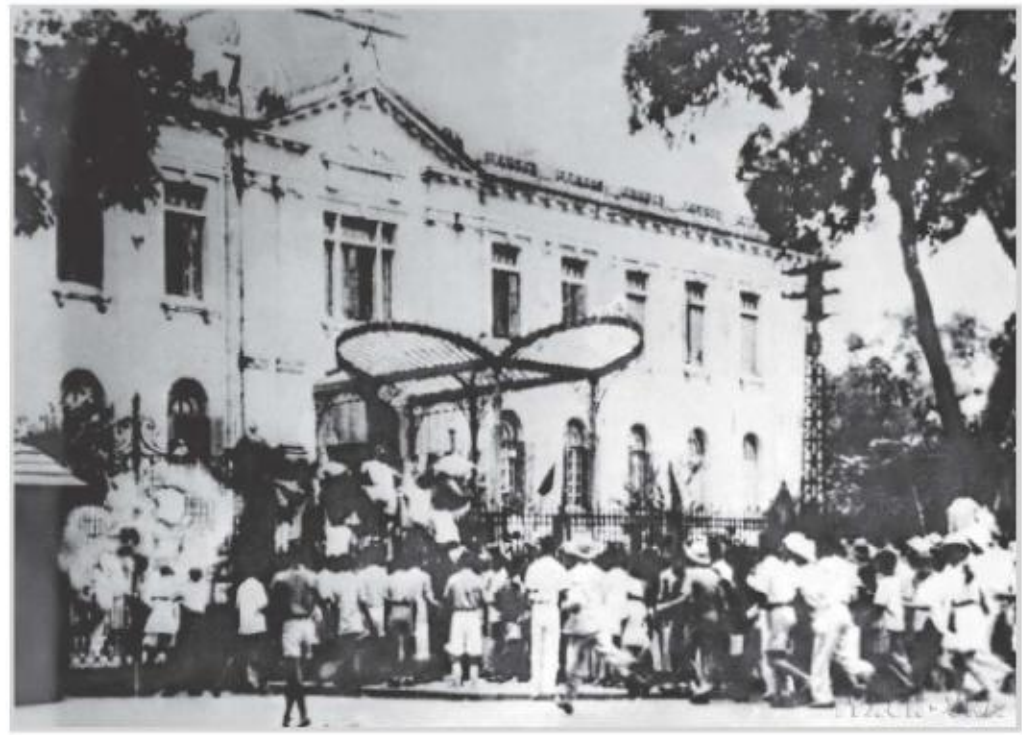

▲ **Hình 2.** Nhân dân Hà Nội chiếm Phủ Khâm sai (19 – 8 – 1945)

Tại Huế, ngày 23 – 8, hàng vạn nhân dân nội, ngoại thành đã kéo về kinh thành Huế mít tinh, sau đó chuyển thành biểu tình vũ trang, toả đi chiếm các công sở, giành lại chính quyền.

Tại Sài Gòn, sáng 25 – 8, hàng chục vạn nhân dân thành phố và các tỉnh lân cận kéo về trung tâm để tham dự mít tinh chào mừng thắng lợi của cuộc khởi nghĩa. Chính quyền cách mạng ra mắt nhân dân.

Đến cuối tháng 8 – 1945, Tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn trên phạm vi cả nước.

2. Kể chuyện về một số nhân vật lịch sử

Đọc thông tin, em hãy kể lại một trong các câu chuyện về Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, anh Kim Đồng.

THÀNH LẬP ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN

Ngày 22 – 12 – 1944, trong khu rừng đại ngàn thuộc châu Bình Nguyên (tỉnh Cao Bằng), đồng chí Võ Nguyên Giáp đã tuyên bố thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân gồm 34 chiến sĩ với chủ trương "chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến". Đứng dưới cờ, toàn đội đồng thanh đọc mười lời thề danh dự do Võ Nguyên Giáp soạn thảo, xen kẽ là những tiếng hô "Xin thề!" dõng dạc, đanh thép.

Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân – tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam đã ra đời. Võ Nguyên Giáp được tôn vinh như người "anh cả" của Quân đội nhân dân Việt Nam.

(Theo *Từ nhân dân mà ra*, trích *Tổng tập hồi kí* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, NXB Quân đội nhân dân, 2006)

▲ **Hình 3.** Bức phù điêu mô tả cảnh đồng chí Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ cho 34 chiến sĩ trong buổi lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân

Câu chuyện Lịch sử

NGƯỜI ĐỘI VIÊN MƯU TRÍ, DŨNG CẢM

Kim Đồng tên thật là Nông Văn Dền (Nông Văn Dèn), người dân tộc Nùng quê ở xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng. Năm 1941, Đội Nhi đồng cứu quốc được thành lập, Kim Đồng là Đội trưởng đầu tiên. Trong những lần làm nhiệm vụ giao liên, đưa đón cán bộ, Kim Đồng luôn thể hiện là cậu bé rất mưu trí và dũng cảm.

▲ **Hình 4.** Tượng đài Anh hùng liệt sĩ Nông Văn Dền – Kim Đồng (tỉnh Cao Bằng)

Một lần, sau khi làm nhiệm vụ dẫn cán bộ vào căn cứ, trên đường trở về nhà, bất ngờ Kim Đồng phát hiện địch phục kích chờ bắt các cán bộ đang họp ở bên trong một hang núi. Kim Đồng đã bình tĩnh, nhanh trí phân công cho người bạn đi cùng về báo gấp cho các cán bộ còn mình sẽ đánh lạc hướng quân địch. Anh chạy vụt qua chỗ chúng phục kích. Thấy có người, quân địch rượt đuổi theo và bắn lia lịa. Nghe tiếng súng nổ, các cán bộ của ta đang họp kịp thời rút lui an toàn. Kim Đồng bị trúng đạn và hi sinh anh dũng khi mới tròn 14 tuổi.

Năm 1997, Kim Đồng được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

(Theo Tô Hoài, *Kim Đồng*, NXB Kim Đồng, 2019)

Câu chuyện Lịch sử

BÁC HỒ VỚI BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Ngày 22 – 8 – 1945, Bác Hồ rời Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang) về Hà Nội. Chiều 25 – 8, Bác đến ở tại ngôi nhà số 48 phố Hàng Ngang. Đây là nhà của ông Trịnh Văn Bô – một nhà tư sản yêu nước tại Hà Nội.

Trong căn phòng nhỏ trên tầng hai, Bác đã tự tay viết và đánh máy bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Sau đó, Bác mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo, rồi Bác bổ sung và hoàn chỉnh.

▲ **Hình 5.** Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập*

Đúng 14 giờ ngày 2 – 9 – 1945, chính quyền cách mạng ở Hà Nội tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại Quảng trường Ba Đình với hàng chục vạn đồng bào tham gia. Trên lễ đài cao và trang nghiêm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

(Theo Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, Hữu Mai thể hiện, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2018)

LUYỆN TẬP

Lập bảng (hoặc trục thời gian) về những thắng lợi ở các địa phương (Hà Nội, Huế, Sài Gòn,...) trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

VẬN DỤNG

1. Tìm hiểu và cho biết Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được thành lập ngày nào?

2. Ngày 22 – 12 hằng năm là ngày kỉ niệm sự kiện nào của đất nước? Hãy chia sẻ những điều em biết về ngày đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 15 CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ NĂM 1954

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể lại được diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh và các câu chuyện về kéo pháo ở Điện Biên Phủ, chuyện bắt sống tướng Đờ Ca-xtơ-ri,...).
- Sưu tầm và kể lại được chuyện về một số anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 như: Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện, Trần Can,...

KHỞI ĐỘNG

"Chín năm làm một Điện Biên
Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng!"

(Tố Hữu, *Ba mươi năm đời ta có Đảng*)

Hai câu thơ trên nói đến sự kiện nào? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về sự kiện đó.

KHÁM PHÁ

1. Diễn biến chính chiến dịch Điện Biên Phủ

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 1 đến 4, em hãy:

– Nêu diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ.

– Kể lại một câu chuyện về chiến dịch Điện Biên Phủ.

Tháng 12 – 1953, Trung ương Đảng họp và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch diễn ra từ ngày 13 – 3 – 1954 đến ngày 7 – 5 – 1954, chia làm 3 đợt.

Em có biết?

Điện Biên Phủ là một thung lũng lòng chảo nằm ở vùng núi Tây Bắc, gần biên giới với Lào. Đây là địa điểm có vị trí chiến lược quan trọng không chỉ đối với các nước ở Đông Dương (Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia) mà còn với cả khu vực Đông Nam Á.

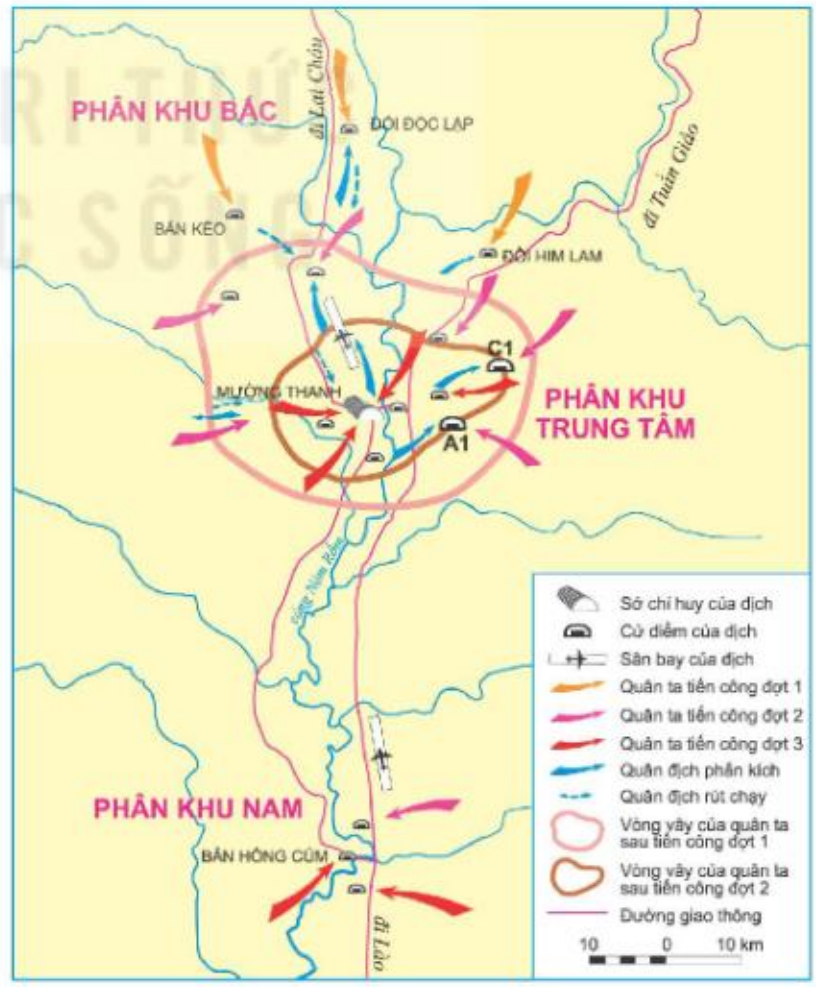

Hình 1. Lược đồ chiến dịch Điện Biên Phủ

Đợt 1:
từ ngày 13 – 3 –1954
đến ngày 17 – 3 – 1954

Tiến công tiêu diệt cứ điểm Him Lam và phân khu Bắc.

Đợt 2:
từ ngày 30 – 3 –1954
đến ngày 26 – 4 – 1954

Tiến công và chiếm các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm.

Đợt 3:
từ ngày 1 – 5 – 1954
đến ngày 7 – 5 – 1954

- Tiến công vào trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam.
- Chiều 7 – 5, tướng Đờ Ca-xtơ-ri (De Castries) và toàn bộ quân địch đầu hàng, chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi.

▲ **Hình 2.** Sơ đồ diễn biến chính của chiến dịch Điện Biên Phủ

Câu chuyện Lịch sử

KÉO PHÁO Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ

Với tinh thần "Tất cả để chiến thắng địch ở Điện Biên Phủ", bộ đội ta đã dùng sức người mở đường, kéo pháo vào trận địa. Phải vượt qua nhiều trọng điểm thường xuyên bị máy bay và pháo binh Pháp bắn phá, rồi suối sâu, đèo cao, đường trơn trượt,... nhưng các đơn vị pháo binh vẫn kéo pháo vào trận địa đúng với dự kiến ban đầu, sẵn sàng chờ lệnh nổ súng tấn công.

▲ **Hình 3.** Bộ đội ta kéo pháo trong chiến dịch Điện Biên Phủ

Khi pháo vừa vào đến trận địa thì được lệnh phải lui quân, kéo pháo ra để đảm bảo cho chiến dịch chắc thắng. Kéo pháo vào trận địa là một nhiệm vụ vô cùng nguy hiểm thì kéo pháo ra lại càng gian khổ nguy hiểm hơn. Trong quá trình kéo pháo ra, xuống các con dốc có độ nghiêng lớn lại bị máy bay địch liên tục bắn phá, pháo dễ có nguy cơ bị rơi xuống vực thẳm. Với quyết tâm "Thà hi sinh, quyết bảo vệ pháo", đã có nhiều tấm gương anh dũng hi sinh, tiêu biểu như Tô Vĩnh Diện.

Nhờ những nỗ lực và quyết tâm của bộ đội pháo binh, nhiệm vụ kéo pháo vào, kéo pháo ra đều hoàn thành, góp phần vào thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

(Theo *Pháo binh quân đội nhân dân Việt Nam trong chiến dịch Điện Biên Phủ*, NXB Quân đội nhân dân, 2004)

Câu chuyện Lịch sử

CHUYỆN BẮT SỐNG TƯỚNG ĐỜ CA-XTƠ-RI

Chiều 7 – 5 – 1954, đồng chí Tạ Quốc Luật được giao nhiệm vụ dẫn đầu tổ xung kích gồm năm người chia nhau bao vây hầm sở chỉ huy của tướng Đờ Ca-xtơ-ri. Hầm sở chỉ huy của địch nằm sâu dưới lòng đất, rộng và rất kiên cố, có đủ chỗ cho toàn bộ cơ quan tổng chỉ huy của địch làm việc. Tổ xung kích xông vào hầm và hô lớn: "Giơ tay lên!". Hai mươi ba sĩ quan Pháp từ trong hầm run rẩy, sợ sệt chui ra, đi đầu là tướng Đờ Ca-xtơ-ri đồng thanh nói lớn: "Chúng tôi xin hàng!". Tướng Đờ Ca-xtơ-ri và toàn bộ bộ chỉ huy của quân Pháp bị bắt sống.

▲ **Hình 4.** Tướng Đờ Ca-xtơ-ri và các sĩ quan cao cấp người Pháp đầu hàng quân đội Việt Nam chiều 7 – 5 – 1954

Đến 17 giờ 30 phút ngày 7 – 5 – 1954, lá cờ "Quyết chiến, quyết thắng" tung bay trên nóc hầm Đờ Ca-xtơ-ri, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn "pháo đài quân sự bất khả xâm phạm" của quân Pháp tại Điện Biên Phủ.

(Theo Trần Quốc Hùng, *50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2004)

2. Chuyện kể về những tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ

Đọc thông tin, em hãy kể lại câu chuyện về một anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. Em học được gì từ tấm gương anh hùng đó?

Để góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", đã có nhiều tấm gương chiến đấu anh dũng của bộ đội ta, tiêu biểu như: Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót, Trần Can,...

Câu chuyện Lịch sử

BẾ VĂN ĐÀN LẤY THÂN MÌNH LÀM GIÁ SÚNG

Bế Văn Đàn sinh năm 1931, là người dân tộc Tày, quê ở xã Bế Văn Đàn, (tỉnh Cao Bằng). Trong trận đánh ở Mường Pồn (tỉnh Điện Biên) cuối năm 1953, chống lại cuộc phản kích quyết liệt của quân Pháp, đơn vị của Bế Văn Đàn đã bị thương vong nhiều. Trong tình thế cấp bách, Bế Văn Đàn đã lao đến chỗ đồng đội và quỳ xuống, cầm hai chân đế của khẩu súng đặt lên vai, giữ chặt và hô to: "Bắn ngay!". Nhờ có giá súng chính là thân mình của anh, đồng đội đã bóp cò,

trút lửa đạn về phía quân địch. Hàng chục tên bị hạ gục, đợt phản kích của chúng bị bẻ gãy. Bế Văn Đàn đã hi sinh trong tư thế hai tay vẫn ghì chặt súng trên vai.

Năm 1955, Bế Văn Đàn được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và Huân chương Quân công hạng Nhì.

(Theo *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong chiến dịch Điện Biên Phủ*, Tập 1, NXB Quân đội nhân dân, 1996)

PHAN ĐÌNH GIÓT LẤY THÂN MÌNH LẤP LỖ CHÂU MAI

Chiều 13 – 3 – 1954, cả cứ điểm Him Lam (tỉnh Điện Biên) rung chuyển mù mịt sau nhiều loạt pháo. Các chiến sĩ Đại đội 58 của Phan Đình Giót lao lên mở đường, liên tiếp đánh đến tám quả bộc phá. Phan Đình Giót đánh quả thứ chín và bị thương ở đùi, nhưng vẫn xung phong đánh quả tiếp theo. Quân Pháp tập trung hoả lực trút đạn như mưa xuống trận địa. Bộ đội ta bị thương vong rất nhiều.

Lòng căm thù quân giặc lên cao, Phan Đình Giót lao lên đánh liên tiếp hai quả bộc phá nữa, phá toang hàng rào cuối cùng, mở thông đường để đồng đội tiến lên. Đạn của giặc từ lỗ châu mai bắn ra nhiều khiến bộ đội ta không dễ dàng xông lên phía trước. Phan Đình Giót dù bị thương nặng nhưng anh đã dùng sức lực còn lại nâng tiểu liên lên bắn mạnh vào lỗ châu mai và hét to: "Quyết hi sinh vì... Đảng vì... dân!", rồi rướn người lấy đà lao vào bịt kín lỗ châu mai lô cốt địch. Hoả điểm lợi hại nhất của quân Pháp bị dập tắt. Toàn đơn vị ào ạt xông lên như vũ bão, tiêu diệt gọn cứ điểm Him Lam nhưng Phan Đình Giót đã hi sinh anh dũng.

Ngày 31 – 3 – 1955, Phan Đình Giót được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

(Theo *Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong chiến dịch Điện Biên Phủ*, Tập 1, Sđd)

LUYỆN TẬP

1. Hãy kể lại một câu chuyện về chiến dịch Điện Biên Phủ.

2. Nêu cảm nghĩ của em về những tấm gương anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

VẬN DỤNG

Sưu tầm tranh, ảnh hoặc bài thơ, bài hát nói về chiến dịch Điện Biên Phủ và chia sẻ với bạn.

BÀI 16 CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH NĂM 1975

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể lại được diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, có sử dụng lược đồ, tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện,...).
- Kể lại được một số câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

KHỞI ĐỘNG

Theo em, bài hát "Như có Bác trong ngày đại thắng" của nhạc sĩ Phạm Tuyên nhắc đến sự kiện nào? Hãy chia sẻ những điều em biết về sự kiện đó.

KHÁM PHÁ

1. Diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy nêu diễn biến chính của Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Năm 1975, sau thắng lợi trong chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế – Đà Nẵng, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định với tên gọi là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

▲ **Hình 1.** Quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30 – 4 – 1975

Đúng 17 giờ ngày 26 – 4 – 1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu. Năm cánh quân của Quân Giải phóng Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đồng loạt vượt qua các tuyến phòng thủ vòng ngoài đánh chiếm nhiều mục tiêu quan trọng rồi tiến vào trung tâm Sài Gòn. Ngày 28 – 4 – 1975, quân ta tấn công sân bay Tân Sơn Nhất. 10 giờ 45 phút ngày 30 – 4 – 1975, Quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ chính quyền trung ương Sài Gòn. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

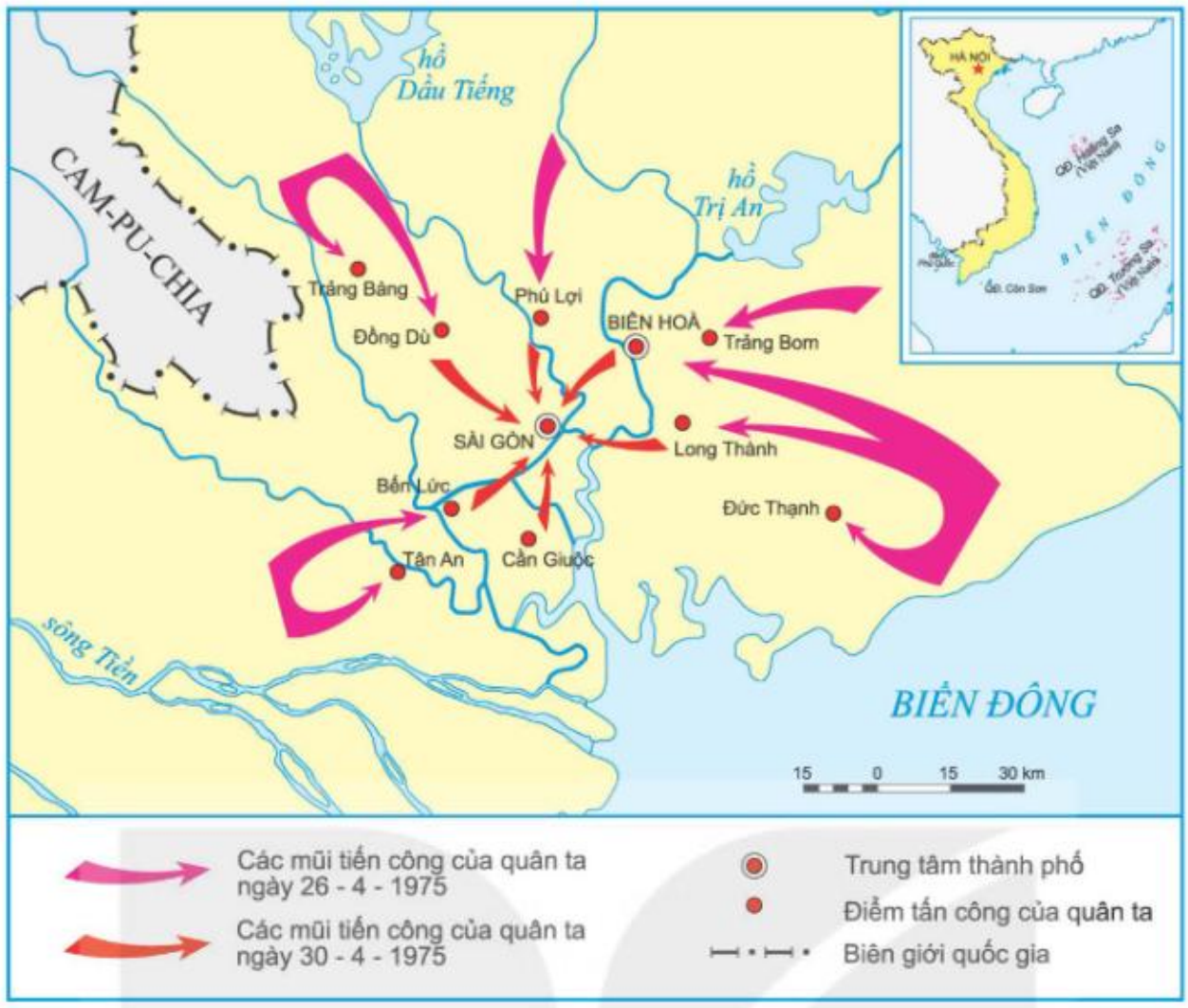

▲ **Hình 2.** Lược đồ Chiến dịch Hồ Chí Minh

2. Kể chuyện lịch sử về Chiến dịch Hồ Chí Minh

Đọc thông tin, hãy kể lại một câu chuyện lịch sử về Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Có nhiều câu chuyện lịch sử về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 như: chuyện về phi đội Quyết thắng, chuyện về thời khắc cuối cùng của chính quyền Sài Gòn,...

Câu chuyện Lịch sử

PHI ĐỘI QUYẾT THẮNG TẤN CÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Vào thời khắc năm cánh quân ta tiến vào Sài Gòn với một khí thế thần tốc, quyết thắng, Quân uỷ Trung ương đã quyết định dùng máy bay A-37 thu được của địch để đánh địch, nhằm tạo yếu tố bất ngờ.

Phi đội Quyết thắng gồm sáu phi công được chọn để tấn công vào sân bay Tân Sơn Nhất, đó là: Nguyễn Thành Trung, Từ Đễ, Nguyễn Văn Lục, Hán Văn Quảng, Hoàng Mai Vượng

▲ **Hình 3.** Phi đội Quyết thắng tại sân bay Thành Sơn (tỉnh Khánh Hoà) chiều 28 – 4 – 1975

và Trần Văn On. Chỉ trong hơn ba ngày, cả phi đội quyết tâm học chuyển loại và lái được máy bay A-37.

Ngày 28 – 4 – 1975, phi đội thực hiện nhiệm vụ được giao. Nhiều máy bay quân sự của địch ở sân bay Tân Sơn Nhất bị phá huỷ, một kho xăng bốc cháy,... Sân bay này hoàn toàn bị tê liệt, tạo điều kiện cho bộ binh và xe tăng của quân ta tiến đánh các mục tiêu và nhanh chóng giải phóng Sài Gòn.

(Theo *Lịch sử Không quân nhân dân Việt Nam (1955 – 1977)*, NXB Quân đội nhân dân, 1993)

Câu chuyện Lịch sử

THỜI KHẮC CUỐI CÙNG CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN

Ngày 30 – 4 – 1975, khi lá cờ cách mạng kiêu hãnh tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, Tổng thống cuối cùng của chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh đã phải đến Đài phát thanh Sài Gòn đọc lời tuyên bố đầu hàng không điều kiện: "Tôi – Đại tướng Dương Văn Minh, Tổng thống chính quyền Sài Gòn, kêu gọi quân lực Việt Nam Cộng hoà hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn, trao lại chính quyền cho Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam".

▲ **Hình 4.** Dương Văn Minh trên đường đến Đài phát thanh Sài Gòn trưa 30 – 4 – 1975

Chính quyền Sài Gòn sụp đổ hoàn toàn. Thời khắc đó, hàng triệu người đã bật khóc: Toàn thắng rồi!

(Theo Hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh)

LUYỆN TẬP

1. Hoàn thiện trục thời gian (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số sự kiện lịch sử trong Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

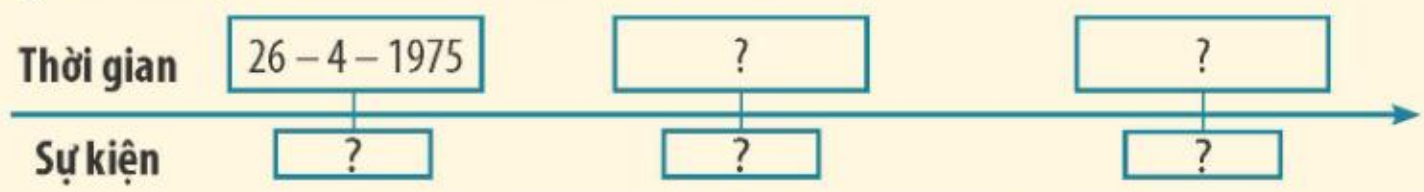

2. Viết một đoạn văn (khoảng 5 câu) nêu cảm nghĩ của em về một câu chuyện lịch sử trong bài học.

VẬN DỤNG

Sưu tầm tranh ảnh, câu chuyện về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 và chia sẻ với bạn.

BÀI 17 ĐẤT NƯỚC ĐỔI MỚI

Sau bài học này, em sẽ:

- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, hiện vật,...) và mô tả được một số hiện vật của thời bao cấp và thời kì Đổi mới ở Việt Nam.
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về thời bao cấp ở Việt Nam.
- Nêu được một số thành tựu về kinh tế – xã hội của đất nước Việt Nam trong thời kì Đổi mới, có sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện,...).

KHỞI ĐỘNG

Quan sát và chia sẻ hiểu biết của em về hình 1 và hình 2 dưới đây.

▲ **Hình 1.** Một cảnh mua hàng thời bao cấp

▲ **Hình 2.** Một góc không gian mua sắm tại siêu thị ngày nay

KHÁM PHÁ

1. Đất nước trước thời kì Đổi mới

Đọc thông tin, quan sát các hình từ 3 đến 5, em hãy:

– Mô tả một số hiện vật thời bao cấp.

– Kể lại một câu chuyện về thời bao cấp.

Đất nước trước thời kì Đổi mới là thời kì bao cấp, diễn ra trên phạm vi cả nước từ sau khi đất nước thống nhất đến khi Đổi mới (1976 – 1986). Trong thời kì này, Nhà nước nắm quyền phân phối hầu hết các loại hàng hoá, hạn chế trao đổi bằng tiền mặt. Hàng hoá được cung cấp cho những người làm việc trong các cơ quan

nhà nước, các nhà máy, xí nghiệp,... chủ yếu qua chế độ tem phiếu. Lương thực, thực phẩm được phân phối theo đầu người, thông qua tem, phiếu, sổ, bìa, trong đó quan trọng nhất là sổ lương thực.

Sổ lương thực (còn gọi là sổ gạo) là cuốn sổ in sẵn bằng loại giấy màu nâu, có kích thước bằng nửa tờ giấy A4. Bìa sổ ghi tên chủ hộ, địa chỉ nơi ở hoặc nơi làm việc, có chữ kí và đóng dấu của Công ty Lương thực. Bên trong sổ có ghi tên các thành viên trong gia đình và tiêu chuẩn lương thực của từng người được mua hằng tháng,... Đây là cuốn sổ rất quan trọng đối với các gia đình thời kì bao cấp nên được cất giữ rất cẩn thận.

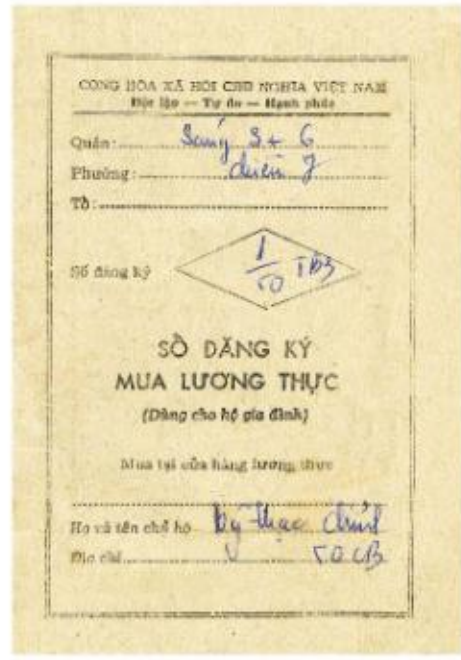

▲ **Hình 3.** Sổ lương thực

▲ **Hình 4.** Một mẫu tem mua thực phẩm thời bao cấp

Em có biết?

Tem, phiếu thời bao cấp được dùng để mua các mặt hàng nhu yếu phẩm, từ thịt, mắm, muối,... đến chất đốt, phụ tùng xe đạp,...

a. Đèn dầu

b. Ti vi đen trắng

c. Quạt điện

▲ **Hình 5.** Một số vật dụng thời bao cấp

Ở vùng nông thôn, nông dân làm việc trong các hợp tác xã và được chia sản phẩm theo chế độ công điểm.

Câu chuyện Lịch sử

XEM TRUYỀN HÌNH THỜI BAO CẤP

Những năm 1978 – 1979, có khi cả xóm, cả ngõ phố cũng chỉ có một nhà có chiếc ti vi đen trắng. Thời đó, trẻ em rất háo hức với chương trình *Những bông hoa nhỏ*. Người lớn thì quan tâm đến chương trình *Thời sự*, những bộ phim hay của điện ảnh Việt Nam hoặc của các nước xã hội chủ nghĩa như: Liên Xô, Trung Quốc,...

Thường thì vào những buổi tối, nhà nào có ti vi cũng chật ních người đến cùng xem các chương trình truyền hình được phát sóng. Trong căn phòng khách rộng chừng hơn chục mét vuông, chiếc ti vi được đặt ở vị trí trang trọng và dễ theo dõi nhất. Mọi người ngồi trật tự và chăm chú như nuốt từng lời thoại của nhân vật trong phim. Bác chủ nhà tốt bụng và rất nhiệt tình, hằng ngày đều mang bình ắc quy đi sạc để buổi tối có đủ điện phục vụ mọi người. Chẳng gia đình có ti vi nào cảm thấy phiền hà khi trong nhà tối nào cũng chật ních người đến xem truyền hình như vậy. Tình người thời đó thật đáng quý.

(Theo *Chuyện thời bao cấp*, Tập 1, NXB Thông tấn, 2007)

2. Đất nước thời kì Đổi mới

1. Đọc thông tin và quan sát các hình từ 6 đến 9, em hãy nêu một số thành tựu về kinh tế – xã hội của đất nước thời kì Đổi mới.

2. Hãy mô tả một hiện vật hoặc một công trình của thời kì Đổi mới ở nước ta.

Từ năm 1986 đến nay, cả nước bước vào thời kì Đổi mới. Thời kì này, kinh tế ngày càng phát triển, hàng hoá dồi dào. Nhiều sản phẩm không những cung cấp đủ nhu cầu trong nước mà còn được xuất khẩu như: gạo, nông sản, thuỷ sản,... Từ chỗ thiếu lương thực, Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện,... Vị thế và uy tín của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

▲ **Hình 6.** Gạo của Việt Nam được đưa xuống tàu để xuất khẩu tại cảng Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh)

▲ **Hình 7.** Dây chuyền sản xuất ô tô tại một nhà máy ở Việt Nam

▲ **Hình 8.** Một góc Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay

▲ **Hình 9.** Một sản phẩm máy vi tính do Việt Nam sản xuất

Em có biết?

Máy tính có nhiều loại khác nhau. Qua thời gian máy tính được cải tiến ngày càng gọn nhẹ, hiện đại. Hiện nay, có nhiều máy tính đã được sản xuất trong nước. Một máy tính bao gồm các bộ phận như: bộ xử lí trung tâm (CPU), bộ nhớ (Memory), bộ vào (Input device), bộ ra (Output device) và một số bộ phận khác như: màn hình, bàn phím, chuột,...

LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số thành tựu tiêu biểu của đất nước thời kì Đổi mới.

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu
Kinh tế	?
Văn hoá, xã hội	?

2. Giới thiệu tranh ảnh về một số hiện vật thời bao cấp hoặc thời kì Đổi mới mà em sưu tầm được.

VẬN DỤNG

Viết một đoạn văn (khoảng 5 câu) thể hiện suy nghĩ của em về một thành tựu của đất nước thời kì Đổi mới.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 4
CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG

BÀI 18 NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Trung Quốc.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc: Vạn Lý Trường Thành và Cố cung Bắc Kinh,...
- Sưu tầm và kể lại một số câu chuyện về Vạn Lý Trường Thành, Kiến trúc sư Nguyễn An và Cố cung Bắc Kinh,...

KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình 1, em hãy cho biết đây là con vật đặc trưng của đất nước nào. Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về đất nước đó.

Hình 1. Gấu trúc

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ.

Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) có diện tích khoảng 9,6 triệu km^2, rộng thứ tư trên thế giới. Phía đông phần đất liền Trung Quốc giáp một số biển của Thái Bình Dương; phía bắc, tây, nam có đường biên giới tiếp giáp với nhiều quốc gia khác.

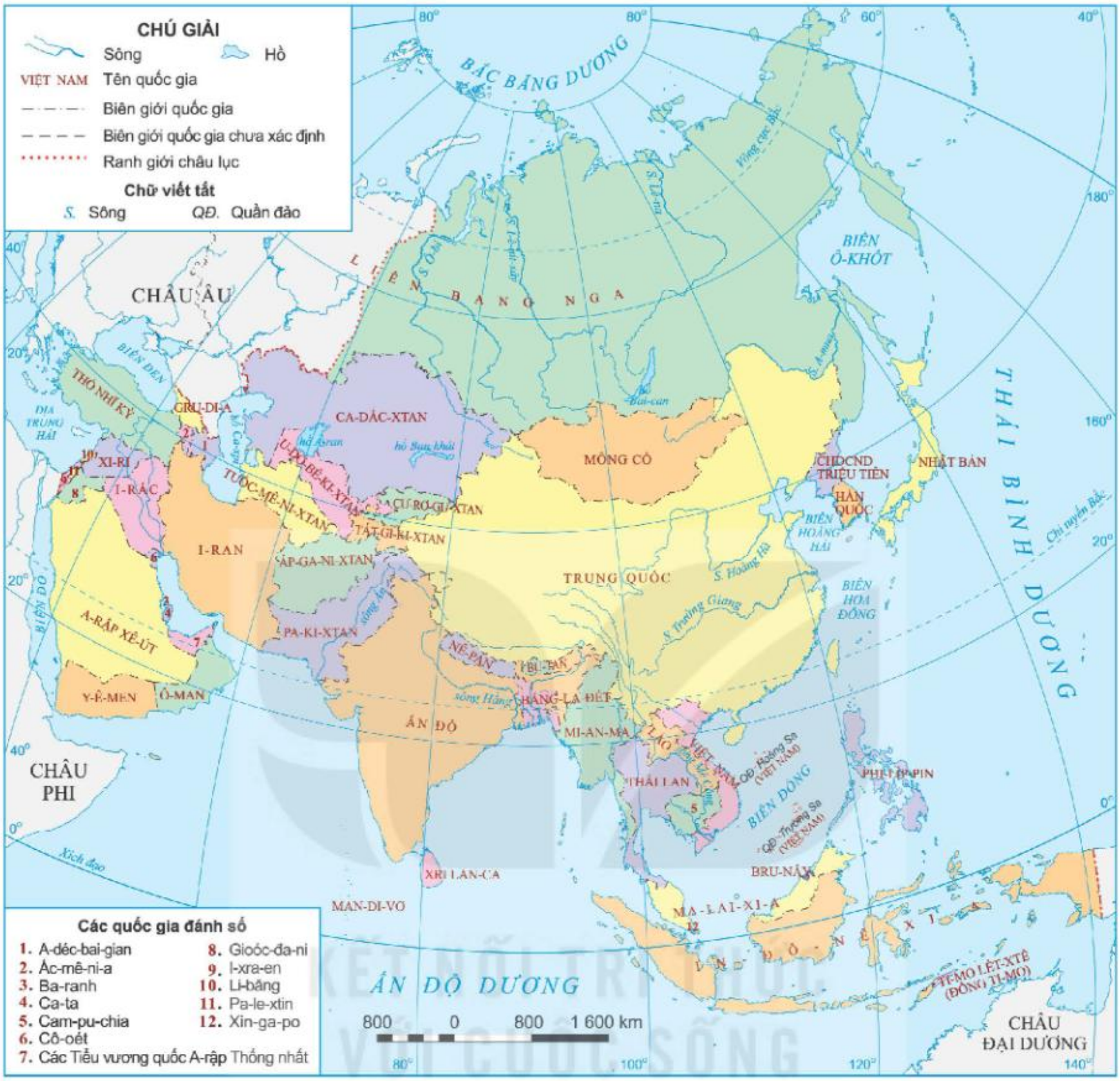

▲ **Hình 2.** Bản đồ Trung Quốc trong châu Á

2. Đặc điểm tự nhiên

Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy nêu một số đặc điểm tự nhiên của Trung Quốc.

Điều kiện tự nhiên Trung Quốc rất đa dạng, có sự khác biệt giữa miền Đông và miền Tây.

Miền Đông có địa hình chủ yếu là núi thấp và nhiều đồng bằng châu thổ rộng lớn. Khí hậu thay đổi theo chiều bắc – nam, từ ôn đới sang cận nhiệt. Miền Đông có hai loại đất chính là đất phe-ra-lít và đất phù sa. Ở đây có nhiều sông lớn cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất nhưng cũng thường gây ra lũ lụt cho vùng đồng bằng.

Miền Tây gồm các dãy núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa. Miền Tây có khí hậu khắc nghiệt, mưa ít nên hình thành những vùng hoang mạc và bán hoang mạc; đất cằn cỗi. Đây là nơi bắt nguồn của nhiều con sông chảy vào Đông Nam Á và miền Đông Trung Quốc.

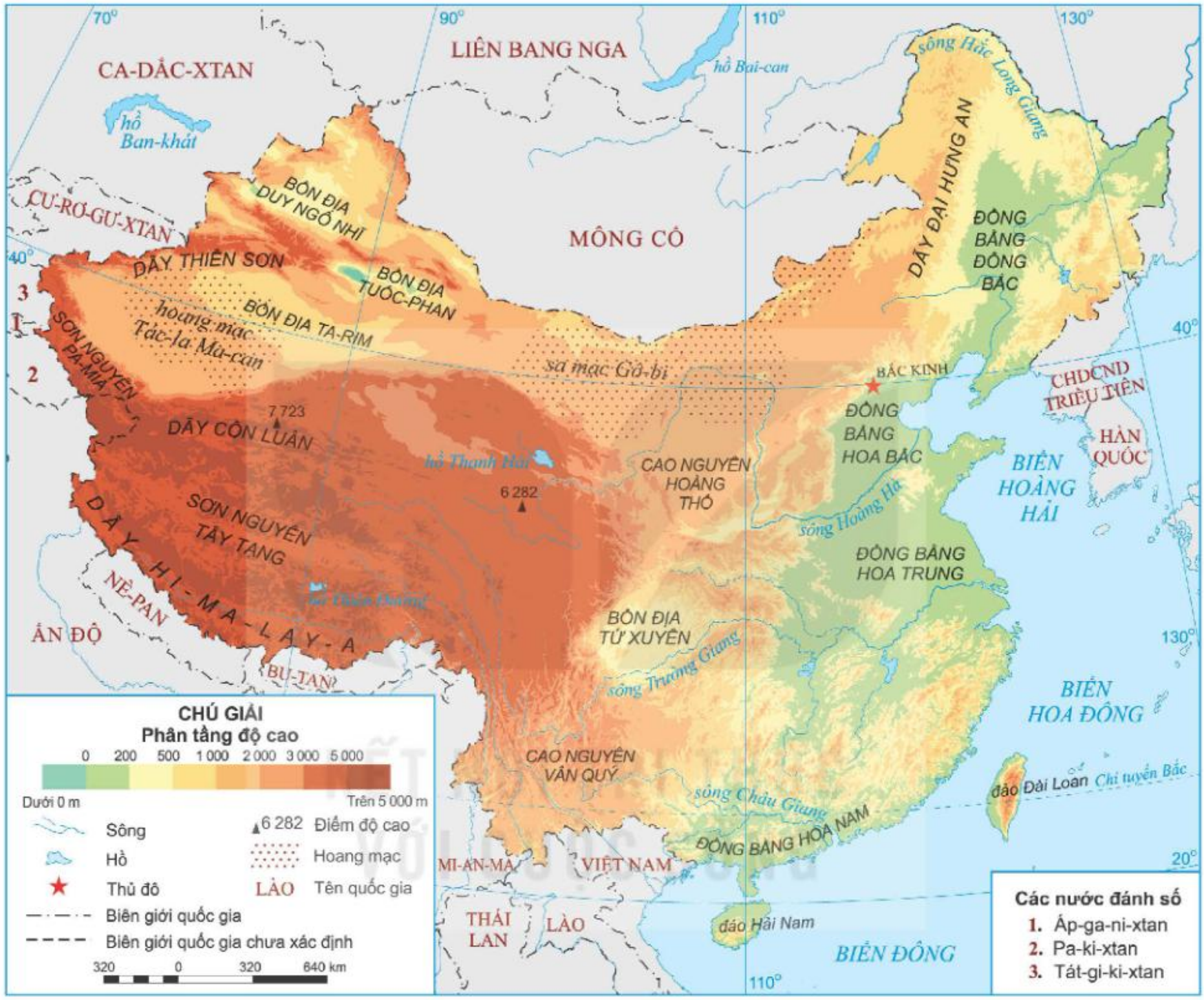

▲ **Hình 3.** Bản đồ tự nhiên Trung Quốc

3. Dân cư

Đọc thông tin, em hãy nêu một số đặc điểm dân cư của Trung Quốc.

Trung Quốc là một trong những nước đông dân nhất thế giới với số dân hơn 1,4 tỉ người (năm 2024). Trung Quốc có 56 dân tộc, trong đó hơn 90% là dân tộc Hán. Mỗi dân tộc có đặc trưng riêng tạo nên một nền văn hoá đa dạng và giàu bản sắc.

Dân cư Trung Quốc phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở miền Đông. Ngược lại, miền Tây dân cư thưa thớt, nhiều khu vực hầu như không có người ở.

4. Một số công trình tiêu biểu của Trung Quốc

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 4 đến 6 em hãy:

– Kể tên một số công trình tiêu biểu ở Trung Quốc và mô tả một công trình mà em ấn tượng nhất.

– Kể lại một câu chuyện liên quan đến Vạn Lý Trường Thành hoặc Cố cung Bắc Kinh.

Trung Quốc là quốc gia có lịch sử, văn hoá lâu đời với nhiều công trình kiến trúc đồ sộ như: Vạn Lý Trường Thành, lăng mộ Tần Thuỷ Hoàng, Cố cung Bắc Kinh,...

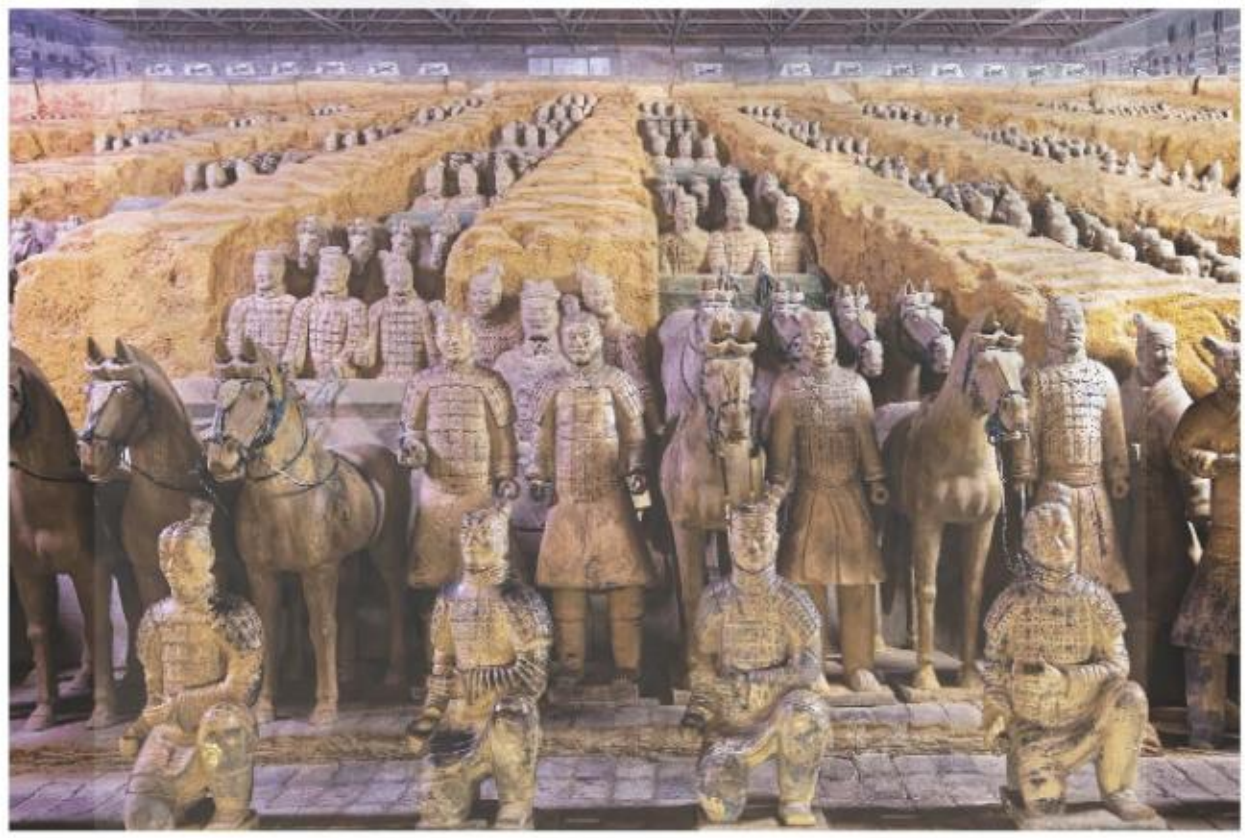

▲ **Hình 4.** Tượng binh sĩ bằng đất nung trong lăng mộ Tần Thuỷ Hoàng

Vạn Lý Trường Thành

Vạn Lý Trường Thành là bức tường thành xây bằng đất, đá, trải dài từ đông sang tây, được xây dựng từ thế kỉ V TCN đến thế kỉ XVI nhằm ngăn chặn những cuộc tấn công từ bên ngoài vào Trung Quốc. Tường thành cao 7 – 8 m, mặt trên của tường thành rộng 5 – 6 m, phần chân rộng hơn. Trên mặt tường thành có các tháp canh, ụ lửa để đốt báo hiệu khi có giặc đến.

Em có biết?

Vạn Lý Trường Thành được UNESCO ghi danh là Di sản thế giới năm 1987.

Vạn Lý Trường Thành được coi là một biểu tượng của nền văn minh Trung Quốc.

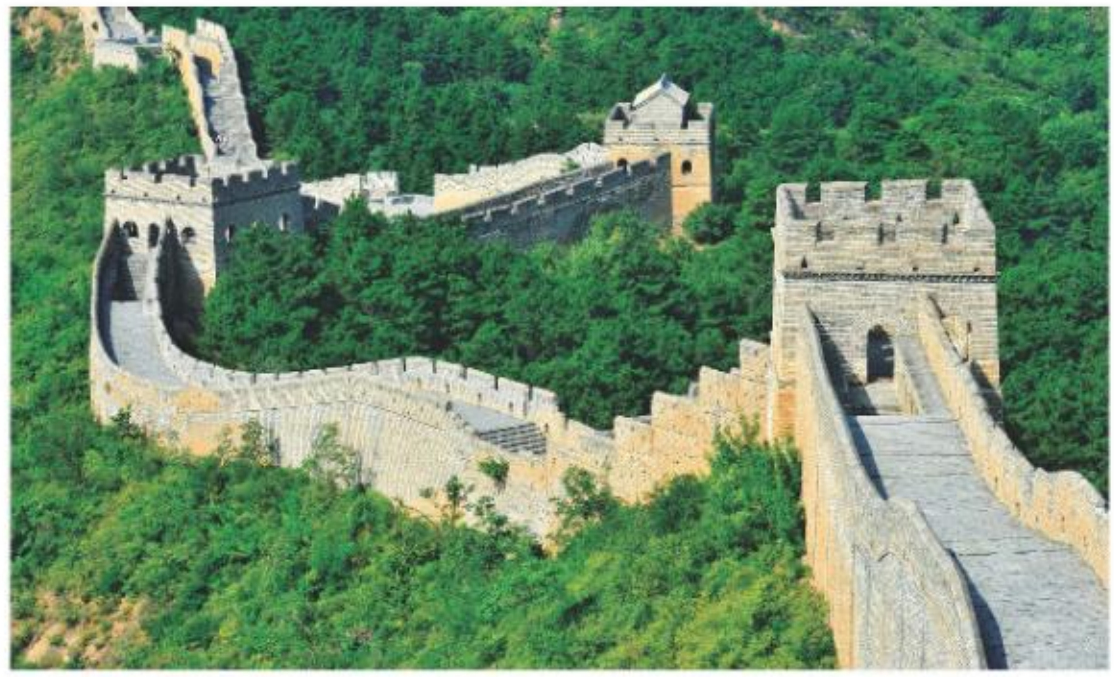

▲ **Hình 5.** Một đoạn Vạn Lý Trường Thành

Câu chuyện Lịch sử

TIẾNG KHÓC CỦA NÀNG MẠNH KHƯƠNG

Thời Tần, Tần Thuỷ Hoàng đã huy động hơn hai triệu người tham gia xây dựng Vạn Lý Trường Thành. Dân phu phải làm việc quần quật từ sáng tinh mơ đến khi Mặt Trời lặn, trong điều kiện vô cùng khắc nghiệt, ăn uống kham khổ,... Nhiều câu chuyện cảm động liên quan đến xây dựng Vạn Lý Trường Thành đã được lưu truyền.

Truyền thuyết "Tiếng khóc của nàng Mạnh Khương" kể rằng: Mạnh Khương chờ chồng đi xây dựng Vạn Lý Trường Thành đã mười năm nhưng không thấy trở về. Nàng đi dọc bức tường thành dài vạn dặm tìm chồng mà không thấy. Nàng kêu khóc thảm thiết ba ngày ba đêm. Như cảm động bởi tiếng khóc của nàng, bức tường thành tự nứt ra một mảng, làm lộ bộ hài cốt của chồng nàng. Sau khi an táng cho chồng, Mạnh Khương đã gieo mình xuống biển.

(Theo Đặng Đức An (Chủ biên), *Những mẩu chuyện lịch sử thế giới*, Tập 1, NXB Giáo dục, 2000)

Cố cung Bắc Kinh

Cố cung Bắc Kinh là hoàng cung của hai triều đại Minh và Thanh ở Trung Quốc. Cố cung có hình chữ nhật, bao quanh là những bức tường thành cao với màu đỏ tía, phía ngoài là hào sâu và bốn vọng gác ở bốn góc thành.

Cố cung có hơn 9 000 căn phòng, gồm cung điện, đền đài, lầu gác. Tất cả đều được làm từ chất liệu quý hiếm, chạm khắc tỉ mỉ hình rồng, phượng và sơn son thếp vàng từ mái đến vòm,... Cố cung được chia làm hai phần, phần chính là nơi nhà vua điều hành việc nước, gồm ba điện lớn; hậu cung là nơi ở của vua và hoàng tộc.

Cố cung là quần thể kiến trúc cung điện lớn nhất và đẹp nhất Trung Quốc. Công trình này mang dấu ấn của một người Việt là Nguyễn An.

▲ **Hình 6.** Cố cung Bắc Kinh

Em có biết?

Nguyễn An quê ở Hà Đông (nay thuộc thành phố Hà Nội) nổi tiếng về tài kiến trúc. Khi nhà Minh đô hộ nước ta, chúng bắt nhiều thợ giỏi về Trung Quốc, trong đó có Nguyễn An. Ông đã có những đóng góp quan trọng vào việc xây dựng, tu sửa Cố cung Bắc Kinh dưới thời nhà Minh.

LUYỆN TẬP

1. So sánh đặc điểm địa hình và khí hậu của miền Đông với miền Tây Trung Quốc bằng cách hoàn thành bảng theo gợi ý dưới đây vào vở.

Đặc điểm	Miền Đông	Miền Tây
Địa hình	?	?
Khí hậu	?	?

2. Giới thiệu một công trình kiến trúc tiêu biểu của Trung Quốc (theo gợi ý dưới đây):

– Tên công trình.
– Thời gian xây dựng.
– Địa điểm.
– Điểm nổi bật của công trình.

VẬN DỤNG

Tìm hiểu qua sách, báo, internet,... hãy kể tên một số công trình nổi tiếng khác của Trung Quốc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 19 NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Lào trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Lào.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Lào: Thạt Luổng, Cánh đồng Chum, Cố đô Luông Pha-băng,...

KHỞI ĐỘNG

Bác Hồ đã viết về tình hữu nghị giữa hai nước Việt Nam và Lào qua bốn câu thơ sau:

"Thương nhau mấy núi cũng trèo
Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua
Việt – Lào, hai nước chúng ta
Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long."

Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về đất nước Lào.

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lí của Lào trên bản đồ.

Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (Lào) tiếp giáp với các quốc gia: Trung Quốc, Mi-an-ma, Thái Lan, Cam-pu-chia và Việt Nam. Lào là quốc gia không giáp biển.

2. Đặc điểm tự nhiên và dân cư

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy nêu một số đặc điểm tự nhiên và dân cư của Lào.

Địa hình của Lào chủ yếu là núi và cao nguyên. Lào có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Sông lớn nhất chảy qua đất nước này là sông Mê Công. Quốc gia này có nhiều loại khoáng sản, nổi bật là vàng, đồng, bạc, đá vôi,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

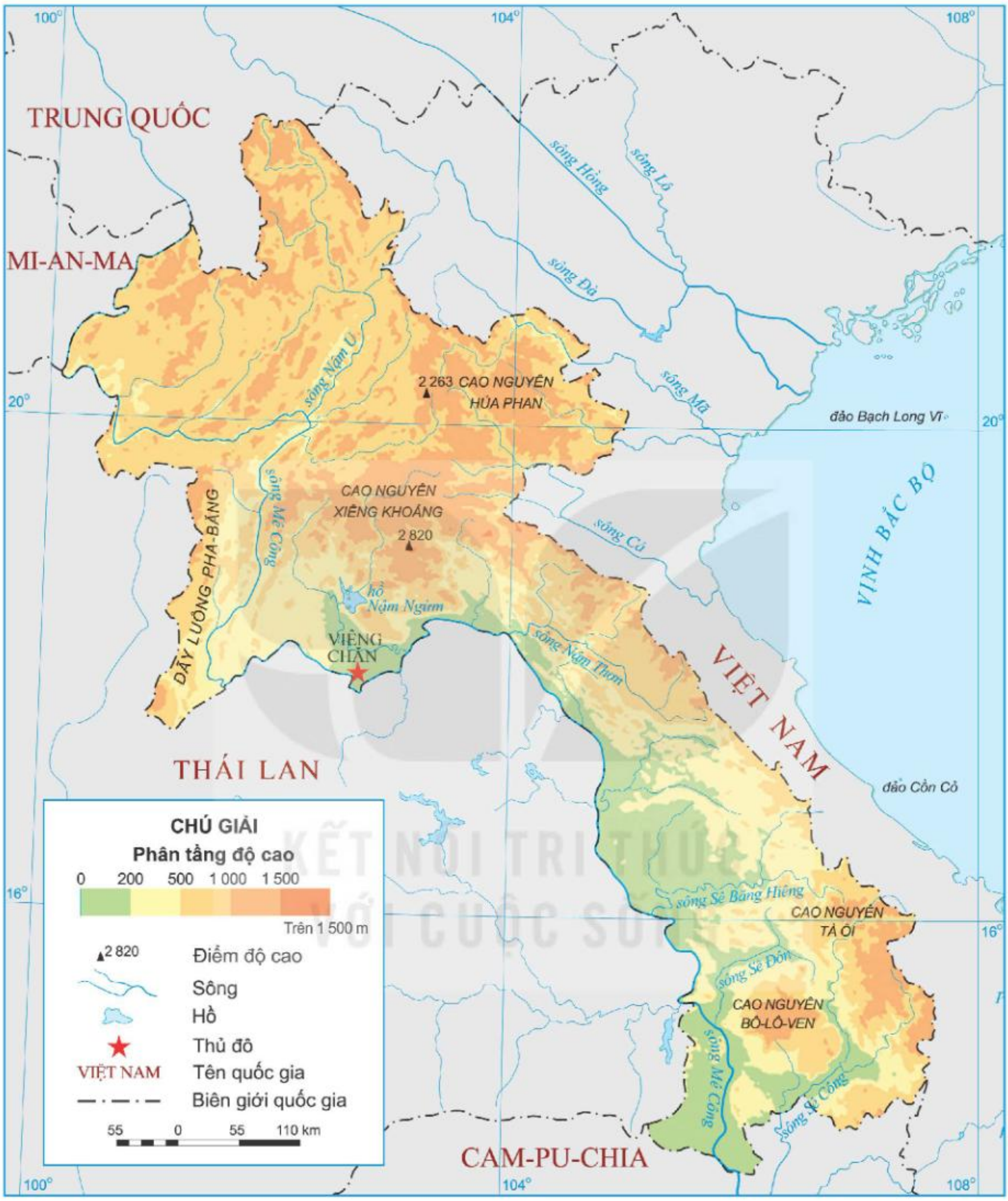

▲ **Hình 1.** Bản đồ tự nhiên Lào

Năm 2024, Lào có số dân khoảng 7,7 triệu người. Phần lớn dân cư là dân tộc Lào, sống chủ yếu ở vùng đồng bằng. Các dân tộc khác như Khơ-me, Mông,... sống chủ yếu ở vùng đồi núi.

3. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 2 đến 4, em hãy:

– Kể tên một số công trình tiêu biểu của Lào.

– Mô tả một công trình mà em ấn tượng nhất.

Lào là đất nước có nền văn hoá lâu đời với nhiều công trình tiêu biểu còn được bảo tồn đến ngày nay như: Cánh đồng Chum, Cố đô Luông Pha-băng (Luang Prabang), Thạt Luổng,...

Cánh đồng Chum

Cánh đồng Chum là một di tích khảo cổ trên cao nguyên Xiêng Khoảng có niên đại từ 500 năm TCN. Nơi đây có khoảng 2 000 chiếc chum lớn, nhỏ nằm rải rác như một bàn cờ. Các chum đều được tạo ra từ những khối đá cổ, chiếc lớn nhất có đường kính tới 3 m, nặng khoảng 14 tấn. Miệng các chum có hình dạng khác nhau.

▲ **Hình 2.** Cánh đồng Chum

Cố đô Luông Pha-băng

Cố đô Luông Pha-băng nằm ở phía bắc Thủ đô Viêng Chăn. Đây là kinh đô của Vương quốc Lan Xang từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XVI, được xây dựng dưới triều vua Pha Ngừm – vị vua đầu tiên của Vương quốc. Hiện nay, Luông Pha-băng còn lưu giữ được nhiều làng cổ, đặc biệt là hệ thống cung điện, chùa, tháp,... Trong số đó, nổi bật là ngôi chùa cổ Xiêng Thông (Chiang Thong) với những bức tượng Phật nằm, những bức hoạ và cả những bức phù điêu dát vàng rực rỡ,...

▲ **Hình 3.** Chùa Xiêng Thông

Thạt Luổng

Thạt Luổng (tiếng Lào có nghĩa là tháp lớn) là một công trình kiến trúc nổi tiếng ở Viêng Chăn, được xây dựng khoảng thế kỉ XVI. Tháp có hình nậm rượu đặt trên đế hình hoa sen, đáy vuông. Tháp trung tâm cao 45 m được dát vàng rực rỡ, phần đỉnh tháp có hình quả bầu, xung quanh là những tháp nhỏ.

Em có biết?

- *Thạt Luổng được chọn là hình ảnh trung tâm trên Quốc huy và được in trên một tờ tiền của nước Lào.*
- *Luông Pha-băng, Cánh đồng Chum được UNESCO ghi danh là Di sản thế giới lần lượt vào các năm 1995 và 2019.*

▲ **Hình 4.** Thạt Luổng

LUYỆN TẬP

1. Quan sát hình 1, em hãy kể tên và xác định trên bản đồ một số cao nguyên, sông của Lào.

2. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số công trình tiêu biểu của Lào.

Tên công trình	Nét đặc sắc
Cánh đồng Chum	Là di tích khảo cổ học, lưu giữ khoảng 2 000 chiếc chum,...
Cố đô Luông Pha-băng	?
Thạt Luổng	?

VẬN DỤNG

Giới thiệu với người thân về một công trình tiêu biểu của Lào mà em ấn tượng.

BÀI 20 VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia: Ăng-co Vát, Ăng-co Thom, Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam,...

KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình 1, em hãy cho biết công trình kiến trúc nào được thể hiện trên Quốc kì Vương quốc Cam-pu-chia?

Hình 1. Quốc kì Vương quốc Cam-pu-chia

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên bản đồ.

Vương quốc Cam-pu-chia tiếp giáp với Lào và Thái Lan ở phía bắc, Việt Nam ở phía đông và vịnh Thái Lan ở phía tây nam.

2. Đặc điểm tự nhiên và dân cư

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy nêu một số đặc điểm tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia.

Địa hình của Cam-pu-chia chủ yếu là đồng bằng. Cam-pu-chia có khí hậu cận xích đạo với một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt. Sông Mê Công là sông lớn nhất, cung cấp lượng nước dồi dào cho đất nước này. Hồ Tôn-lê Sáp (Tonle Sap) của Cam-pu-chia là hồ nước ngọt lớn nhất Đông Nam Á.

Em có biết?

Diện tích của hồ Tôn-lê Sáp thay đổi theo mùa. Vào mùa mưa, diện tích hồ tăng lên, thường lớn gấp ba lần diện tích hồ vào mùa khô.

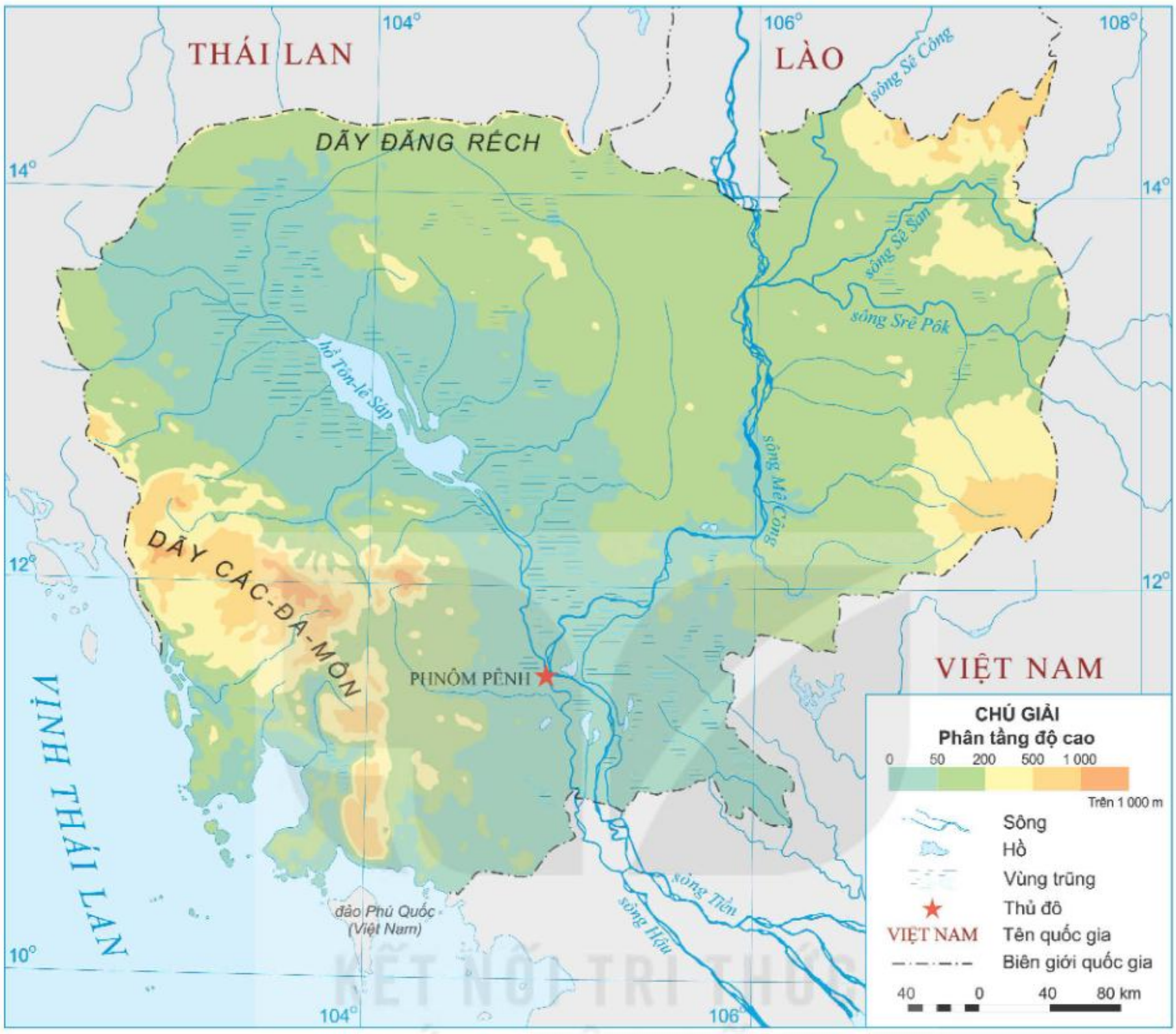

▲ **Hình 2.** Bản đồ tự nhiên Cam-pu-chia

Năm 2024, Cam-pu-chia có số dân khoảng 16,6 triệu người. Dân tộc chủ yếu ở Cam-pu-chia là người Khơ-me. Phần lớn dân cư sống ở nông thôn.

3. Một số công trình tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 5, em hãy:

- Kể tên một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia.
- Mô tả một công trình mà em ấn tượng nhất.

Cam-pu-chia có nền văn hoá đặc sắc với những công trình kiến trúc độc đáo như: Ăng-co Vát (Angkor Wat), Ăng-co Thom (Angkor Thom), chùa Bạc, Tượng đài hữu nghị Việt Nam – Cam-pu-chia,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Ăng-co Vát

Ăng-co Vát là quần thể đền tháp được xây dựng từ đầu thế kỉ XII ở thành phố Xiêm Riệp (Siem Reap) ngày nay. Khu đền chính gồm ba tầng với những ngọn tháp lớn, kết nối với nhau bởi những dãy hành lang dài, xung quanh là hào nước. Trung tâm ngôi đền là tổ hợp năm ngọn tháp, tháp ở giữa cao tới 65 m và bốn tháp ở bốn góc. Toàn bộ công trình được xây bằng đá. Những khối đá được đẽo gọt vuông vức và xếp chồng khít lên nhau mà không cần bất cứ chất kết dính nào. Ăng-co Vát trở thành biểu tượng của đất nước Cam-pu-chia.

▲ **Hình 3.** Đền Ăng-co Vát

Em có biết?

Năm 1992, quần thể di tích Ăng-co được UNESCO ghi danh là Di sản thế giới. Hình Ăng-co Vát được in trên Quốc kì của Cam-pu-chia.

Ăng-co Thom

Ăng-co Thom được xây dựng từ thế kỉ XII, là kinh đô cuối cùng của đế quốc Khơ-me, thuộc thành phố Xiêm Riệp ngày nay.

Khu thành có hình vuông với diện tích gần 9 km^2, được bao quanh bởi bốn bức tường đá ong cao tới 9 m và năm cửa ra vào. Dọc hai bên đường dẫn vào thành là các tượng thần bằng đá.

Trung tâm thành là đền Bay-on (Bayon) cao ba tầng với hơn 50 ngọn tháp lớn nhỏ. Phần đỉnh mỗi tháp có tạc bốn mặt Phật nhìn ra bốn hướng.

▲ **Hình 4.** Mặt chính đền Bay-on

Tượng đài hữu nghị Việt Nam – Cam-pu-chia

Tượng đài hữu nghị Việt Nam – Cam-pu-chia nằm ở trung tâm Thủ đô Phnôm Pênh (Phnom Penh). Điểm nổi bật nhất của tượng đài là khối đá tạc hình người chiến sĩ Cam-pu-chia và Việt Nam đứng bảo vệ một người phụ nữ bế con nhỏ trên tay. Phần chóp của tượng đài được mạ đồng màu vàng nổi bật giữa bầu trời.

Công trình là biểu tượng của tình đoàn kết, hữu nghị giữa hai nước Việt Nam – Cam-pu-chia.

▲ **Hình 5.** Tượng đài hữu nghị Việt Nam – Cam-pu-chia tại Phnôm Pênh

LUYỆN TẬP

1. Dựa vào bản đồ tự nhiên Cam-pu-chia, em hãy kể tên:

– Các quốc gia tiếp giáp với Cam-pu-chia.

– Một số dãy núi, sông và hồ lớn ở Cam-pu-chia.

2. Giới thiệu một công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia (theo gợi ý dưới đây):

– Tên công trình.

– Địa điểm.

– Điểm nổi bật của công trình.

VẬN DỤNG

Chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Hãy cho biết tên các công trình của Cam-pu-chia mà em muốn đến thăm. Vì sao em lại có lựa chọn đó?

2. Sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu viết về một số công trình tiêu biểu khác của Cam-pu-chia và chia sẻ với bạn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 21 HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

KHỞI ĐỘNG

Dựa vào kiến thức của bản thân và quan sát hình 1, em hãy:

– Cho biết các quốc gia ở khu vực nào tham gia sự kiện này.

– Chia sẻ hiểu biết của em về sự kiện này.

▲ **Hình 1.** Biểu trưng và linh vật của Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games) lần thứ 31 tại Việt Nam

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

– Xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á trên bản đồ.

– Kể tên các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

Khu vực Đông Nam Á ở phía đông nam châu Á, tiếp giáp với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

Đông Nam Á có 11 quốc gia, gồm hai bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

▲ **Hình 2.** Bản đồ các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á

2. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

a) Sự ra đời của ASEAN

Đọc thông tin, em hãy:

– Nêu sự ra đời của ASEAN.

– Kể tên các quốc gia gia nhập ASEAN từ năm 1967 cho đến nay.

Ngày 8 – 8 – 1967, tại Băng Cốc (Thái Lan), 5 nước: Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và Xin-ga-po đã kí tuyên bố về việc thành lập "Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á", viết tắt là ASEAN. Mục tiêu chung của ASEAN là đoàn kết, hợp tác để giữ gìn hoà bình, an ninh, ổn định khu vực và cùng nhau phát triển kinh tế – xã hội.

Sau năm 1967, ASEAN lần lượt kết nạp thêm các quốc gia: Bru-nây, Việt Nam, Lào, Mi-an-ma, Cam-pu-chia và Ti-mo Lét-xtê. Đến nay, 11 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á đều là thành viên của ASEAN.

Em có biết?

Cờ ASEAN có bốn màu sắc chủ đạo, mang ý nghĩa khác nhau. Màu xanh tượng trưng cho hoà bình và sự ổn định. Màu đỏ thể hiện sự năng động và lòng can đảm. Màu trắng biểu tượng cho sự tinh khiết. Màu vàng tượng trưng cho sự thịnh vượng. Vòng tròn màu đỏ viền trắng thể hiện sự thống nhất của cộng đồng ASEAN. Hình ảnh bó lúa tượng trưng cho ước mơ về một ASEAN gắn bó trong tình hữu nghị và đoàn kết. Lá cờ đại diện cho một ASEAN năng động, thống nhất, hoà bình và ổn định.

▲ **Hình 3.** Cờ ASEAN

b) Việt Nam trong ASEAN

Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy nêu ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN.

Ngày 28 – 7 – 1995, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN và trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội. Đây là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu quá trình hội nhập khu vực của Việt Nam và tiến trình hợp tác, liên kết của cả khu vực.

Gia nhập ASEAN tạo cho Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển kinh tế nhờ mở rộng thị trường tiêu thụ và thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Đồng thời, nước ta có thể mở rộng giao lưu văn hoá, tạo cơ hội việc làm và nâng cao năng lực của người lao động. Từ đó, vị thế của nước ta trong ASEAN và trên thế giới được nâng cao.

▲ **Hình 4.** Hội nghị Cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội năm 1998

Em có biết?

Từ khi gia nhập ASEAN đến nay, Việt Nam đã đảm nhận nhiều vai trò và đăng cai nhiều hội nghị như: Chủ nhà Hội nghị cấp cao ASEAN 6, Chủ tịch Uỷ ban thường trực ASEAN (2000 – 2001), Chủ tịch ASEAN (năm 2010, năm 2020),...

LUYỆN TẬP

Dựa vào bản đồ các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, hãy xác định các quốc gia thành viên của ASEAN trên bản đồ.

VẬN DỤNG

Sưu tầm và chia sẻ với bạn về hình ảnh quốc kì của một số quốc gia thành viên ASEAN.

Chủ đề 5
TÌM HIỂU THẾ GIỚI

BÀI 22 CÁC CHÂU LỤC VÀ ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của các châu lục, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả Địa Cầu.
- Nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, thiên nhiên,...) của các châu lục.
- Kể được tên và xác định được vị trí địa lí của các đại dương trên bản đồ hoặc quả Địa Cầu.
- Sử dụng bảng số liệu và lược đồ hoặc bản đồ, so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương.

KHỞI ĐỘNG

Thế giới có nhiều châu lục và đại dương. Hãy kể tên một số châu lục và đại dương mà em biết.

KHÁM PHÁ

1. Các châu lục trên thế giới

a) Khái quát chung

Đọc thông tin, quan sát hình 1 và bảng 1, em hãy:

– Kể tên và xác định vị trí địa lí của các châu lục trên bản đồ.

– So sánh diện tích của các châu lục trên thế giới.

Trên thế giới có sáu châu lục là châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực. Các châu lục có sự khác biệt về diện tích, vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên.

BẢNG 1. DIỆN TÍCH CỦA CÁC CHÂU LỤC TRÊN THẾ GIỚI

Châu lục	Châu Á	Châu Âu	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương	Châu Nam Cực
Diện tích *(triệu km²)*	44,4	10,3	30,3	42	8,5	14

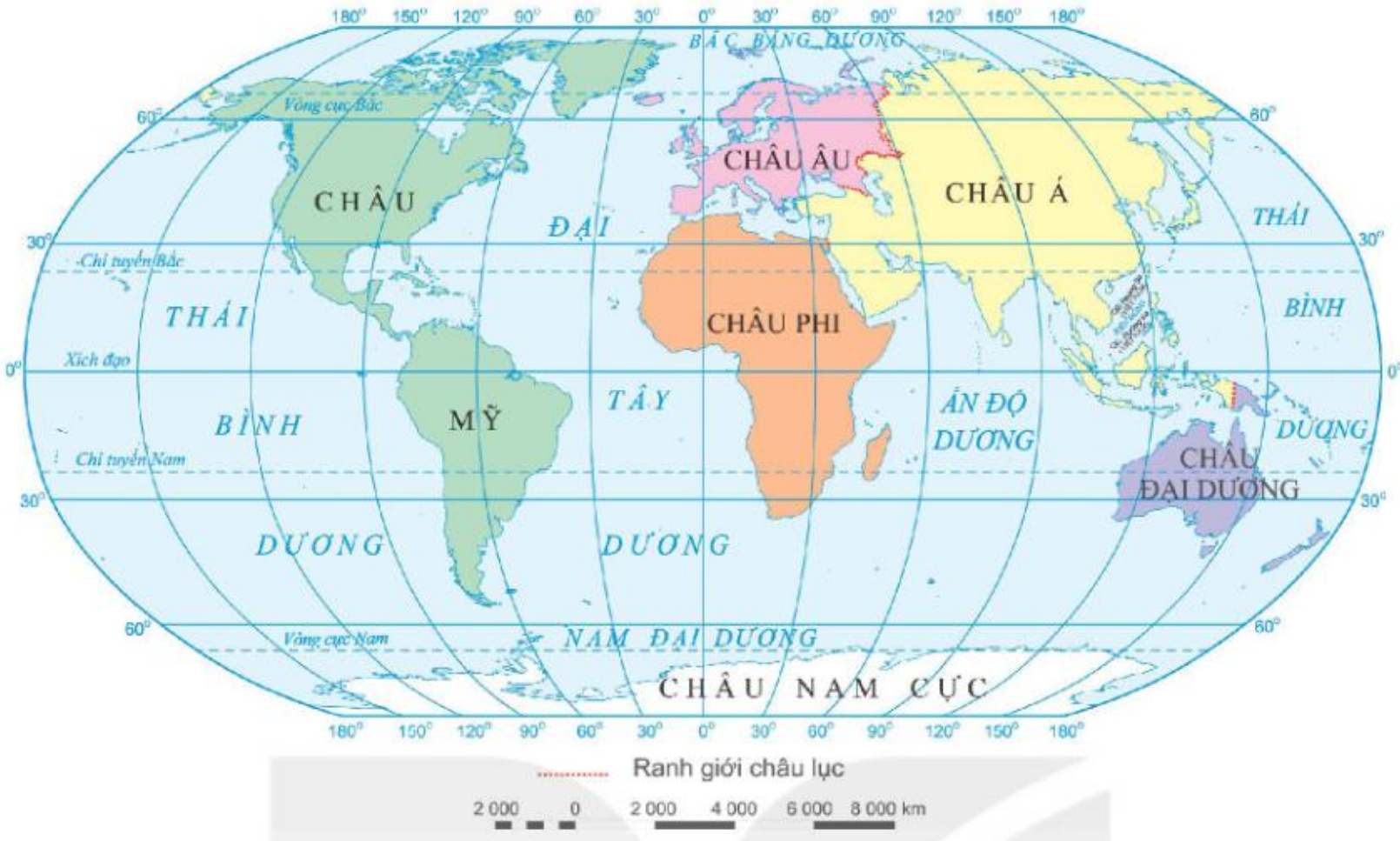

▲ **Hình 1.** Bản đồ các châu lục và đại dương trên thế giới

b) Đặc điểm tự nhiên

Đọc thông tin, sử dụng quả Địa Cầu và quan sát các hình từ 2 đến 10, em hãy:

– Kể tên và xác định vị trí của một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của thế giới trên quả Địa Cầu.

– Nêu một số đặc điểm tự nhiên nổi bật của các châu lục.

– Châu Á

Địa hình châu Á rất đa dạng, bao gồm núi, cao nguyên (chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích châu lục) và các đồng bằng châu thổ rộng lớn. Châu Á có đủ các đới khí hậu (nhiệt đới, ôn đới, hàn đới). Châu lục này có nhiều hệ thống sông lớn là Hoàng Hà, Trường Giang, Ấn – Hằng, Mê Công,… và các hồ lớn như Ca-xpi (Caspi), Bai-can (Baikal), A-ran (Aral),… Thiên nhiên châu Á phân hoá rất đa dạng.

▲ **Hình 2.** Một phần dãy Hi-ma-lay-a ở Nê-pan (Nepal)

Em có biết?

Đỉnh Ê-vơ-rét (Everest) có độ cao 8 848 m thuộc dãy Hi-ma-lay-a (Himalaya) là đỉnh núi cao nhất thế giới.

Hồ Bai-can là hồ sâu nhất thế giới. Hồ chứa khoảng 20% tổng lượng nước ngọt không đóng băng trên thế giới.

– Châu Âu

Đồng bằng ở châu Âu chiếm $\frac{2}{3}$ diện tích lãnh thổ và kéo dài từ tây sang đông. Đồi núi chiếm $\frac{1}{3}$ diện tích lãnh thổ, hệ thống núi cao tập trung ở phía nam. Châu Âu chủ yếu có khí hậu ôn đới, thiên nhiên thay đổi theo mùa và vị trí gần hay xa biển. Châu lục này có khá nhiều sông, nhưng chủ yếu là các sông nhỏ. Một số sông lớn là Đa-nuýp (Danube), Von-ga (Volga),...

▲ **Hình 3.** Sông Đa-nuýp đoạn chảy qua Đức

▲ **Hình 4.** Một phần dãy An-pơ (Alps) ở Thuỵ Sỹ

– Châu Phi

Địa hình châu Phi khá cao, độ cao trung bình 750 m, chủ yếu có các sơn nguyên xen với bồn địa thấp. Châu Phi có khí hậu khô, nóng bậc nhất thế giới, hình thành các hoang mạc rộng lớn và rất khô hạn như Xa-ha-ra (Sahara), Ca-la-ha-ri (Kalahari),... Mạng lưới sông ngòi của châu Phi thưa thớt và phân bố không đồng đều; một số sông lớn là Nin (Nile), Công-gô (Congo),... Châu Phi có nhiều hồ lớn như Vích-to-ri-a (Victoria), Tan-ga-ni-ca (Tanganyika),...

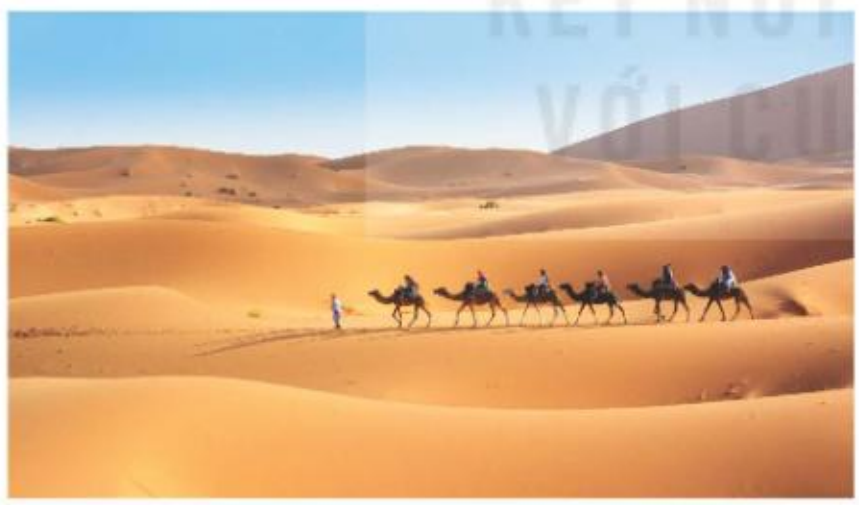

▲ **Hình 5.** Hoang mạc Xa-ha-ra ở Ma-rốc (Morocco)

▲ **Hình 6.** Xa van ở Kê-ni-a (Kenya)

– Châu Mỹ

Châu Mỹ bao gồm lục địa Bắc Mỹ và lục địa Nam Mỹ. Hai lục địa này được nối với nhau bởi eo đất Trung Mỹ.

Địa hình châu lục được chia thành ba khu vực rõ rệt: phía tây là các dãy núi cao; các đồng bằng ở giữa và phía đông là các dãy núi, cao nguyên thấp.

Châu Mỹ có khí hậu phân hoá theo chiều bắc – nam, đông – tây và theo độ cao.

Thiên nhiên của châu lục rất đa dạng. Hệ thống sông, hồ khá dày. Một số sông lớn là Mi-xi-xi-pi (Mississippi), A-ma-dôn (Amazon),... Một số hồ lớn là hồ Thượng, hồ Gấu Lớn,...

▲ **Hình 7.** Một phần rừng A-ma-dôn ở Bra-xin (Brazil)

Em có biết?

Rừng A-ma-dôn ở Nam Mỹ là rừng nhiệt đới rộng nhất thế giới (khoảng hơn 5 triệu km²). Đây được coi là "lá phổi xanh" của Trái Đất, cung cấp oxy cho sự sống, giúp điều hoà khí hậu và cân bằng hệ sinh thái.

– Châu Đại Dương

Châu Đại Dương bao gồm lục địa Ô-xtrây-li-a và các đảo, quần đảo ở trung tâm Thái Bình Dương.

Lục địa Ô-xtrây-li-a bao gồm vùng núi phía đông; vùng đồng bằng, bồn địa ở trung tâm và vùng cao nguyên phía tây. Khí hậu của lục địa khô hạn, phần lớn diện tích là hoang mạc và xa van. Tài nguyên sinh vật độc đáo do cách biệt với phần còn lại của thế giới.

Phần lớn các đảo và quần đảo của châu Đại Dương có khí hậu nóng ẩm, rừng rậm và rừng dừa bao phủ.

▲ **Hình 8.** Can-gu-ru (Kangaroo)

▲ **Hình 9.** Gấu túi

– Châu Nam Cực

Địa hình châu Nam Cực là cao nguyên cao, được bao phủ một lớp băng dày. Châu Nam Cực có khí hậu lạnh và khô nhất trên Trái Đất. Thực vật ở châu lục rất nghèo nàn, động vật chỉ có một số loài chịu lạnh như chim cánh cụt, hải cẩu,...

▲ **Hình 10.** Chim cánh cụt

Em có biết?

Châu Nam Cực được phát hiện và nghiên cứu muộn nhất so với các châu lục khác. Châu lục này được ghi nhận là nơi có nhiệt độ thấp nhất trên Trái Đất.

2. Các đại dương trên thế giới

Đọc thông tin, quan sát hình 1 và bảng 2, em hãy:

– Kể tên và xác định vị trí địa lí của các đại dương trên bản đồ.

– So sánh diện tích, độ sâu của các đại dương trên thế giới.

Các đại dương trên thế giới bao phủ hơn 70% diện tích bề mặt và chiếm hơn 96% lượng nước trên Trái Đất. Thế giới có năm đại dương, gồm: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương và Nam Đại Dương.

Các đại dương thông với nhau, tuy nhiên giữa các đại dương có sự khác nhau về diện tích, độ sâu,...

Em có biết?

Các đại dương là ngôi nhà của hơn 230 nghìn sinh vật biển. Tuy nhiên, các đại dương đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường và sự suy giảm tài nguyên sinh vật.

BẢNG 2. DIỆN TÍCH VÀ ĐỘ SÂU TRUNG BÌNH CỦA CÁC ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI

Đại dương	Đại Tây Dương	Ấn Độ Dương	Thái Bình Dương	Bắc Băng Dương	Nam Đại Dương
Diện tích *(triệu km²)*	106,4	70,6	165,3	14,1	22,0
Độ sâu trung bình *(m)*	3 338	3 741	4 280	987	3 270

(Nguồn: Liên hợp quốc, năm 2022)

LUYỆN TẬP

Hãy trả lời các câu hỏi dưới đây.

a) Châu lục, đại dương nào có diện tích lớn nhất trên thế giới?

b) Châu lục, đại dương nào có diện tích nhỏ nhất trên thế giới?

c) Châu lục nào lạnh và khô nhất thế giới?

d) Hoang mạc Xa-ha-ra nằm ở châu lục nào?

VẬN DỤNG

Trong các châu lục đã học, em muốn được đặt chân đến khám phá châu lục nào? Vì sao em có lựa chọn đó?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 23 DÂN SỐ VÀ CÁC CHỦNG TỘC CHÍNH TRÊN THẾ GIỚI

Sau bài học này, em sẽ:

- Sử dụng bảng số liệu dân số thế giới, so sánh được dân số giữa các châu lục trên thế giới.
- Kể được tên và mô tả được những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới.
- Sử dụng lược đồ và trình bày được sự phân bố của các chủng tộc trên thế giới.
- Biết ứng xử phù hợp thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.

KHỞI ĐỘNG

Trong bài hát "Thiếu nhi thế giới liên hoan", nhạc sĩ Lưu Hữu Phước có viết: *"Vàng, đen, trắng, nước da không chia tấm lòng".*

Theo em, câu hát trên thể hiện ý nghĩa gì?

KHÁM PHÁ

1. Dân số thế giới

Đọc thông tin, bảng số dân các châu lục năm 2024, em hãy:

– Cho biết châu lục có số dân nhiều nhất và châu lục có số dân ít nhất.

– Nêu nhận xét về số dân của các châu lục trên thế giới.

Số dân trên thế giới ngày càng tăng. Trước thế kỉ XIX, số dân thế giới chỉ khoảng 1 tỉ người. Đến năm 2024, số dân thế giới đạt hơn 8 tỉ người nhưng có sự khác nhau giữa các châu lục và các quốc gia.

Châu Á là châu lục đông dân nhất, chiếm hơn 50% số dân toàn thế giới.

BẢNG SỐ DÂN CÁC CHÂU LỤC NĂM 2024

Châu lục	Châu Á	Châu Âu	Châu Đại Dương	Châu Mỹ	Châu Phi
Số dân *(triệu người)*	4 773	747	44	1 040	1 478

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024, Cục Thống kê năm 2025)

2. Các chủng tộc trên thế giới

a) Đặc điểm ngoại hình của các chủng tộc

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

– Kể tên các chủng tộc chính trên thế giới.

– Mô tả những nét chính về ngoại hình của các chủng tộc trên thế giới (màu da, tóc, mắt,...).

Trên thế giới có bốn chủng tộc chính là: Môn-gô-lô-it (Mongoloid), Nê-grô-it (Negroid), Ơ-rô-pê-ô-it (Europeoid) và Ô-xtra-lô-it (Australoid).

Các chủng tộc có đặc điểm ngoại hình (màu da, tóc, mắt, mũi,...) khác nhau rõ nét.

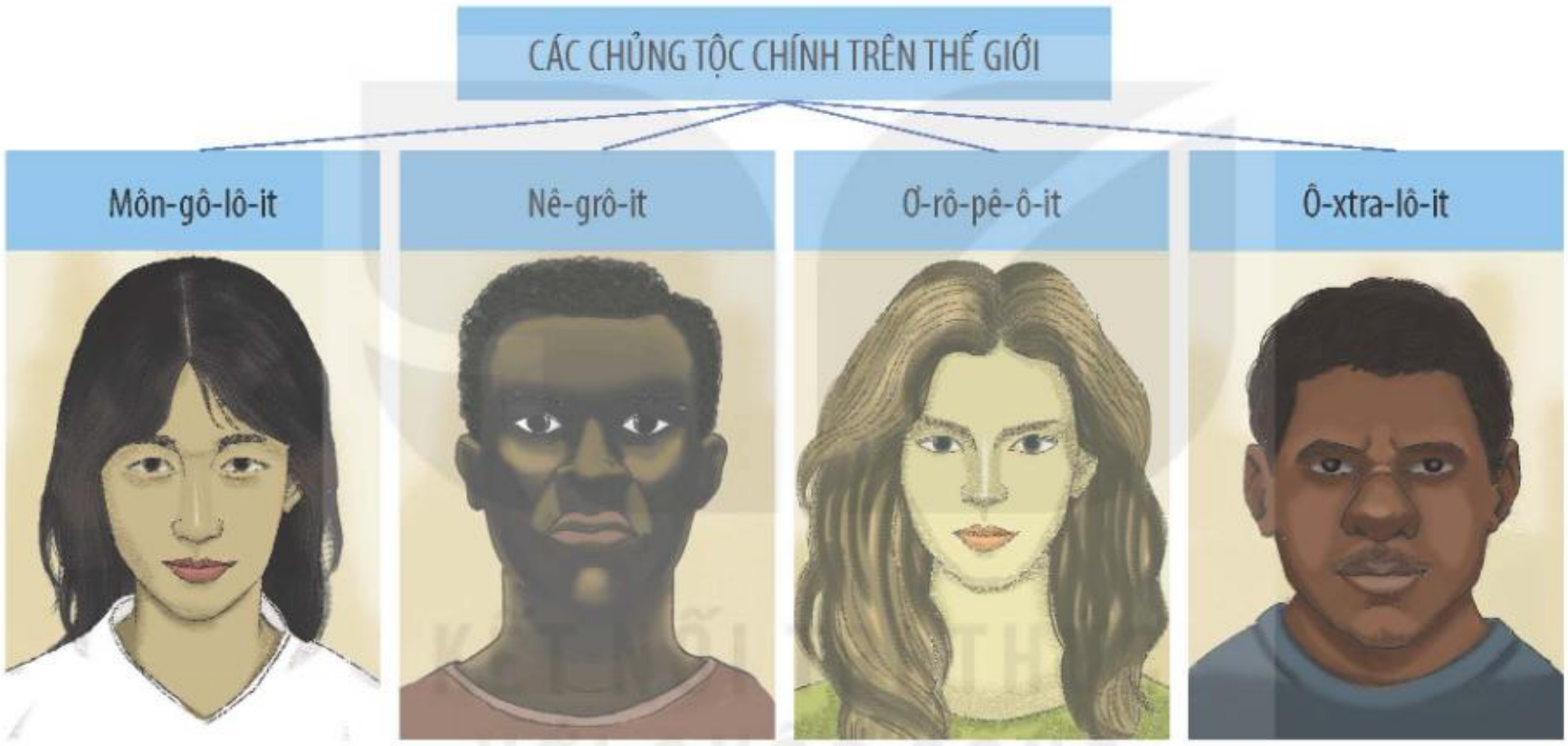

▲ **Hình 1.** Các chủng tộc chính trên thế giới

b) Sự phân bố của các chủng tộc

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy trình bày sự phân bố của các chủng tộc chính trên thế giới.

Chủng tộc Môn-gô-lô-it phân bố chủ yếu ở châu Á và châu Mỹ, chủng tộc Nê-grô-it phân bố chủ yếu ở châu Phi, chủng tộc Ơ-rô-pê-ô-it phân bố chủ yếu ở châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương, chủng tộc Ô-xtra-lô-it phân bố chủ yếu ở châu Đại Dương.

Ngoài ra, còn có các nhóm người lai, là kết quả của quá trình cùng chung sống giữa các chủng tộc. Ngày nay, với sự phát triển của xã hội loài người, các chủng tộc đã phân bố ở khắp mọi nơi trên Trái Đất.

Các chủng tộc sinh ra trên thế giới đều có quyền như nhau và hoàn toàn bình đẳng.

Em có biết?

Cách đây khoảng 20 nghìn năm, mực nước biển trên thế giới thấp hơn nhiều so với hiện nay. Châu Á và Bắc Mỹ được nối với nhau bởi eo đất Bê-rinh (Bering). Vì thế, người Môn-gô-lô-it đã di chuyển từ châu Á sang và trở thành người dân bản địa của châu Mỹ.

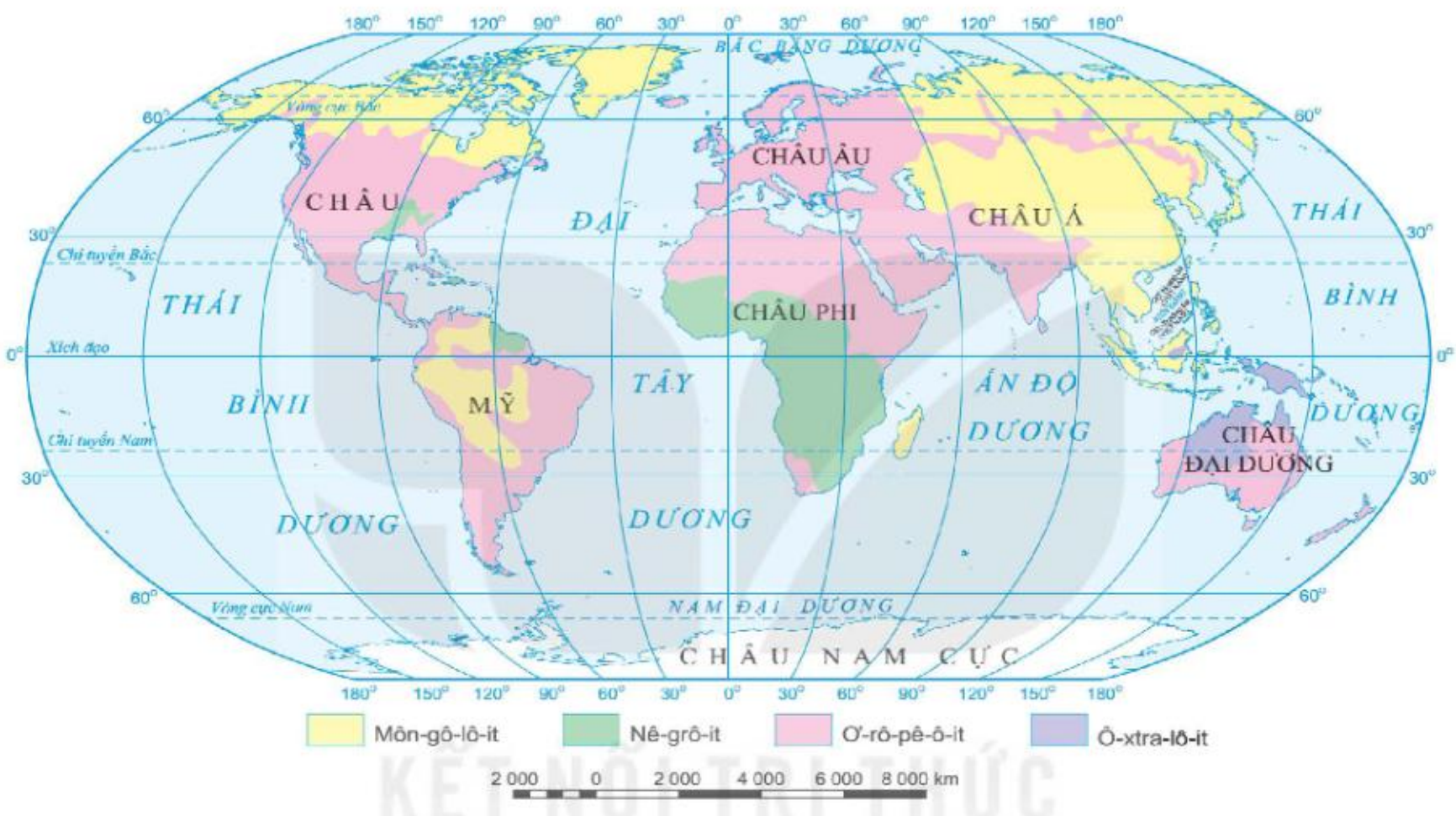

▲ **Hình 2.** Bản đồ phân bố các chủng tộc chính trên thế giới

LUYỆN TẬP

1. Dựa vào bảng số dân các châu lục năm 2024, hãy sắp xếp số dân các châu lục trên thế giới theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

2. Hãy vẽ sơ đồ về đặc điểm ngoại hình và sự phân bố của bốn chủng tộc trên thế giới.

VẬN DỤNG

Hãy viết một đoạn văn (5 – 7 câu) thể hiện suy nghĩ của em về việc tôn trọng sự khác biệt chủng tộc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 24 VĂN MINH AI CẬP

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập: kim tự tháp, đồng hồ mặt trời,...
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về kim tự tháp và pha-ra-ông,...

KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình 1 và cho biết thành tựu này thuộc nền văn minh nào trên thế giới? Em biết thành tựu nào khác của nền văn minh này?

▲ **Hình 1.** Kim tự tháp và tượng Nhân sư ở Ghi-da (Giza)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí và một số thành tựu tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy:

– Xác định vị trí địa lí của nước Ai Cập hiện nay.

– Kể tên và mô tả một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập.

Ai Cập nằm ở vùng Đông Bắc châu Phi, nơi có dòng sông Nin (Nile) chảy qua; tiếp giáp với Địa Trung Hải, Biển Đỏ, Xu-đăng (Sudan) và Li-bi (Libya).

Em có biết?

Sông Nin dài khoảng 6 700 km, đoạn chảy qua Ai Cập dài 700 km. Sông đem lại nguồn phù sa màu mỡ, cung cấp nguồn nước và là đường giao thông quan trọng của Ai Cập. Vì vậy, Hê-rô-đốt (Herodotos) từng nói: "Ai Cập là quà tặng của sông Nin".

▲ **Hình 2.** Lược đồ Ai Cập ngày nay

Thời cổ đại, cư dân Ai Cập đã sáng tạo nên một nền văn minh vô cùng rực rỡ với nhiều thành tựu nổi bật như: kim tự tháp, đồng hồ mặt trời, giấy pa-pi-rút (papyrus),...

Kim tự tháp

Kim tự tháp Ai Cập là khu lăng mộ của các pha-ra-ông (pharaoh – vua), hoàng hậu. Các kim tự tháp được xây dựng bằng đá nguyên khối với kiến trúc hình chóp, đáy hình vuông và bốn mặt đều nhau. Bên trong kim tự tháp là nơi đặt hài cốt của vua, hoàng hậu kèm theo nhiều vàng bạc, đá quý,... Trong số các kim tự tháp, đồ sộ nhất là kim tự tháp Kê-ốp (Kheops), một trong những kì quan của thế giới cổ đại.

Em có biết?

Gần các kim tự tháp ở Ghi-da có tượng nhân sư (đầu người, thân sư tử) được làm bằng đá, cao 20 m, dài 53 m, riêng phần đầu dài 2 m. Tượng nhân sư thể hiện trí tuệ con người và sức mạnh của chúa sơn lâm.

Đồng hồ mặt trời

Đồng hồ mặt trời được người Ai Cập cổ đại phát minh vào khoảng năm 3500 TCN, sau đó được sử dụng rộng rãi trong đời sống hằng ngày. Người ta xây một cột đá,

dưới ánh nắng mặt trời, thời gian được xác định dựa trên sự thay đổi về hướng và chiều dài của bóng cột: bóng đổ ngắn là thời gian gần trưa, bóng đổ dài là thời gian chiều.

Việc phát minh ra đồng hồ giúp người Ai Cập cổ đại theo dõi thời gian một cách dễ dàng hơn.

2. Chuyện kể về kim tự tháp và pha-ra-ông

Đọc thông tin, em hãy:

– Kể lại câu chuyện về kim tự tháp và Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát (Cleopatra).

– Chia sẻ với bạn cảm nghĩ của em về một trong hai câu chuyện đó.

Câu chuyện Lịch sử

XÂY DỰNG KIM TỰ THÁP KÊ-ỐP

Vào thời cổ đại, người Ai Cập xây dựng nhiều kim tự tháp, trong đó lớn nhất là kim tự tháp Kê-ốp. Đây là công trình được xây dựng làm lăng mộ cho pha-ra-ông Kê-ốp. Để xây dựng xong kim tự tháp này, người ta đã phải huy động đến hàng trăm nghìn người làm việc liên tục trong khoảng 20 năm.

Với chiều cao 147 m, kim tự tháp được dựng lên từ 2,3 triệu tảng đá, mỗi tảng nặng từ 2,5 tấn đến 4 tấn. Đá được vận chuyển từ những địa điểm cách xa hàng trăm ki-lô-mét. Các tảng đá được ghè đẽo theo kích thước định sẵn, mài nhẵn, xếp chồng khít lên nhau hàng trăm tầng mà không sử dụng bất cứ chất kết dính nào.

Sự vĩ đại của kim tự tháp thể hiện sức sáng tạo của người Ai Cập. Cho đến nay, những bí ẩn của các kim tự tháp nói chung và kim tự tháp Kê-ốp nói riêng vẫn đang thách thức năng lực và trí tuệ của con người.

(Theo Đặng Đức An (Chủ biên), *Những mẩu chuyện lịch sử thế giới*, Sđd)

▲ **Hình 3.** Kim tự tháp Kê-ốp

Câu chuyện Lịch sử

NỮ HOÀNG CỜ-LÊ-Ô-PÁT

Ở đất nước Ai Cập cổ đại có một vị nữ hoàng nổi tiếng thông minh, xinh đẹp tên là Cờ-lê-ô-pát. Bà có thể nói nhiều thứ tiếng, có vốn kiến thức phong phú về thiên văn, địa lí, lịch sử,...

Cờ-lê-ô-pát lên ngôi khi mới 17 tuổi. Trong thời gian trị vì của mình, bà đã cho xây dựng một đội quân hùng mạnh, một hạm đội các tàu chiến để có thể đương đầu với đế chế La Mã. Bà còn sở hữu giọng nói ngọt ngào, vì thế một câu chuyện dù tẻ nhạt đến đâu nhưng khi được kể bằng giọng của nữ hoàng cũng trở thành câu chuyện đầy lôi cuốn.

▲ **Hình 4.** Chân dung Nữ hoàng Cờ-lê-ô-pát trên mặt một đồng tiền của Ai Cập

Cờ-lê-ô-pát được dân chúng tôn thờ như một vị nữ thần của Ai Cập.

(Theo Thế Anh, Minh Châu (dịch), *Nữ hoàng Ai Cập*, NXB Thanh Hoá, 2008)

LUYỆN TẬP

1. Mô tả về một thành tựu văn minh khác của Ai Cập theo tư liệu mà em sưu tầm được.

2. Em ấn tượng nhất với thành tựu văn minh nào của Ai Cập cổ đại? Vì sao?

VẬN DỤNG

Tìm hiểu qua sách, báo, internet,... kể tên một số thành tựu văn minh Ai Cập vẫn được bảo tồn đến ngày nay.

BÀI 25 VĂN MINH HY LẠP

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của nước Hy Lạp hiện nay trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc,... của văn minh Hy Lạp.
- Sưu tầm và kể lại được một số câu chuyện về lịch sử Ô-lim-píc, về các vị thần của Hy Lạp.

KHỞI ĐỘNG

Hình bên là biểu tượng của Thế vận hội Ô-lim-píc (Olympic). Theo em, sự kiện thể thao lớn nhất hành tinh này được khởi nguồn từ nền văn minh cổ đại nào? Hãy chia sẻ những điều em biết về nền văn minh đó.

▲ **Hình 1.** Biểu tượng Thế vận hội Ô-lim-píc

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí và một số thành tựu tiêu biểu

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 2 đến 4, em hãy:

– Xác định vị trí địa lí của nước Hy Lạp hiện nay.

– Kể tên và mô tả một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp cổ đại.

Hy Lạp ngày nay nằm ở phía nam châu Âu, phía bắc tiếp giáp An-ba-ni (Albania), Bắc Ma-xê-đô-ni-a (Macedonia) và Bun-ga-ri (Bulgaria); phía đông và nam giáp Thổ Nhĩ Kỳ và biển Ê-giê (Aegea); phía tây giáp biển I-ô-ni (Ionia).

Em có biết?

Thời cổ đại, lãnh thổ Hy Lạp chủ yếu ở phía nam bán đảo Ban-căng (Balkan), các đảo trong vùng biển Ê-giê (Aegea) và vùng biển phía tây Tiểu Á.

Văn minh Hy Lạp cổ đại có những đóng góp lớn cho nhân loại trên nhiều lĩnh vực như: chữ viết, văn học, khoa học, kĩ thuật và các thành tựu về kiến trúc, điêu khắc,...

▲ **Hình 2.** Lược đồ Hy Lạp ngày nay

Kiến trúc

Hy Lạp cổ đại có nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng như: đền thờ thần Dớt (Zeus), đền thờ thần A-pô-lô (Apollo), đền thờ nữ thần Hê-ra (Hera),... Trong đó, nổi bật là đền Pác-tê-nông (Parthenon) thờ thần A-tê-na (Athena) – nữ thần bảo hộ thành A-ten (Athens).

Đền Pác-tê-nông được xây dựng trên đồi A-crô-pôn (Acropole) vào thế kỉ V TCN. Đền được xây dựng bằng đá cẩm thạch trắng, mái được đỡ bởi các cột tròn ở bốn mặt. Bên trong đền có một phòng lớn, phía trước đặt tượng thờ nữ thần A-tê-na cao 6 m, được chế tác từ vàng và ngà voi.

Đền Pác-tê-nông là một kiệt tác kiến trúc của văn minh Hy Lạp cổ đại, một phần còn được lưu giữ đến ngày nay.

▲ **Hình 3.** Đền Pác-tê-nông

Em có biết?

Đền Pác-tê-nông được UNESCO ghi danh là Di sản thế giới và sử dụng hình ảnh mô phỏng mặt tiền của đền làm biểu tượng của tổ chức này.

Điêu khắc

Điêu khắc của Hy Lạp thể hiện khát vọng vươn tới sự hoàn hảo trong vẻ đẹp hình thể của con người. Các tác phẩm tiêu biểu là: tượng lực sĩ ném đĩa, tượng thần Vệ nữ Mi-lô (Milo), tượng thần Dớt và các phù điêu,...

Tượng lực sĩ ném đĩa khắc hoạ hình ảnh một vận động viên trong tư thế ném đĩa. Bức tượng có tỉ lệ cơ thể cân đối, dáng vẻ cường tráng. Đây là bức tượng độc đáo của điêu khắc Hy Lạp cổ đại, tượng trưng cho sự tự tin và khát vọng chiến thắng trong thể thao.

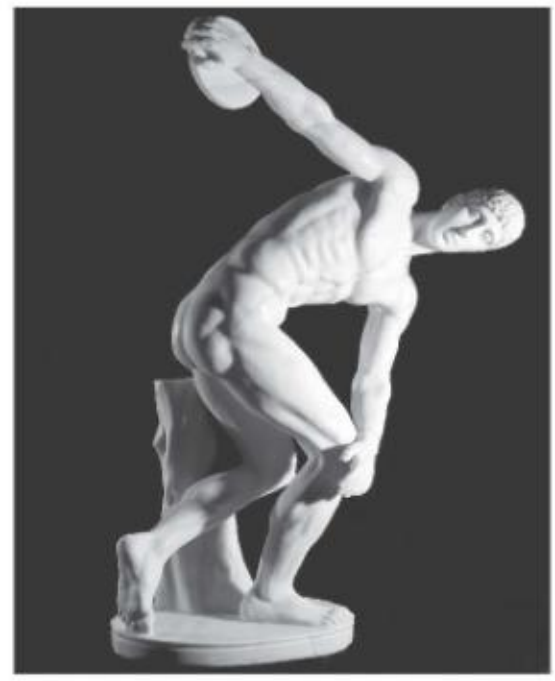

▲ **Hình 4.** Tượng lực sĩ ném đĩa

2. Chuyện kể về các vị thần và lịch sử Ô-lim-pic

Đọc thông tin, em hãy:

– Kể lại một câu chuyện về lịch sử Ô-lim-pic hoặc các vị thần của Hy Lạp.

– Em ấn tượng với câu chuyện nào nhất? Vì sao?

Câu chuyện Lịch sử

A-TÊ-NA – NỮ THẦN TRÍ TUỆ VÀ TÀI NĂNG

Theo truyền thuyết, A-tê-na là con của thần Dớt và Me-tít (Metis). A-tê-na thông minh, xinh đẹp và có nhiều tài năng. Bà dạy phụ nữ biết cách dệt, may, làm nghề thủ công,... dạy đàn ông cách trồng trọt, làm vườn, luôn bảo vệ các anh hùng khi họ tham gia chiến trận,...

Trong cuộc tìm kiếm vị thần bảo hộ thành phố A-tíc (Thủ đô A-ten sau này), có hai thần là Pô-xê-đông (Poseidon) – thần Biển cả và A-tê-na dự thi. Pô-xê-đông đâm ngọn giáo xuống đất, tạo cột nước lớn để tặng người dân, nhưng đáng tiếc lại là cột nước mặn, không thể sử dụng được. Đến lượt mình, A-tê-na cũng đâm ngọn giáo xuống đất và trồng vào đó một cây ô liu với mong muốn đem lại hoà bình, thịnh vượng.

A-tê-na được coi là vị thần của trí tuệ, nghề thủ công, thần bảo hộ Thủ đô A-ten.

(Theo Nguyễn Văn Khoả, *Thần thoại Hy Lạp*, NXB Văn học, 2022)

▲ **Hình 5.** Tượng thần A-tê-na (Hy Lạp)

Câu chuyện Lịch sử

LỊCH SỬ Ô-LIM-PÍC

Lễ hội Thể thao Ô-lim-píc ra đời ở Hy Lạp cổ đại bởi thần Hê-cra-lét (Heracles) (con trai của thần Dớt), được tổ chức lần đầu tiên vào năm 776 TCN, nhằm tôn vinh các vị thần. Cứ bốn năm một lần, trai tráng ở khắp các thành bang náo nức rèn luyện sức khoẻ, tài năng để tham gia thi đấu. Trong thời gian lễ hội, mọi xung đột giữa các thành bang tạm dừng. Các môn thi đấu gồm: chạy, nhảy, bơi lội, bắn cung, đua ngựa, ném đĩa,... Người đoạt giải cao nhất trong mỗi nội dung sẽ nhận phần thưởng là vòng nguyệt quế linh thiêng được tết từ cành, lá cây ô liu và được tuyên dương ở khắp Hy Lạp.

▲ **Hình 6.** Hình vẽ các vận động viên điền kinh trên bình gốm

Ngày nay, Đại hội Ô-lim-píc mở rộng ra toàn thế giới. Sự kiện này không chỉ là cuộc tranh tài của các môn thể thao mà còn là biểu trưng cho tinh thần đoàn kết, hoà bình của toàn nhân loại.

(Theo Đặng Đức An (Chủ biên), *Những mẩu chuyện lịch sử thế giới*, Sđd)

LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành sơ đồ tư duy (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số thành tựu văn minh Hy Lạp cổ đại.

2. Em ấn tượng nhất với thành tựu nào của văn minh Hy Lạp cổ đại? Vì sao?

VẬN DỤNG

Chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về một thành tựu của văn minh Hy Lạp cổ đại còn được bảo tồn đến ngày nay.

2. Hãy tìm hiểu một thành tựu thuộc các lĩnh vực khác (Lịch sử, Toán học,...) của người Hy Lạp cổ đại và chia sẻ với bạn, người thân.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 6
CHUNG TAY XÂY DỰNG THẾ GIỚI

BÀI 26 XÂY DỰNG THẾ GIỚI XANH – SẠCH – ĐẸP

Sau bài học này, em sẽ:

- Nêu được một số vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người.
- Sử dụng kiến thức lịch sử, địa lí kết hợp với một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...), liệt kê và trình bày được một số vấn đề môi trường (ví dụ: thiên tai, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường,...).
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.
- Thể hiện được sự quan tâm đến vấn đề môi trường trên thế giới qua hình thức vẽ tranh, viết thư,...

KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình 1 và dựa vào hiểu biết của bản thân, hãy cho biết nếu Trái Đất tiếp tục nóng lên, điều gì sẽ xảy ra với các đối tượng trong ảnh.

▲ **Hình 1.** Băng tan ở Bắc Cực

KHÁM PHÁ

1. Vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người

Đọc thông tin, em hãy:

– Nêu vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống của con người.

– Lấy ví dụ minh hoạ về một trong các vai trò của thiên nhiên.

Thiên nhiên đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống của con người. Thiên nhiên là không gian sinh sống, cung cấp nguồn tài nguyên cần thiết cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. Đồng thời, thiên nhiên là nơi chứa đựng các chất thải do con người tạo ra.

2. Một số vấn đề môi trường trên thế giới

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 2 đến 5, em hãy:

– Kể tên một số vấn đề môi trường con người đang phải đối mặt.

– Trình bày biểu hiện và tác động của một số vấn đề môi trường đó.

Trong nhiều thập kỉ qua, thế giới đã và đang phải đối mặt với nhiều thách thức về môi trường, tác động rất lớn đến sự phát triển của nhân loại. Nguyên nhân chủ yếu gây ra các vấn đề môi trường là do hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG TRÊN THẾ GIỚI

Vấn đề môi trường	Biểu hiện	Tác động
Thiên tai	Các loại thiên tai như bão, lũ, động đất, sóng thần, núi lửa, hạn hán,... xuất hiện ngày càng nhiều	Gây thiệt hại về người và tài sản, đồng thời ảnh hưởng tới sinh hoạt và hoạt động sản xuất của con người
Biến đổi khí hậu	Sự nóng lên toàn cầu và mực nước biển dâng	Làm suy giảm sức khoẻ của con người và gây thiệt hại về kinh tế, môi trường
Suy giảm tài nguyên thiên nhiên	Diện tích rừng tự nhiên và số lượng cá thể, loài sinh vật giảm; tài nguyên khoáng sản dần cạn kiệt;...	Làm mất môi trường sống của nhiều loài sinh vật, suy giảm đa dạng sinh học và gây khó khăn cho sinh hoạt và sản xuất
Ô nhiễm môi trường	Môi trường đất, nước, không khí,... một số nơi bị biến đổi theo chiều hướng xấu	Gia tăng các loại dịch bệnh và làm suy giảm sức khoẻ của con người

▲ **Hình 2.** Thảm hoạ kép động đất và sóng thần ở I-oa-te (Iwate), Nhật Bản tháng 3 – 2011

▲ **Hình 3.** Lũ quét ở tỉnh Lào Cai, Việt Nam tháng 8 – 2023

▲ **Hình 4.** Cháy rừng ở Oa-sinh-tơn (Washington), Hoa Kỳ tháng 8 – 2015

▲ **Hình 5.** Hồ nước bị ô nhiễm do khai thác đồng ở Ru-ma-ni (Romania) năm 2017

3. Biện pháp xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp

Đọc thông tin, em hãy đề xuất một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.

Xây dựng và bảo vệ môi trường sống xanh – sạch – đẹp là trách nhiệm của mọi người.

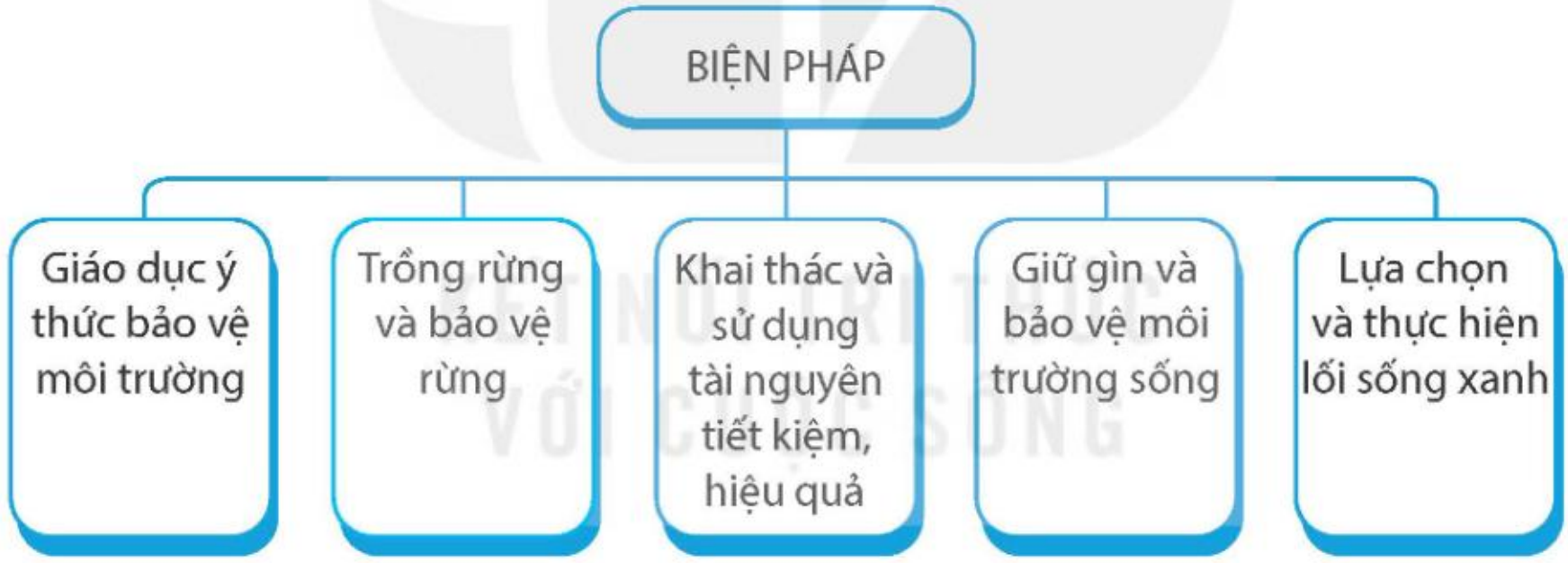

▲ **Hình 6.** Một số biện pháp xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp

LUYỆN TẬP

Hãy vẽ sơ đồ về một số vấn đề môi trường trên thế giới.

VẬN DỤNG

Thông qua hình thức vẽ tranh hoặc viết thư, hãy mô tả lại một hoạt động bảo vệ môi trường mà em đã tham gia.

BÀI 27 XÂY DỰNG THẾ GIỚI HOÀ BÌNH

Sau bài học này, em sẽ:

- Sử dụng một số tư liệu (tranh ảnh, một số câu chuyện về Liên hợp quốc, truyền thuyết về chim bồ câu và cành ô liu, phong trào Chữ thập đỏ, Thế vận hội Ô-lim-píc,...), trình bày được mong ước và cố gắng của nhân loại trong việc xây dựng một thế giới hoà bình.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình.
- Thể hiện được một thế giới trong tương lai qua hình thức vẽ tranh, viết thư, kể chuyện,...

KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình 1 và mô tả những điều em thấy trong bức tranh. Theo em, chúng ta cần làm gì để cùng chung tay xây dựng một thế giới hoà bình?

▲ **Hình 1.** Tranh vẽ thể hiện mong ước hoà bình

KHÁM PHÁ

1. Nhân loại xây dựng thế giới hoà bình

Đọc thông tin, em hãy:

– Kể lại truyền thuyết về chim bồ câu và cành ô liu.

– Nêu mong ước của nhân loại qua Thế vận hội Ô-lim-píc, phong trào Chữ thập đỏ và tổ chức Liên hợp quốc.

Trong lịch sử, nhân loại luôn thể hiện mong ước và nỗ lực chung tay xây dựng một thế giới hoà bình. Điều đó được thể hiện qua truyền thuyết *Chim bồ câu và cành ô liu*, qua những hoạt động cụ thể như: tổ chức Thế vận hội Ô-lim-píc, phong trào Chữ thập đỏ, thành lập Liên hợp quốc,...

TRUYỀN THUYẾT VỀ CHIM BỒ CÂU VÀ CÀNH Ô LIU

Truyền thuyết kể rằng, khi con người sinh sống trên mặt đất mỗi lúc một đông thì cái ác cũng xuất hiện ngày một nhiều hơn. Vì vậy, Thượng đế đã trừng phạt con người bằng một trận đại hồng thuỷ. Chỉ có chàng Nô-ê lương thiện nên nhận được ân sủng của Thượng đế. Theo sự mách bảo của Ngài, Nô-ê đóng một chiếc thuyền lớn, đưa người và tất cả động vật lên thuyền. Trận đại hồng thuỷ kéo dài hàng trăm ngày, làm ngập chìm tất cả núi cao, nhà cửa,... Một hôm, Nô-ê thả cho một con chim bồ câu bay ra khỏi thuyền. Lần thứ nhất, con chim chỉ lượn hết một vòng rồi bay về. Nô-ê biết rằng khắp nơi vẫn còn là nước. Bảy ngày sau, bồ câu lại được thả ra, lần này nó bay trở về với cành ô liu tươi ngậm trên mỏ. Điều này chứng tỏ nước đã rút một phần để lộ ra những nhánh cây non. Sau đó, Nô-ê tiếp tục thả bồ câu ra, lần này thì nó bay đi và không về nữa, chứng tỏ nước đã rút hết. Thế là, Nô-ê đưa cả gia đình trở về, bắt đầu xây dựng một cuộc sống mới.

Từ truyền thuyết đó, hình ảnh chim bồ câu ngậm cành ô liu được coi là biểu tượng của hoà bình.

(Theo Đặng Đức An (Chủ biên), *Những mẩu chuyện lịch sử thế giới*, Sđd)

Thế vận hội Ô-lim-píc

Thế vận hội Ô-lim-píc có nguồn gốc từ đại hội thể thao của người Hy Lạp cổ đại. Sau này, Ô-lim-píc được hồi sinh để tôn vinh nền hoà bình thế giới. Năm 1896, Thế vận hội Ô-lim-píc được tổ chức lần đầu tiên tại A-ten (Hy Lạp) và từ đó trở thành cuộc tranh tài thể thao giữa các quốc gia trên toàn thế giới.

▲ **Hình 2.** Lễ khai mạc Ô-lim-píc Tô-ki-ô (Nhật Bản) năm 2020

Em có biết?

Biểu tượng của Thế vận hội Ô-lim-píc là năm vòng tròn đan vào nhau trên nền màu trắng. Năm vòng tròn đại diện cho năm châu lục trên thế giới. Việc các vòng tròn đan xen vào nhau thể hiện sự liên kết, đoàn kết thống nhất và bình đẳng giữa các châu lục.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Phong trào Chữ thập đỏ

Phong trào Chữ thập đỏ là một phong trào nhân đạo quốc tế, được thành lập để bảo vệ cuộc sống và sức khoẻ của con người. Phong trào này cũng giúp tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, sự hợp tác, hữu nghị, hoà bình giữa các dân tộc trên thế giới.

Liên hợp quốc

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân loại có nguyện vọng bảo vệ hoà bình và ngăn chặn các cuộc chiến tranh thế giới mới. Vì vậy, năm 1945, các nước đã thống nhất thành lập một tổ chức quốc tế để giữ gìn, bảo vệ nền hoà bình và an ninh thế giới lấy tên là Liên hợp quốc, trụ sở đặt tại Niu Oóc (New York, Hoa Kỳ). Trong lời tựa của Hiến chương Liên hợp quốc có đoạn: "Chúng tôi, nhân dân các quốc gia liên hiệp lại, quyết tâm: phòng ngừa cho những thế hệ tương lai khỏi thảm hoạ chiến tranh...".

▲ **Hình 3.** Quân nhân Việt Nam lên đường làm nhiệm vụ tại Phái bộ Gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc ở Nam Xu-đăng

Em có biết?

Cờ của Liên hợp quốc có hai màu là trắng và xanh. Các nhánh ô liu bao quanh là biểu tượng của hoà bình, bên trong là bản đồ thế giới, đại diện cho các quốc gia và công dân trên quả địa cầu.

▲ **Hình 4.** Cờ của Liên hợp quốc

Liên hợp quốc đã và đang triển khai nhiều hoạt động giữ gìn hoà bình, góp phần chấm dứt các cuộc xung đột và đóng góp vào việc ổn định tình hình ở nhiều quốc gia.

2. Một số biện pháp xây dựng thế giới hoà bình

Đọc thông tin và quan sát hình 5, hãy thảo luận và nêu một số biện pháp để xây dựng thế giới hoà bình.

Ngày nay, trên thế giới, một số tổ chức đấu tranh vì hoà bình đã được thành lập như: Hội đồng Hoà bình thế giới, Toà án Công lí quốc tế,...

Nhiều hoạt động vì hoà bình được tổ chức ở các quốc gia như: đi bộ vì hoà bình; mít tinh, lấy chữ kí phản đối chiến tranh; viết thư và gửi quà ủng hộ trẻ em, nhân dân các vùng có chiến tranh;...

Để xây dựng một thế giới hoà bình cần sự chung tay của toàn nhân loại với các biện pháp cụ thể như:

– Tìm hiểu và tích cực tham gia các hoạt động vì hoà bình.

– Tuyên truyền ý thức bảo vệ hoà bình.

– Xây dựng mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị, nhân ái; không kì thị, phân biệt chủng tộc, màu da.

– Giải quyết các cuộc xung đột, mâu thuẫn bằng biện pháp hoà bình.

▲ **Hình 5.** Khai mạc lễ hội Vì hoà bình ở tỉnh Quảng Trị, Việt Nam (năm 2024)

Em có biết?

Ngày 21 – 9 hằng năm được Liên hợp quốc chọn là ngày Quốc tế Hoà bình. Đây là ngày để tôn vinh hoà bình, kêu gọi chấm dứt chiến tranh, bạo lực và bất công.

LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về ý nghĩa của các tổ chức, phong trào vì hoà bình thế giới.

STT	Tên tổ chức/phong trào	Mục đích/ý nghĩa
1	Liên hợp quốc	?
?	?	?

2. Vẽ một bức tranh với chủ đề "Em yêu hoà bình".

VẬN DỤNG

Chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ dưới đây:

1. Hãy kể một hoạt động em đã tham gia (hoặc em biết) để góp phần xây dựng nền hoà bình thế giới.

2. Viết một bức thư (khoảng 10 câu) gửi cho bạn trong đó có đề xuất một số biện pháp để góp phần bảo vệ nền hoà bình thế giới.

BÀI 28 ÔN TẬP

Câu 1. Hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số nét chính của lịch sử Việt Nam dưới Triều Hậu Lê và Triều Nguyễn.

STT	Triều đại	Một số nét chính về lịch sử
1	Triều Hậu Lê	– Vẽ bản đồ Hồng Đức.
2	Triều Nguyễn	?

Câu 2. Hãy vẽ và hoàn thành trục thời gian (theo gợi ý dưới đây vào vở) thể hiện một số sự kiện tiêu biểu của lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay.

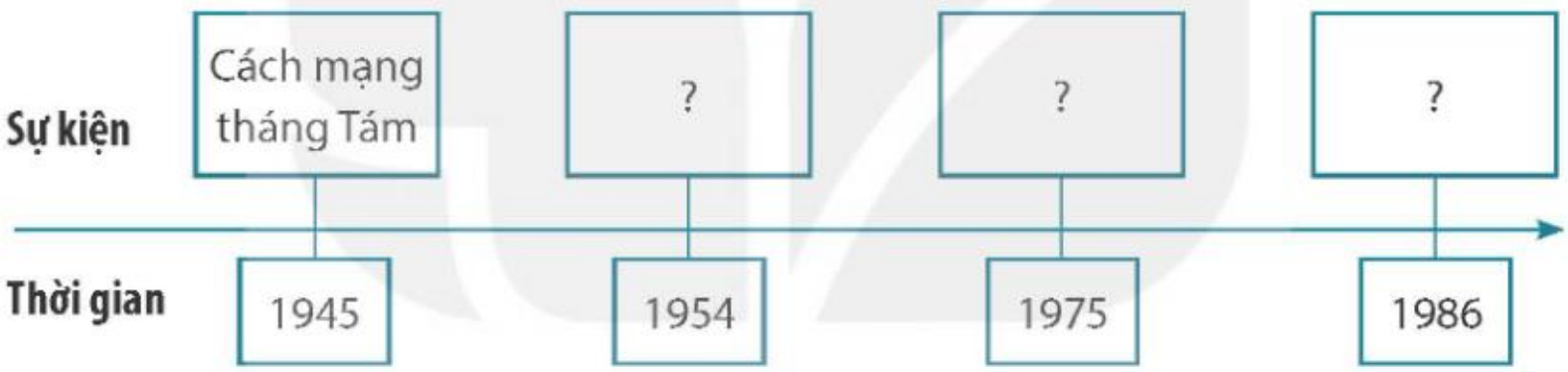

Câu 3. Lựa chọn thông tin cho phù hợp với *Triều Hậu Lê* và *Triều Nguyễn*, sau đó ghi kết quả vào vở.

1. Khởi nghĩa Lam Sơn	2. Kháng chiến chống Pháp
3. Phong trào Cần vương	4. *Quốc triều hình luật*
5. Bản đồ Hồng Đức	6. Thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa
7. Vua Gia Long	8. Vua Minh Mạng
9. Lê Lợi	10. Nguyễn Trãi
11. Nguyễn Công Trứ	12. Lương Thế Vinh
13. Ngô Sỹ Liên	14. Phan Đình Phùng
15. Vua Hàm Nghi	16. Tôn Thất Thuyết

Câu 4. Chọn và kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử của Triều Hậu Lê hoặc Triều Nguyễn. Bày tỏ cảm nghĩ của em về nhân vật lịch sử đó.

Câu 5. Chọn và kể lại một sự kiện lịch sử nổi bật của Triều Hậu Lê hoặc Triều Nguyễn mà em đã được học (theo gợi ý dưới đây):

– Tên sự kiện.

– Diễn biến chính của sự kiện.

– Ý nghĩa của sự kiện.

Câu 6. Em hãy hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về các nước láng giềng của Việt Nam.

Đặc điểm	Trung Quốc	Lào	Cam-pu-chia
Địa hình	?	?	?
Khí hậu	?	?	?
Số dân	?	?	?
Công trình tiêu biểu	?	?	?

Câu 7. Hãy viết một đoạn văn mô tả về đặc điểm tự nhiên của một châu lục mà em yêu thích nhất.

Câu 8. Sưu tầm tư liệu và viết một bài giới thiệu (theo ý tưởng của em) về một thành tựu tiêu biểu của văn minh thế giới mà em có ấn tượng sâu sắc nhất.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

GIẢI THÍCH KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ

A

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (68): là danh hiệu cao nhất của Nhà nước phong tặng hoặc truy tặng cho các cá nhân và tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

B

Bắc thuộc (36): là khái niệm dùng để chỉ thời kì Việt Nam bị lệ thuộc vào chính quyền phong kiến phương Bắc từ năm 179 TCN đến năm 938.

Bảng nhãn (45): danh hiệu người đỗ thứ hai (sau Trạng nguyên) trong kì thi Thái học sinh thời Trần và trong các kì thi Đình từ năm 1374 trở về sau.

Biến đổi khí hậu (110): sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người.

Bồn địa (78, 95, 96): khu vực có địa hình thấp, trũng dạng lòng chảo.

C

Cận nhiệt đới (77): đới tự nhiên chuyển tiếp giữa nhiệt đới và ôn đới.

Châu lục (93, 94, 95,...): bộ phận của thế giới bao gồm nhiều quốc gia nằm trên các lục địa và các đảo phụ thuộc.

Chủ quyền (17, 18, 19): quyền tự quyết, tự định đoạt số phận về lãnh thổ cũng như thực thi pháp lí tự chủ về chính trị, xã hội và các lĩnh vực khác của quốc gia.

Chủng tộc (98, 99, 100): một nhóm người hình thành trong lịch sử trên một lãnh thổ nhất định cùng chung một số đặc điểm như màu da, tóc, mắt, mũi,... liên quan đến nguồn gốc, môi trường sống,...

D

Di tích (28, 32, 33): dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất, có ý nghĩa về mặt văn hoá và lịch sử.

Dụ (60): kêu gọi, thỉnh cầu. *Dụ Cần vương* là văn bản do Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi ban bố nhằm kêu gọi nhân dân đồng lòng đứng lên chống Pháp, giúp vua cứu nước.

Đ

Đa dạng sinh học (110): sự phong phú về nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái.

E

Eo đất (95, 100): dải đất hẹp phân cách hai biển và nối hai vùng đất rộng hoặc hai lục địa với nhau.

G

Gấu túi (96): loài thú đặc trưng chỉ sống ở Ô-xtrây-li-a, có bộ lông mềm, màu xám, dưới bụng có một túi ấp để nuôi con.

Gia nô (45, 47): người đầy tớ trong các gia đình vương hầu, quý tộc thời Lý – Trần – Hồ.

Gia tăng dân số (21): quá trình phát triển số dân trên một lãnh thổ, một nước hoặc trên toàn thế giới, trong một thời gian nhất định (thường là 1 năm trở lên).

H

Hào trưởng (38, 52): người có quyền lực lớn nhất trong một địa phương ở nông thôn thời phong kiến.

Hào kiệt (38, 52, 60): người có tài cao, chí lớn hơn hẳn người thường, có tiếng tăm và uy tín trong nhân dân.

Hệ sinh thái (96): bao gồm các loài sinh vật và môi trường sống của các loài sinh vật đó.

Hoang mạc (78, 95, 96,...): vùng có khí hậu rất khô (mưa ít, hầu như không đáng kể) với những loài sinh vật chịu hạn cao hoặc sinh vật ưa khô hạn phân bố rải rác.

K

Ki-lô-mét vuông (22): diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 km. Ki-lô-mét vuông viết tắt là km^2.

Kì nam (35): loại sản vật quý hiếm, thuộc loại trầm hương có nhiều dầu, nằm trong lõi của cây dó bầu cổ thụ.

L

Lục địa (90, 95, 96): khối đất liền lớn trên bề mặt Trái Đất, xung quanh có biển và đại dương bao bọc.

M

Mật độ dân số (21): số người dân trung bình sống trên một đơn vị diện tích lãnh thổ (đơn vị: người/km^2).

N

Nhã nhạc cung đình (56): loại hình âm nhạc bao gồm các loại nghi thức và tế lễ được biểu diễn phục vụ trong cung đình vào những dịp lễ quan trọng.

Ngụ binh ư nông (45): nghĩa là gửi binh lính ở nhà nông. Theo đó, thời bình binh lính được luân phiên về quê làm ruộng, khi có chiến tranh thì được điều động.

Nguyên phi (42, 50): một trong những người vợ của vua, đứng đầu hàng phi.

Ô

Ô liu (107, 108, 112,...): một loại cây thân gỗ, mọc ở vùng Địa Trung Hải, hạt dùng để ép lấy dầu ăn.

P

Pháp thuộc (18, 19): là thời kì Việt Nam mất chủ quyền và phụ thuộc vào Pháp từ năm 1884 đến năm 1945; phải chịu sự chi phối của Pháp về kinh tế, chính trị, xã hội và văn hoá.

Phân bố dân cư (21, 22): sự bố trí, sắp xếp dân số trên một lãnh thổ, phù hợp với điều kiện sống và các yêu cầu nhất định của xã hội.

Q

Quy mô dân số (20): tổng số dân sinh sống trên một lãnh thổ nhất định (toàn thế giới, châu lục, khu vực, quốc gia,...) tại một thời điểm nhất định.

S

Sản xuất kim loại (luyện kim) (11): ngành công nghiệp sản xuất ra các sản phẩm kim loại.

Si-va (34): tên của thần Huỷ diệt – một trong ba vị thần chính của đạo Hin-đu.

Sơn nguyên (78, 95): một phần rộng lớn của miền núi, bao gồm các dãy núi, cao nguyên và thung lũng.

T

Tác gia (54): một tác giả lớn, có những tác phẩm văn học, nghệ thuật mang ảnh hưởng, tác động sâu sắc, lâu dài đến đời sống xã hội.

Thám hoa (45): danh hiệu người đỗ thứ ba (sau Trạng nguyên và Bảng nhãn) trong kì thi Thái học sinh thời Trần và trong các kì thi Đình từ năm 1374 trở về sau.

Thượng hoàng (44, 47, 49): danh hiệu dùng để gọi một vị vua Triều Trần sau khi nhường ngôi cho con trai đến khi qua đời.

Thời bao cấp (72, 73, 74,...): là tên gọi chỉ một thời kì sinh hoạt kinh tế ở Việt Nam từ sau khi đất nước thống nhất đến khi Đổi mới (1975 – 1986).

Tiều phu (35): người đốn củi trong rừng.

Tốc độ gia tăng dân số (21): là một số tương đối biểu thị nhịp độ tăng giảm quy mô dân số trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm.

Trạng nguyên (45, 46, 55): danh hiệu của người đỗ đầu trong kì thi Thái học sinh thời Trần và của kì thi Đình từ năm 1374 trở về sau.

Trước Công nguyên (TCN, 25): khoảng thời gian tính từ trước khi Chúa Giê-su ra đời (năm 1) trở về trước, trong đó không có năm 0.

X

Xa van (95, 96): đồng cỏ nhiệt đới có các loài cỏ chịu hạn, cây bụi và cây gỗ thưa thớt. Động vật đặc trưng là ngựa vằn, sơn dương, sư tử,...

Xâm nhập mặn (11): hiện tượng nước biển xâm nhập vào sâu trong đất liền.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các cơ quan: Thông tấn xã Việt Nam, Ban Quản lí Di tích văn hoá Óc Eo tỉnh An Giang,
Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh,
Bảo tàng Cần Thơ, Viện Nghiên cứu Kinh thành,... và các tác giả có tác phẩm,
tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu và tái bản: TRẦN ĐÌNH PHIÊN – NGUYỄN THỊ HOÀI THU
Biên tập và thiết kế bản đồ: PHẠM VĂN HẢI
Thiết kế sách: ĐINH THANH LIÊM
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: PHẠM VIỆT QUANG – ĐINH THANH LIÊM
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2024) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 5
Mã số: G1HH5U002h26
In ... bản, (QĐ ...) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in: ...
Địa chỉ: ...
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/45-09/GD
Số QĐXB: - HN ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm ...
Mã số ISBN: 978-604-0-39225-1

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 5, tập một
2. Tiếng Việt 5, tập hai
3. Toán 5, tập một
4. Toán 5, tập hai
5. Khoa học 5
6. Đạo đức 5
7. Âm nhạc 5
8. Mĩ thuật 5
9. Công nghệ 5
10. Lịch sử và Địa lí 5
11. Tin học 5
12. Hoạt động trải nghiệm 5
13. Giáo dục thể chất 5
14. Tiếng Anh 5 – Global Success – SHS, tập một
15. Tiếng Anh 5 – Global Success – SHS, tập hai

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-39225-1

9 786040 392251

Giá: 15.500 đ